

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ MINH THÚY

**VẤN ĐỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH  
TRONG “NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH,  
CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC”  
CỦA ĂNGGHEN VỚI VIỆC XÂY DỰNG  
GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY**

**2014 | PDF | 120 Pages  
buihuuhanh@gmail.com**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng - Năm 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN THỊ MINH THÚY**

**VẤN ĐỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH  
TRONG “NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH,  
CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC”  
CỦA ĂNGGHEN VỚI VIỆC XÂY DỰNG  
GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Triết học**

**Mã số: 60.22.80**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. DƯƠNG ANH HOÀNG**

**Đà Nẵng - Năm 2014**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.*

*Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác*

**Tác giả**

**Nguyễn Thị Minh Thúy**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu .....	3
5. Bố cục đề tài.....	4
6. Tổng quan vấn đề nghiên cứu .....	4
<b>CHƯƠNG 1. TƯ TƯỞNG CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG TÁC PHẨM “NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC” .....</b>	<b>11</b>
1.1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH.....	11
1.1.1. Khái niệm hôn nhân và gia đình .....	11
1.1.2. Nghiên cứu về hôn nhân và gia đình trong lịch sử .....	13
1.2. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG TÁC PHẨM “NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC” CỦA PH. ĂNGGHEN.....	21
1.2.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước” của Ph. Ăngghen.....	21
1.2.2. Vấn đề hôn nhân và gia đình trong tác phẩm .....	28
1.3. Ý NGHĨA KHOA HỌC CỦA TÁC PHẨM .....	56
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1 .....	58
<b>CHƯƠNG 2. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VỚI VIỆC XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY .....</b>	<b>60</b>
2.1. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ VẤN ĐỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH .....	60
2.1.1. Quan điểm của Đảng về gia đình.....	61

2.1.2. Mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.....	62
2.2. THỰC TRẠNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY .....	65
2.2.1. Xu hướng biến đổi gia đình Việt Nam hiện nay.....	65
2.2.2. Gia đình truyền thống và gia đình hiện đại.....	77
2.2.3. Những thách thức đối với gia đình Việt Nam hiện nay.....	81
2.2.4. Nguyên nhân của những thách thức, hạn chế. ....	91
2.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY .....	92
2.3.1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, và hệ thống dịch vụ xã hội liên quan đến gia đình. ....	93
2.3.2. Tiếp tục sự nghiệp giải phóng phụ nữ nhằm thực hiện bình đẳng giới.....	95
2.3.3. Nâng cao nhận thức của mỗi cá nhân cũng như toàn xã hội về vai trò, vị trí đặc biệt của gia đình đối với xã hội. ....	97
2.3.4. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đối với công tác gia đình. ....	99
2.3.5. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, điều tra, khảo sát toàn diện về gia đình.....	101
2.3.6. Tiếp tục giáo dục, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình truyền thống với giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển. ....	103
2.3.7. Đẩy mạnh công tác giáo dục về hôn nhân và gia đình đến mọi đối tượng .....	104
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 2 .....</b>	<b>106</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>107</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (Bản sao)</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử phát triển xã hội, gia đình có vị trí đặc biệt, bởi gia đình chính là tế bào của xã hội; từ gia đình, con người được sinh ra và trưởng thành cả về thể chất và nhân cách.

Lý luận khoa học về gia đình được xây dựng trên cơ sở những quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, và đặc biệt, lần đầu tiên được trình bày như một công trình nghiên cứu trong tác phẩm kinh điển *“Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”*, xuất bản lần thứ nhất năm 1884. Bằng những cứ liệu khoa học, Ph. Ăngghen làm sáng tỏ vấn đề hôn nhân và gia đình, sự thay đổi các hình thức gia đình qua các hình thái kinh tế - xã hội, ông chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa tình yêu, hôn nhân và gia đình, trong đó tình yêu và hôn nhân là cơ sở, nền tảng để xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

Nhận thức được vai trò quan trọng của gia đình trong xã hội, các nhà khoa học đã đi sâu vào nghiên cứu vấn đề hôn nhân và gia đình dưới các góc độ khác nhau nhằm mục đích có cái nhìn đúng đắn, toàn diện vấn đề về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Sau hai mươi năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho mọi gia đình. Đồng thời, sự phát triển của gia đình cũng chính là nhân tố quan trọng góp phần giữ gìn sự phát triển lành mạnh, an toàn của xã hội và sự ổn định dân số của mỗi quốc gia.

Tuy nhiên, hiện nay với sự phát triển của cơ chế thị trường, một mặt tạo cơ sở phát triển tiến bộ của mỗi gia đình và xã hội, mặt khác nó dẫn đến có nhiều cái nhìn lệch lạc về hôn nhân và gia đình, những hành vi sai trái, thiếu

văn hóa như lối sống thực dụng của một số thanh thiếu niên hiện nay: sống nhanh, sống thử trước hôn nhân, vấn đề tảo hôn, bạo lực gia đình đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em, ly hôn ngày càng phổ biến...

Gia đình hiện nay đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mới mà một trong những nguyên nhân của tình hình nói trên là do nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò và sự phát triển của gia đình chưa cao. Do đó, vấn đề hôn nhân và gia đình đang cần có sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, của chính quyền địa phương, của các tổ chức xã hội về việc giáo dục hôn nhân, gia đình, hướng mọi người có cái nhìn đúng đắn, toàn diện về vấn đề, tránh những luận điệu xuyên tạc, bóp méo vấn đề hôn nhân và gia đình trong chủ nghĩa Mác cùng như của Đảng và Nhà nước ta.

Vậy việc bảo vệ lý luận về hôn nhân và gia đình của chủ nghĩa Mác có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nhiệm vụ đó đòi hỏi chúng ta một mặt phải khắc phục những sai lầm trong nhận thức cũng như trong hoạt động thực tiễn; mặt khác phải bổ sung và phát triển lý luận về hôn nhân và gia đình một cách sáng tạo cho phù hợp với điều kiện mới ở nước ta hiện nay là vấn đề vô cùng quan trọng.

Vì những lý do quan trọng đó, tôi đã chọn: *Vấn đề hôn nhân và gia đình trong “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước” của Ăngghen với việc xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay* làm đề tài luận văn của mình.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

*Mục tiêu nghiên cứu:* Trên cơ sở nghiên cứu những nội dung cơ bản về hôn nhân và gia đình trong tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*” của Ph. Ăngghen, từ thực trạng đời sống gia đình Việt Nam hiện nay, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng gia đình văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.

*Nhiệm vụ nghiên cứu:*

Trình bày một cách có hệ thống quan điểm của Ph. Ăngghen về hôn nhân và gia đình trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”.

Phân tích thực trạng đời sống gia đình Việt Nam hiện nay

Đề xuất một số giải pháp nhằm tiến tới xây dựng gia đình văn hóa trong điều kiện cơ chế thị trường hiện nay ở nước ta.

**- Giả thuyết nghiên cứu**

Quan điểm về hôn nhân và gia đình được thể hiện trong tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*” của Ph.Ăngghen như thế nào?

Vận dụng quan điểm hôn nhân và gia đình của Ph. Ăngghen vào việc xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay ra sao?

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Gia đình Việt Nam hiện nay

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu quan điểm về hôn nhân và gia đình trong tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*” của Ph. Ăngghen và vận dụng quan điểm đó của Ăngghen với việc xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.

**4. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp luận của đề tài nghiên cứu là: Các nguyên tắc cơ bản của phép biện chứng duy vật: nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử cụ thể, nguyên tắc về sự thống nhất giữa cái trừu tượng và cái cụ thể, nguyên tắc thống nhất giữa logic và lịch sử, sự kết hợp giữa cái phổ biến và cái đặc thù...

Các phương pháp cụ thể được sử dụng trong luận văn là: Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, phương pháp hệ thống, phương pháp xã hội học



như: xử lý và phân tích tài liệu...

### **\* Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Giá trị lý luận: Đề tài góp phần làm sáng tỏ quan điểm của Ph. Ăngghen về vấn đề hôn nhân và gia đình trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”.

Giá trị thực tiễn: Trên cơ sở quan điểm hôn nhân và gia đình của Ph.Ăngghen, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng gia đình văn hóa trong điều kiện cơ chế thị trường hiện nay ở nước ta.

### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm 2 chương:

Chương 1: Tư tưởng của Ph. Ăngghen về hôn nhân và gia đình trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”.

Chương 2: Vận dụng tư tưởng của Ph. Ăngghen về hôn nhân và gia đình với việc xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

### **6. Tổng quan vấn đề nghiên cứu**

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề hôn nhân, gia đình trong sự phát triển chung của xã hội, trong lịch sử các khoa học nói riêng và triết học nói chung đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này. Chủ nghĩa Mác, đặc biệt là Ph. Ăngghen đã đi vào nghiên cứu một cách khái quát vấn đề hôn nhân và gia đình trên lập trường chủ nghĩa duy vật trong tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*”. Với công trình nghiên cứu này, Ph. Ăngghen đã lý luận về sự hình thành, xuất hiện các hình thức hôn nhân và gia đình gắn với các hình thái kinh tế - xã hội, phê phán hình thức gia đình dưới chủ nghĩa tư bản, dự báo gia đình trong xã hội tương lai, ngoài ra ông còn nêu mối quan hệ giữa tình yêu - hôn nhân và gia đình... Với sự đóng góp của mình, tư tưởng của ông cùng với những dự báo thiên tài đã thu hút nhiều nhà khoa học đi sâu vào tìm hiểu tác phẩm kinh điển của ông

nói chung cũng như quan điểm tình yêu, hôn nhân, gia đình nói riêng. Mỗi nhà khoa học đều đứng trên những lập trường nghiên cứu riêng để nhìn nhận về một vấn đề nên có nhiều ý kiến khác nhau về đóng góp của ông. Tuy vậy quan điểm của Ph. Ăngghen theo dòng lịch sử vẫn có ý nghĩa sâu sắc về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Trên cơ sở kế thừa những tư tưởng tiên bộ của Mác, Ph. Ăngghen, vấn đề hôn nhân và gia đình trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước” cũng là chủ đề quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, trong đó phải kể đến: Tác phẩm “*Vấn đề triết học trong tác phẩm của C. Mác - Ph. Ăngghen - Lênin*” của Doãn Chính, Đinh Ngọc Thạch (chủ biên), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 2003. Trong tác phẩm, tác giả tập trung vào phân tích quan điểm của Ăngghen về các hình thức gia đình trong lịch sử, sự thay đổi địa vị của người phụ nữ gắn với sự thay đổi của các hình thái kinh tế xã hội, để thấy được vai trò của người phụ nữ ngày càng được nâng cao, bình quyền trong xã hội vô sản.

Với bài báo “*Quan niệm của Ph. Ăngghen về tình yêu, hôn nhân và gia đình*” trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước” của tác giả Lê Ngọc Anh, Tạp chí Triết học, số 11 năm 2005, đã đưa ra những ý kiến sâu sắc về vấn đề tình yêu, hôn nhân và gia đình. Hay phần giới thiệu tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*” được in trong Tập bài giảng Giới thiệu tác phẩm kinh điển triết học MácLênin của Khoa Triết học - Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội của tác giả Lưu Minh Văn giúp cho các sinh viên, học viên nắm được những nội dung, tư tưởng, quan điểm và học thuyết triết học cơ bản về hôn nhân và gia đình được nêu trong tác phẩm.

Với bài viết “*Quan niệm của Ph. Ăngghen về gia đình và ý nghĩa của nó đối với việc nghiên cứu gia đình trong xã hội thông tin*” của tác giả Nguyễn

Thị Lan Hương, Tạp chí triết học, số 11 năm 2004 giúp ta biết được quan niệm của Bắchôphen, Moócgan và đến Ph.Ăngghen là sự kế thừa tiến bộ về quan niệm hôn nhân và gia đình và sự phát triển các hình thức gia đình cùng với sự thay đổi các hình thái kinh tế - xã hội. Những tư tưởng của Ph. Ăngghen không chỉ vạch ra nguồn gốc hình thành gia đình trên tinh thần biện chứng duy vật mà còn cung cấp cho chúng ta những nguyên lý mang tính chất phương pháp luận trong nghiên cứu gia đình hiện đại.

Ngoài ra phải kể đến các công trình nghiên cứu như: *“Gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước”* của tác giả Tuệ Minh, Tạp chí Cộng sản, số 248 năm 2013. Trong bài viết này, tác giả nhấn mạnh và làm rõ vai trò gia đình trong xã hội, đề xuất một số giải pháp xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.

Tác phẩm *“Bạo lực gia đình đối với người phụ nữ ở Việt Nam: Thực trạng, diễn biến và nguyên nhân”* của tác giả Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (chủ biên), Nhà xuất bản Hà Nội, 2009. Qua tác phẩm là một bức tranh toàn cảnh về thực trạng bạo lực gia đình hiện nay, tìm ra nguyên nhân của thực trạng đó. Tài liệu này có ý nghĩa quan trọng, cho chúng ta có cái nhìn khái quát hơn về gia đình Việt Nam hiện nay trong xu thế hội nhập, từ đó tìm ra những giải pháp để khắc phục tình trạng bạo lực gia đình, nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ, hạnh phúc.

Tác phẩm *“Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hôn nhân gia đình giữa các thế hệ người Việt Nam hiện nay”* của tác giả Lê Thi, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009. Trong nghiên cứu này, tác giả tìm hiểu về những điểm khác biệt và tương đồng trong quan điểm về hôn nhân gia đình của từng thế hệ người Việt Nam hiện nay. Qua tác phẩm, tác giả đã điếm qua những quan niệm khác nhau về hôn nhân, gia đình, về tiêu chuẩn chọn bạn đời, về độ tuổi kết hôn phù hợp, về vấn đề sống chung trước hôn nhân, cho

đến những suy nghĩ của người được khảo sát về cuộc sống hôn nhân như việc sống chung hay sống riêng với gia đình bố mẹ, về sự phân công lao động và việc ra quyết định giữa vợ và chồng, quan niệm về số con, cách nuôi dưỡng con, những mâu thuẫn và cách giải quyết các mâu thuẫn trong gia đình, những quan điểm về hạnh phúc gia đình, suy nghĩ về việc sống ly thân hay ly hôn. Với những nội dung đó, tác phẩm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Tác phẩm “*Bình đẳng giới ở Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (chủ biên), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008. Công trình nghiên cứu gồm bốn phần. *Phần một*: Tác giả trình bày trình trạng việc làm, mức sống của gia đình; *Phần hai*: Nghiên cứu về việc phân công lao động và ra quyết định trong gia đình, cha mẹ với việc học tập của con cái và với định hướng nghề nghiệp của con, vai trò giới trong việc chăm sóc sức khỏe; *Phần ba*: Phân tích đặc điểm hôn nhân, thái độ về quan hệ ngoài hôn nhân, tình dục vợ chồng và bạo lực giữa vợ chồng; *Phần bốn*: Đề cập đến tinh thần và khuôn mẫu giới qua việc tìm hiểu sử dụng thời gian rỗi, đi lễ và thờ cúng tại gia đình, khuôn mẫu giới trong gia đình và hình ảnh nam, nữ trên truyền hình. Như vậy toàn tác phẩm là một bức tranh về thực trạng bình đẳng giới khá đa dạng về màu sắc, có những điểm sáng thể hiện tiếng nói, vai trò bình đẳng của phụ nữ và nam giới, đồng thời có những điểm chưa sáng, ở đó cơ hội của giới này còn thấp hơn nhiều so với giới kia trong việc tiếp cận đào tạo, cơ hội được chăm sóc sức khỏe, thời gian nghỉ ngơi, giải trí. Ngoài ra còn có những điểm tối thể hiện khoảng cách giữa hai giới như thể hiện công việc gia đình.

Tác phẩm “*Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*”, của Lê Ngọc Văn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011. Công trình nghiên cứu cho chúng ta có khái niệm đúng đắn về gia đình, những nhân tố ảnh hưởng đến biến đổi gia đình, sự biến đổi về chức năng và kết cấu của gia đình, từ đó

đề xuất giải pháp xây dựng gia đình Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa và quốc tế hóa.

Tác phẩm “*Giáo trình xã hội học giới*” của tác giả Lê Thị Quý, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009. Công trình nghiên cứu cho chúng ta có cách hiểu về giới, giới tính, về bình đẳng giới, để từ đó nhận thức được tầm quan trọng của nữ giới ngày càng tăng cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội.

Bài viết “*Xu thế dịch chuyển và giải pháp ổn định gia đình Việt hiện đại*” của Lê Diệu Linh, Tạp chí Cộng Sản, số 843 năm 2013. Từ việc phân tích đặc điểm của gia đình truyền thống và xu hướng biến đổi trong thời đại ngày nay, để đưa ra một số giải pháp ổn định và phát triển gia đình Việt.

Tuy nhiên vấn đề tình yêu, hôn nhân và gia đình không chỉ là sự quan tâm của các khoa học nghiên cứu nói riêng và triết học nói chung mà còn là sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta. Văn kiện đại hội VI của Đảng năm 1986 đến các đại hội và nghị quyết hội nghị trung ương về sau, gia đình được đề cập đến như là thành tố bảo đảm thành công của các nhiệm vụ cách mạng. Văn kiện Đại hội VI của Đảng khẳng định: “Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức tốt cuộc sống vật chất, văn hóa của gia đình”. Trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định rõ: “Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đại hội IX của Đảng năm 2001, khẳng định rằng: “Nêu cao

trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; ngăn chặn việc phục hồi các hủ tục, khắc phục tình trạng mê tín đang có xu hướng lan rộng trong xã hội”. Đại hội X của Đảng, năm 2006, tiếp tục khẳng định: “Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đại hội XI của Đảng, năm 2011, tiếp tục có những bổ sung cũng như cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về vai trò của gia đình đối với việc xây dựng nếp sống, lối sống cho thế hệ trẻ. Văn kiện Đại hội XI viết: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách”.

Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005 - 2010, nêu rõ: Gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của xã hội, sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

đất nước; với mục tiêu chung: từng bước ổn định, củng cố và xây dựng gia đình ít con (mỗi cặp vợ chồng có một hoặc hai con), no ấm, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc.

Với xu thế hội nhập hiện nay, cùng với mặt trái của cơ chế thị trường thì vấn đề hôn nhân và gia đình đang đứng trước những thách thức cần phải giải quyết. Từ thực trạng đó đòi hỏi vấn đề hôn nhân và gia đình phải tiếp tục được nghiên cứu, được lý giải ở nhiều nội dung và cách tiếp cận khác nhau để tìm ra giải pháp giải quyết. Muốn làm sáng tỏ vấn đề hôn nhân và gia đình trước hết chúng ta quay trở lại với quan điểm của chủ nghĩa Mác về vấn đề hôn nhân và gia đình, trên cơ sở nhận thức một cách sâu sắc chủ nghĩa Mác chúng ta có sự luận giải đúng đắn về thực tiễn gia đình Việt Nam, góp phần thúc đẩy xây dựng gia đình văn hóa mới hiện nay.

## CHƯƠNG 1

# TƯ TƯỞNG CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG TÁC PHẨM “NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC”

### 1.1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

#### 1.1.1. Khái niệm hôn nhân và gia đình

##### \* Thế nào là hôn nhân?

Hôn nhân là sự tạo lập cuộc sống chung hoàn toàn của một người đàn ông và người đàn bà. Sự sống chung hoàn toàn này gồm những thành phần vật chất: ở chung dưới một mái nhà, ăn cùng một mâm, hưởng chung những vui sướng vật chất, đồng lao cộng khổ để cùng trở nên hạnh phúc, cùng có đủ mọi nhu cầu của cuộc sống. Nhờ có tình yêu thương gắn bó nên những tiền của và những thắng lợi của chồng cũng coi như của chính người vợ và ngược lại người chồng luôn hiểu rằng “của chồng công vợ”.

##### \* Thế nào là gia đình?

Có nhiều định nghĩa khác nhau về gia đình, tùy theo góc độ nhìn nhận hay lập trường nghiên cứu của các nhà nghiên cứu.

Triết học Mác xít cho rằng: Gia đình chỉ mối quan hệ giữa chồng và vợ, giữa cha mẹ và con cái.

Gia đình là tập hợp người cùng sống chung thành một đơn vị nhỏ nhất trong xã hội, họ gắn bó với nhau bằng quan hệ hôn nhân và quan hệ dòng máu, thường gồm vợ chồng, cha mẹ, con cái (Từ điển Tiếng Việt, Hoàng Phê).

Theo Levi Strauss thì gia đình là một nhóm xã hội được quy định bởi ba đặc điểm nổi bật là: bắt nguồn từ hôn nhân bao gồm vợ chồng, con cái phát sinh từ sự hôn phối của đôi nam nữ, tuy nhiên trong gia đình có mặt của những người họ hàng, bà con hoặc con nuôi; họ gắn bó với nhau bởi các nghĩa vụ và quyền lợi có tính chất kinh tế và về sự cảm đoán tình dục giữa các



thành viên. (Tài liệu của đề tài KX09-07).

Theo Nguyễn Đình Xuân: Gia đình là một đơn vị, một nhóm nhỏ nhất của xã hội với số lượng thành viên ít nhất là hai người: vợ và chồng, sau đó sinh sôi, nảy nở thêm con cái, trong đó mối quan hệ vợ chồng là rường cột [ 67; tr. 10].

Theo Trần Trọng Thủy: Gia đình là một nhóm nhỏ liên kết với nhau bởi những mối quan hệ hôn nhân, huyết thống hay nhận con nuôi, tạo thành một hệ riêng biệt, tác động qua lại và giao tiếp lẫn nhau qua vai trò xã hội của từng người: là chồng, là vợ, là cha, là mẹ, là con trai, là con gái, anh em, tạo thành một nền văn hóa chung [63; tr. 20].

Luật hôn nhân và gia đình chỉ rõ: Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau.

Như vậy, Gia đình là tế bào của xã hội, là tổ chức cơ bản gắn bó nhất của mỗi cá nhân, được hình thành từ quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và bao gồm cả quan hệ nuôi dưỡng (con nuôi) giữa các thành viên, có ngân sách chung do khả năng lao động của các thành viên đóng góp, được gắn kết với nhau bởi tình cảm, trách nhiệm và quyền của mỗi cá nhân.

Dù có nhiều định nghĩa khác nhau, nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng: Gia đình là một thiết chế xã hội cơ bản (tế bào) xuất phát của con người, là trường học đầu tiên và suốt đời của con người. Gia đình chỉ tồn tại ở con người và xã hội loài người, trước hết theo quy luật xã hội (hôn nhân), sau đó theo quy luật tính tự nhiên. Ở những động vật khác, dù là động vật cấp cao như loài khỉ chỉ có những sự kết hợp theo quy luật tự nhiên sinh học (do bản năng sinh dục và bảo tồn nòi giống) mà chưa thể gọi là gia đình.

Vì vậy, khi bàn về khái niệm gia đình, Liên Hợp Quốc lưu ý rằng: Gia đình là một thể chế có tính toàn cầu nhưng lại có những hình thức, vai trò

khác nhau thay đổi từ nền văn minh này sang nền văn minh khác, dân tộc này so với dân tộc kia. Do đó, không thể đưa ra một định nghĩa chung có thể áp dụng cho toàn cầu.

### **1.1.2. Nghiên cứu về hôn nhân và gia đình trong lịch sử**

Trong lịch sử khoa học nói chung cũng như lịch sử triết học nói riêng, đã không ít người nghiên cứu về hôn nhân và gia đình.

Hôn nhân, gia đình là hiện tượng xã hội xuất hiện khá sớm trong lịch sử, song việc nghiên cứu vấn đề này lại khá muộn. Ngay trong lời tựa cho lần xuất bản thứ tư bằng tiếng Đức cuốn “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, Ph. Ăngghen đã trình bày sự phát triển của các quan điểm về lịch sử gia đình. Cho đến những năm 60, chưa có thể nói gì về lịch sử của gia đình được. Và trong giai đoạn đó, người ta chỉ thừa nhận trong thời đại nguyên thủy, có thể tồn tại một thời kì có những quan hệ tính giao hỗn tạp và cho rằng gia đình thực ra không trải qua một quá trình phát triển lịch sử nào cả.

Đến những năm 1861, việc nghiên cứu lịch sử gia đình mới được bắt đầu. Tức là khi cuốn “*mẫu quyền*” của Băchôphen ra đời. Trong tác phẩm, tác giả đã nêu luận điểm: Loài người ban đầu sống trong quan hệ tính giao bừa bãi mà ông gọi nhầm là “tạp hôn”; Tình trạng đó làm cho việc xác định cha đẻ là không thể, nên huyết tộc chỉ có thể tính theo nữ hệ; Vì thế, những người đàn bà, với tư cách là mẹ - người duy nhất chắc chắn đã sinh ra thế hệ trẻ, đã rất được tôn kính; Theo Băchôphen thì nó đạt đến mức trở thành sự thống trị của nữ giới; Việc chuyển sang chế độ hôn nhân cá thể, trong đó người đàn bà chỉ thuộc về một người đàn ông, đã bao hàm sự vi phạm những điều luật tôn giáo nguyên thủy, mà thực tế là vi phạm cái quyền cổ truyền của những người đàn ông khác đối với người đàn bà đó; và để đền tội hoặc chuộc tội, người đàn bà phải hiến thân cho nhiều người khác trong một thời kì nhất định.

Băchôphen đã tìm thấy bằng chứng cho các luận điểm đó trong vô số

đoạn trích từ văn học cổ đại, mà ông đã tập hợp rất công phu. Theo ông, sự phát triển từ “chế độ tạp hôn” lên chế độ hôn nhân cá thể, và từ chế độ mẫu quyền đến chế độ phụ quyền - đặc biệt ở người Hi Lạp - là kết quả của sự tiến bộ trong các quan điểm tôn giáo, của việc đưa các thần mới (đại diện cho quan điểm mới) vào hệ thống các thần cũ (đại diện cho quan điểm cũ), và ngày càng đẩy các quan niệm cũ phía sau. Vậy, theo Bächôphen thì không phải sự phát triển của những điều kiện sinh hoạt hiện thực của con người, mà chính sự phản ánh có tính tôn giáo của những điều kiện ấy vào trong đầu óc con người, đã gây ra những biến đổi lịch sử trong địa vị xã hội giữa hai giới. Phù hợp với quan điểm nói trên, Bächôphen đã giải thích vở “Oresteia” của Aeschylus là sự diễn đạt bằng kịch, cuộc đấu tranh giữa chế độ mẫu quyền đang suy tàn với chế độ phụ quyền mới xuất hiện và đang thắng thế, trong thời đại anh hùng.

Bächôphen đã tin rằng, trong thời đại anh hùng của Hi Lạp, các thần đã làm được một kì công là lật đổ chế độ mẫu quyền và thay đó bằng chế độ phụ quyền. Rõ ràng quan niệm coi tôn giáo là đòn bẩy quyết định của lịch sử thế giới, cuối cùng ắt phải đi đến chủ nghĩa thần bí, thuần túy và sai lầm của thời đại ông.

Sai lầm này đã được Ăngghen nói đến: “ Những phát hiện của Bächôphen đều luôn bị thần bí hóa một cách không thể tưởng tượng được bởi các quan niệm kì dị của ông ta cho rằng hình như những quan hệ giữa đàn ông và đàn bà diễn ra trong lịch sử, bao giờ cũng bắt nguồn từ những ý niệm tôn giáo của con người trong từng thời kì chứ không phải từ những điều kiện sinh hoạt thực tế của họ ” [39; tr. 59]. Nhưng những cái đó vẫn không làm giảm tầm quan trọng của ông, với tư cách người tiên phong, Bächôphen là người đầu tiên đã thay những câu nói suông mập mờ về tình trạng quan hệ tính giao bừa bãi thời nguyên thủy - mà không ai biết rõ nó - bằng các chứng cứ cho những sự kiện sau: rất nhiều dấu vết vẫn còn tồn tại trong văn học cổ đại, ở Hi Lạp và châu Á,

về một trạng thái trước khi có gia đình cá thể, thời mà một người đàn ông có quan hệ tính giao với nhiều người đàn bà, và một người đàn bà cũng có quan hệ tính giao với nhiều người đàn ông, mà không hề trái với đạo đức; tục lệ ấy, khi đã mất đi rồi, vẫn để lại dấu vết trong việc người đàn bà buộc phải hiến thân cho những người đàn ông khác trong một thời kì nhất định, để có được quyền kết hôn cá thể; vì tục lệ đó, ban đầu huyết tộc chỉ có thể tính theo nữ hệ, từ người mẹ này đến người mẹ khác; nó còn được duy trì rất lâu sau khi có chế độ hôn nhân cá thể, khi mà tư cách cha đẻ đã được xác lập (hay ít ra là thừa nhận); cái địa vị ban đầu đó của các bà mẹ, với tư cách là bậc thân sinh duy nhất xác định của những đứa trẻ, đã đảm bảo cho họ - và toàn bộ nữ giới thời đó - một vị trí xã hội rất cao, mà kể từ đó trở đi họ không bao giờ có được nữa.

Báchôphen thực ra không nêu lên các luận điểm đó một cách rõ ràng như vậy, vì bị thể giới quan thần bí của mình cản trở. Nhưng ông đã chứng minh được chúng; và ở năm 1861 thì đó quả là một cuộc cách mạng.

Như vậy từ thế kỉ XVIII, người ta đã nói đến quan hệ tình dục hỗn tạp và thịnh hành trong nội bộ bộ lạc, khiến cho mọi người đàn bà đều thuộc về mọi người đàn ông cũng như mọi người đàn ông đều thuộc về mọi người đàn bà. Trong đó Báchôphen là người đã đặt vấn đề đó lên hàng đầu trong công cuộc nghiên cứu. Nhưng Báchôphen cũng là một nhà duy tâm, thần bí khi quan niệm về vấn đề tạp hôn, đây là hạn chế của ông cũng như hạn chế của thời đại ông khi mà vào cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, hầu hết các nhà triết học đều bất lực trong việc lý giải bản chất của thực tiễn xã hội đang diễn ra, vì vậy họ đã tìm ngay đến thần linh và tôn giáo để giải thích hiện thực xã hội hiện thời.

Tiếp đến, Báchôphen trong khi nghiên cứu về gia đình Punaluan, dù hình thức gia đình này đã loại bỏ quan hệ tình dục giữa cha mẹ và con cái hay giữa anh chị em ruột với nhau, đã hình thành nên cộng đồng gia đình mới tiến bộ hơn, nhưng Báchôphen đã nhận ra bản chất thực sự của gia đình

đó cũng chỉ là chế độ quần hôn, dòng dõi chỉ có thể xác định được về bên mẹ mà thôi, điều đó có nghĩa là, chỉ có nữ hệ là được thừa nhận (chế độ mẫu quyền).

Ngoài ra, Bắchôphen đã có công hiến khi ông cho kinh tế gia đình Cộng sản, trong đó phần đông phụ nữ, nếu không phải là tất cả phụ nữ, đều cùng thuộc một thị tộc duy nhất, còn đàn ông thì thuộc nhiều thị tộc khác nhau, là cơ sở hiện thực của quyền thống trị của người đàn bà, cái quyền thống trị phổ biến khắp mọi nơi trong thời nguyên thủy. Phát hiện ra điều đó, theo Ph.Ăngghen chính là công lao thứ ba của Bắchôphen. Tuy nhiên kinh tế gia đình Cộng sản chính là cơ sở kinh tế của gia đình cặp đôi tồn tại trong thời kì dã man, vì bản thân gia đình cặp đôi còn quá yếu để có thể phá vỡ cơ sở kinh tế trước để lại.

Tiếp theo những công hiến của Bắchôphen thì Gi.Ph. Măclenna cũng có những công hiến trong khi nghiên cứu về gia đình. Đến năm 1865, Gi.Ph.Măclenna kế tục những quan điểm của Bắchôphen nhưng quan điểm của Gi.Ph. Măclenna trái ngược với vị tiền bối, không phải là một nhà thần bí thiên tài nữa mà là một nhà luật gia khô khan. Trong đó ông đặc biệt quan tâm đến hôn nhân “ngoại hôn” và đem nó đối lập với bộ lạc “nội hôn”, và sự đối lập nói trên chỉ có trong trí tưởng tượng của ông. J.F. Măclenna vẫn lấy sự đối lập ấy làm cơ sở cho thuyết của mình. Theo thuyết đó, các bộ lạc ngoại hôn chỉ có thể lấy vợ ở bên ngoài; trong tình trạng chiến tranh liên miên, đặc trưng của thời mông muội, thì chỉ có thể lấy vợ bằng cách cướp đoạt. Ông đi tìm nguyên nhân cho sự xuất hiện tục ngoại hôn, và theo ông quan hệ huyết tộc và loạn luân không liên quan gì tới việc này vì mãi về sau chúng mới có. Nhưng có một tục lệ phổ biến khác ở các dân mông muội: giết những bé gái sơ sinh. Nó dẫn đến việc thừa đàn ông trong mỗi bộ lạc; hậu quả trực tiếp, tất yếu của việc đó là nhiều đàn ông phải lấy chung một vợ: đó là chế độ nhiều chồng. Hậu quả tiếp theo là người ta chỉ biết mẹ chứ không biết cha của đứa bé, vậy

là huyết tộc chỉ tính được theo nữ hệ chứ không phải nam hệ: đó là chế độ mẫu quyền. Hậu quả nữa của việc thiếu đàn bà là việc thường xuyên cướp đoạt đàn bà của các bộ lạc khác.

“Vi chế độ ngoại hôn và chế độ nhiều chồng có cùng nguyên nhân: nhu cầu cân bằng hai giới, nên ta buộc phải cho là: ban đầu, mọi tộc người ngoại hôn đều có chế độ nhiều chồng... Vì thế ta phải cho là: không cần bàn cãi, hệ thống thân tộc đầu tiên, ở mọi tộc người ngoại hôn, đều chỉ thừa nhận quan hệ huyết tộc về phía mẹ” [41; tr. 124]. Công lao của ông là đã chỉ ra tính phổ biến và ý nghĩa to lớn của cái mà ông gọi là chế độ “ngoại hôn” nhưng ông lại không hiểu được nó. Ông cũng là người thừa nhận sự tồn tại trước tiên của chế độ mẫu hệ, tuy rằng về sau ông phải thừa nhận mình đã đi sau Bắchôphen về điểm này. Ông tỏ ra mơ hồ khi chỉ nói đến “*quan hệ huyết tộc chỉ về nữ hệ*”, thuật ngữ này chỉ đúng với giai đoạn đầu nhưng ông vẫn sử dụng chúng cho giai đoạn sau này khi quan hệ huyết tộc theo nam hệ đã được thừa nhận, điều này chứng tỏ trí óc mô phạm của một luật gia khi đã tìm ra một thuật ngữ luật học cố định, thì tiếp tục dùng nó mà không thay đổi gì, dù hoàn cảnh đã thay đổi đến mức không thể dùng nó được nữa. Tuy thế, thuyết của ông vẫn được hoan nghênh và ủng hộ nhiệt liệt ở Anh; Ở đó, ông được xem là nhà sáng lập ra ngành lịch sử gia đình, và là người có uy tín bậc nhất về lĩnh vực đó. Tuy vậy, Gi.Ph. Măclennan chỉ biết có ba hình thức hôn nhân: chế độ nhiều chồng, chế độ nhiều vợ và chế độ hôn nhân cá thể. Những lý luận của ông tuy có vẻ hợp lý nhưng không có căn cứ gì vững vàng.

Đến năm 1871, L.H. Moóc-gan đã đưa ra những tài liệu mới có tính chất quyết định về mọi mặt. Ông đã đánh tan các giáo lí thần thánh bằng những lý lẽ mà chỉ cần nói ra là cũng đủ làm cho mọi người thấy ngay sức thuyết phục. Ông tin chắc rằng hệ thống thân tộc đặc biệt, đang tồn tại ở người Irôqua, là phổ biến trong toàn bộ những dân bản xứ ở Mĩ, do đó cũng là phổ biến trên cả

lục địa; mặc dù chế độ ấy mâu thuẫn trực tiếp với những quan hệ thân tộc do chế độ hôn nhân hiện hành ở người Irôqua sinh ra. Ông đã thuyết phục chính phủ Liên bang Mĩ thu thập tư liệu về những chế độ thân tộc ở các dân khác, có gửi kèm theo một bảng đề mục và danh sách câu hỏi của chính ông. Từ những phúc đáp, ông đã tìm ra rằng: Chế độ thân tộc của người Indian ở châu Mĩ cũng lưu hành trong các dân ở châu Á, và trong cả các dân ở châu Phi và lục địa Australia, dưới một hình thức hơi khác; Chế độ thân tộc đó được giải thích hoàn chỉnh nhờ một hình thức quần hôn, đang tàn lụi, có ở Hawaii và các đảo khác thuộc châu Đại dương; Cùng với chế độ quần hôn đó, ở các đảo trên còn tồn tại một chế độ thân tộc khác, mà người ta chỉ có thể giải thích chúng nhờ một hình thức quần hôn còn cổ hơn nữa, nhưng đã biến mất.

L. Moócgan đã công bố những tài liệu trên, và cả những kết luận mà ông rút ra từ đó, trong cuốn *“Các Chế độ Thân tộc”* (1871); Do đó đã đưa cuộc tranh luận vào một lĩnh vực rộng lớn hơn nhiều. Bắt đầu từ các chế độ thân tộc, khôi phục các hình thức gia đình tương ứng với các chế độ đó; L. Moócgan đã mở ra một con đường nghiên cứu mới, và mở rộng tầm nhìn của chúng ta về thời tiền sử của loài người. Nếu phương pháp đó là đúng đắn, thì những lí thuyết đẹp đẽ của J.F. Măclenna sẽ bị phá hủy hoàn toàn.

J.F. Măclenna khẳng định: chế độ quần hôn hoàn toàn là tưởng tượng, như vậy là đã lạc hậu hơn Băchôphen nhiều. Ông ta tuyên bố: các chế độ thân tộc của L.Moócgan chỉ là phép tắc lễ nghi thông thường, bằng chứng là người Indian cũng gọi người ngoài hoặc người da trắng là “anh” hay “cha”. Nói như J.F. Măclenna, thì những từ “cha”, “mẹ”, “anh em”, “chị em” cũng chỉ là cách xưng hô đơn thuần; vì các linh mục cũng được gọi là “cha”, các bà trưởng tu viện cũng được gọi là “mẹ”; và vì các thầy tu và các ni cô, thậm chí các hội viên Hội Tam điểm và các hội khác ở Anh, đều gọi nhau là “anh em”, “chị em” trong các cuộc họp chính thức của họ. Tóm lại: sự biện hộ của

Gi.Ph.Măclenna thật yếu ớt, khô sở. Nhưng ông ta vẫn chưa bị đánh bại ở một điểm. Sự đối lập giữa các “bộ lạc” ngoại hôn và nội hôn, là cơ sở cho toàn bộ hệ thống của ông ta. Điều này đã bị L. Moócgan phê phán trong cuốn “*Xã hội cổ đại*” (1877), theo đó không có mâu thuẫn giữa nội hôn và ngoại hôn, tới nay thì sự tồn tại của các “bộ lạc” ngoại hôn vẫn không được chứng minh ở bất kì đâu. Nhưng ở thời mà chế độ quần hôn còn thịnh hành - và chắc chắn đã có thời nó thịnh hành ở khắp nơi - thì bộ lạc đã được chia thành các tập đoàn huyết tộc mẫu hệ, tức là thành các thị tộc; Trong thị tộc, người ta tuyệt đối cấm kết hôn nội bộ, nên người đàn ông - dù có thể lấy vợ trong cùng bộ lạc, và vẫn thường làm vậy - lại bị buộc phải lấy vợ ở thị tộc khác. Vậy, trong khi thị tộc theo chế độ ngoại hôn hết sức nghiêm ngặt, thì bộ lạc cũng theo chế độ nội hôn nghiêm ngặt không kém. Tàn dư sau cùng của các cấu trúc giả tạo do J.F. Măclenna dựng lên, do đó đã bị đánh đổ hoàn toàn.

Tuy nhiên L. Moócgan còn là người phát hiện ra thị tộc mẫu quyền nguyên thủy trong thời kì trước khi có thị tộc phụ quyền ở các dân tộc văn minh có ý nghĩa vĩ đại đối với nhân loại học. Thị tộc Hi Lạp và La Mã, tới lúc đó vẫn là một bí ẩn đối với mọi sử gia, đã được giải thích nhờ thị tộc Indian; Và do đó, toàn bộ lịch sử nguyên thủy cũng được đặt trên một cơ sở mới. Cũng như thuyết tiến hóa của Darwin đối với sinh vật học, hay lí thuyết giá trị thặng dư của Marx đối với kinh tế chính trị học. Nó cho phép L.Moócgan phác ra, lần đầu tiên, lịch sử của gia đình; trong đó, ít nhất thì các giai đoạn phát triển điển hình của gia đình cũng được xác định, trong chừng mực các tài liệu hiện có cho phép. Rõ ràng là điều đó đã mở ra một thời đại mới trong nghiên cứu lịch sử nguyên thủy. Thị tộc mẫu quyền là cái trục để toàn bộ khoa học đó xoay quanh; từ khi có phát hiện đó, ta đã biết phải nghiên cứu theo hướng nào, nghiên cứu cái gì, sắp xếp những kết quả có được như thế nào. Do đó, từ khi có cuốn “*Xã hội Cổ đại*”, những bước tiến trên lĩnh



vực đó đã diễn ra nhanh hơn nhiều.

Không chỉ dừng lại ở đó, L. Moócgan không những phê phán thời đại văn minh - tức xã hội của nền sản xuất hàng hoá, mà còn nói đến sự một sự cải biến tương lai đối với xã hội đó. Với cuốn “*Xã hội thời cổ*” hay các cuộc khảo cứu những con đường tiến bộ của loài người từ thời đại mông muội qua thời đại dã man đến thời đại văn minh, L. Moócgan đưa ra những luận điểm về gia đình có giá trị, làm tài liệu về lịch sử các xã hội nguyên thủy của loài người thêm phong phú và có giá trị tới ngày nay.

Trong khi nghiên cứu về những bộ lạc người Irôqua ở bang New York và những bộ lạc người Indian khác ở Mỹ và một số tài liệu khác. L. Moócgan đi vào nghiên cứu thời kì tiền sử của loài người và chia thời kì đó thành ba thời đại chính gồm thời đại mông muội, thời đại dã man và thời đại văn minh. Mỗi thời đại trong hai thời đại đầu, L. Moócgan lại chia thành những giai đoạn thấp, giữa và cao tùy theo bước tiến hóa đạt được trong việc sản xuất những tư liệu sinh hoạt của con người. L. Moócgan đứng trên quan điểm duy vật biện chứng khi coi: “Gia đình là một yếu tố năng động, nó không bao giờ đứng nguyên ở một chỗ, mà chuyển đổi từ một hình thức thấp lên một hình thức cao, khi xã hội phát triển từ một giai đoạn thấp lên một giai đoạn cao. Trái lại những hệ thống họ hàng thì thụ động, chỉ có trải qua những thời kì lâu dài, những hệ thống do mới phản ánh được những tiến bộ do gia đình đã đạt được trong những thời kì đó. Và chỉ khi nào gia đình đã hoàn toàn thay đổi và những hệ thống ấy mới hoàn toàn thay đổi” [39; tr. 57]. Như vậy, L. Moócgan đã coi gia đình là yếu tố năng động và quan hệ tình dục hỗn tạp tồn tại trong lịch sử gắn liền với những điều kiện sinh hoạt vật chất của con người, nó đã đổi lập hoàn toàn với Bắchôphen khi cho rằng vấn đề tạp hôn bao giờ cũng bắt nguồn từ ý niệm tôn giáo thần bí. Quan niệm duy vật của L. Moócgan bước đầu đã đánh đổ được chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo thịnh hành thời bấy

giờ (thế kỉ XVIII).

Có thể nói L. Moócgan là người có cống hiến duy vật đầu tiên khi nghiên cứu về gia đình - dù đó là duy vật tự phát. Đó là nền tảng, là cơ sở vững chắc cho Ph. Ăngghen có những quan điểm duy vật về gia đình và đồng thời là cơ sở để Ph. Ăngghen phát triển quan điểm đó trên cơ sở cao hơn.

Ph.Ăngghen đã sử dụng những quan điểm duy vật của L.Moócgan về gia đình, đồng thời bổ sung chúng bằng những tư liệu mới, sử dụng những nhận xét phê phán và những ý kiến của C. Mác trong bản ghi chép và những tài liệu của riêng mình về lịch sử nhân loại, ông đã đưa ra những tư tưởng duy vật biện chứng về gia đình khi xem xét lịch sử hình thành và phát triển, cũng như vị trí và vai trò của hôn nhân và gia đình trong đời sống xã hội. Năm 1884, Ph. Ăngghen viết tác phẩm *“Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”*. Trong đó Ph. Ăngghen trình bày hết sức sâu sắc về sự hình thành và phát triển của tình yêu, hôn nhân và gia đình qua các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, đồng thời dự đoán về gia đình trong xã hội tương lai đó là gia đình một vợ một chồng có pháp luật bảo vệ quyền hôn nhân và gia đình.

## **1.2. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG TÁC PHẨM “NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC” CỦA PH. ĂNGGHEN**

**1.2.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước” của Ph. Ăngghen.**

### **\* Hoàn cảnh ra đời tác phẩm**

Năm 1883-1889, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn của chủ nghĩa đế quốc, đồng thời đây là thời kỳ giai cấp vô sản đang tập trung lực lượng chuẩn bị cho những cuộc cách mạng sắp tới. Sau khi C. Mác qua đời, các trào lưu cơ hội và cải lương tấn công vào học thuyết chủ nghĩa Mác. Do đó Ph.Ăngghen đã hướng mọi hoạt động của mình vào nhiệm vụ tiếp tục phát

triển học thuyết Mác, đấu tranh chống lại kẻ thù tư tưởng bảo vệ sự trong sáng của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Ph. Ăngghen tập trung nghiên cứu tiếp những vấn đề mà C. Mác bỏ dở và phổ biến rộng rãi đến phong trào công nhân quốc tế.

Để có thể hoàn thành nhiệm vụ quan trọng này, Ph. Ăngghen tập trung tự nghiên cứu nhiều nguồn tài liệu phong phú, rà soát một cách cẩn trọng những tài liệu của C. Mác, trong đó đặc biệt là những bản thảo bộ “Tư bản” (Tập I, tập II, tập III), Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản, Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học, Sự khốn cùng của triết học, Lao động làm thuê và tư bản, Ngày 18 tháng Sương mù của Lui Bônápácơ... Trên cơ sở đó Ph. Ăngghen viết tác phẩm *“Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”*. Trong đó tư tưởng duy vật về lịch sử của C. Mác đã được Ph. Ăngghen phát triển, ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào công nhân quốc tế. Tác phẩm ra đời đánh dấu một bước ngoặt phát triển của học thuyết Mác.

Vào giữa thế kỷ XIX, khoa học chưa có những cứ liệu để làm rõ giai đoạn tiền sử - trước giai đoạn văn minh (thời đại bắt đầu có giai cấp và nhà nước). Mãi đến những năm 60 của thế kỷ XIX, khoa học khảo cổ đã có những phát minh, đóng góp lớn cho việc nghiên cứu lịch sử loài người. Đặc biệt với sự ra đời tác phẩm “Xã hội cổ đại”, hay là sự nghiên cứu những tuyến tiến bộ của loài người từ mông muội, đã man đến văn minh của nhà dân tộc học, khảo cổ học, sử học, duy vật tự phát và nhà nghiên cứu xã hội nguyên thủy nổi tiếng Mỹ - Luyxơ Henri Moócgan (1818-1881). Tác phẩm này ra đời là những tài liệu thực tế chứng minh cho sự đúng đắn về quan niệm duy vật lịch sử của C. Mác, đồng thời làm rõ nhiều vấn đề lịch sử trước khi loài người bước vào chế độ chiếm hữu nô lệ.

C. Mác đã có ý định viết một tác phẩm về vấn đề này, nhưng do bận bịu công việc nên ông đã để dở. Vào nửa đầu tháng 2-1884, trong khi sắp xếp các

tài liệu, bản thảo của C. Mác, Ph. Ăngghen tìm thấy trong đồng tài liệu đó bản tóm tắt chi tiết cuốn sách “Xã hội cổ đại” do C. Mác viết trong những năm 1880, 1881, với tiêu đề tóm tắt tác phẩm của L. Moócgan. Như vậy C. Mác đã có dự định viết tác phẩm nhằm giải thích giai đoạn dã man của loài người (cộng sản nguyên thủy). Vì thế, Ph. Ăngghen đã tiếp tục hoàn thành ý nguyện của C. Mác. Ph. Ăngghen đã sử dụng những bản nhận xét, đánh giá trong bản tóm tắt của C. Mác, đồng thời khảo cứu kết quả nghiên cứu mới nhất của các nhà khoa học về các xã hội tiền tư sản, ngoài ra ông còn sử dụng kết quả các công trình nghiên cứu trước đây của mình về lịch sử Hi Lạp, Rôma. Đây là tác phẩm nhằm hoàn chỉnh hệ thống triết học duy vật của chủ nghĩa Mác, đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm phản động. Với Ph. Ăngghen việc thực hiện tác phẩm này chính là việc góp phần thực hiện di chúc của C. Mác.

Cuối tháng 3 năm 1884, Ph. Ăngghen bắt đầu viết tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*”, đến ngày 26-5-1884, Ph.Ăngghen viết xong toàn bộ tác phẩm gồm 9 chương. Sau đó Ph. Ăngghen định in tác phẩm trong tạp chí “*Thời mới*” của Đảng dân chủ - xã hội Đức, nhưng sau ông thôi không in ở đây nữa vì cho rằng tạp chí này có khuynh hướng chính trị tiêu tư sản. Tác phẩm được in lần đầu tiên ở Xuyrich (Đức) vào đầu tháng 10-1884, lần thứ hai năm 1886, lần ba năm 1889 tại Stútgát (Đức) trong bối cảnh chính quyền Đức tìm mọi cách cấm xuất bản cuốn sách này vì ở Đức lúc này có luật chống những người xã hội chủ nghĩa. Đến năm 1891, tác phẩm được xuất bản lần thứ tư có sửa đổi, bổ sung ở Stútgát và sau này không còn sửa đổi thêm gì nữa. Ph. Ăngghen cùng viết cho cuốn sách này lời tựa mới, được công bố dưới hình thức một bài báo riêng dưới tựa đề “*Về lịch sử gia đình nguyên thủy*”. Khi Ph. Ăngghen còn sống cuốn sách còn được xuất bản lần thứ năm (1892), thứ sáu (1894) nhưng theo đúng bản in lần thứ tư. Từ khi ra đời, tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng như tiếng Ba Lan,

Đan Mạch, Xécbi, Rumani, Pháp, Italia... và được phát hành rộng rãi với mục đích: thực hiện di chúc của C. Mác, tiếp tục phát triển những tư tưởng thiên tài của C. Mác về giai cấp, đấu tranh giai cấp, về nhà nước; khẳng định và bảo vệ quan điểm duy vật về lịch sử của C. Mác và của bản thân Ph. Ăngghen; đồng thời, xác định quan điểm duy vật tự phát và những công hiến của L. Moócgan, phê phán những quan điểm sai lầm của các nhà sử học và kinh tế học ở châu Âu thời bấy giờ; Góp phần to lớn vào việc trang bị cho giai cấp công nhân vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chống lại hệ tư tưởng tư sản, hướng giai cấp công nhân vào một phong trào thống nhất, có tổ chức, đấu tranh vì một xã hội tương lai, xã hội không giai cấp - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

**\* Kết cấu của tác phẩm**

Tác phẩm *“Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”* ra đời là thành công lớn của Ph. Ăngghen. Tác phẩm gồm hai lời tựa (lời tựa năm 1884 và năm 1891) và chín chương:

Lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất (1884): Ph. Ăngghen trình bày quan điểm xuất phát của mình để nghiên cứu quan điểm duy vật lịch sử. Ông nói rõ lý do vì sao Ph. Ăngghen viết tác phẩm này, đó là “sự thực hiện di chúc” mà C. Mác để lại bởi chính Mác đã có ý định trình bày những kết quả nghiên cứu của L. Moócgan, tiếp đó Ph. Ăngghen nhắc lại quan điểm duy vật của C. Mác về vai trò của sản xuất, của tái sản xuất đối với sự phát triển của xã hội trong đó có gia đình: “Theo quan điểm duy vật, nhân tố quyết định trong lịch sử quy cho đến cùng là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt khác là sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của

một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình” [39; tr. 44].

Nhận định này cho thấy vai trò rất to lớn của gia đình đối với sự phát triển của xã hội.

Ph.Ăngghen khẳng định công lao to lớn của L. Moócgan trong việc khôi phục lịch sử thời tiền sử, nó như là chiếc chìa khoá để mở ra những điều bí ẩn của lịch sử thời cổ đại. Đồng thời, Ph. Ăngghen phê phán các nhà khoa học đương thời thiếu trung thực, họ lợi dụng thành tích của L. Moócgan để làm lợi cho mình, làm lu mờ công lao, sự cống hiến của ông.

Ph. Ăngghen viết lời tựa thứ hai, cho lần xuất bản thứ tư (1891) là do yêu cầu tái bản và do có nhiều công trình nghiên cứu về gia đình trong xã hội nguyên thủy xuất hiện. Vì vậy, cần phải sử dụng những công trình khoa học này để bổ sung cho tác phẩm. Một lần nữa, Ph. Ăngghen khẳng định công lao to lớn của L. Moócgan và giới thiệu một số công trình của các nhà khoa học khác như: Băchôphen, J.F. Maclênan.

Trong đó, Băchôphen đã phát hiện ra chế độ hôn nhân quần hôn, chế độ dựa trên cơ sở huyết tộc dẫn đến ra đời chế độ mẫu quyền, mặt khác Ph. Ăngghen đã phê phán sai lầm của Băchôphen, đó là lấy tôn giáo như là yếu tố đòn bẩy cho sự phát triển. J.F. Maclênan đã nghiên cứu và viết nhiều tác phẩm về lịch sử. Ph. Ăngghen cho rằng, J.F. Maclênan đã vạch rõ được lịch sử tồn tại và phát triển của chế độ ngoại tộc hôn trong lịch sử hôn nhân gia đình. Ông chứng minh chế độ mẫu quyền có trước chế độ phụ quyền và không có chế độ quần hôn. Sai lầm mà J.F. Maclênan mắc phải được Ph.Ăngghen chỉ ra, đó là chế độ ngoại tộc hôn và chế độ nội tộc hôn có những mâu thuẫn sâu sắc, mâu thuẫn ấy là cơ sở để tạo ra những cuộc chiến tranh.

Ngoài hai lời tựa, tác phẩm chia làm chín chương:

### Chương 1: Những giai đoạn văn hóa tiền sử

Ăngghen viết về lịch sử loài người phát triển qua các giai đoạn từ thấp đến cao, từ thời đại mông muội đến thời đại dã man và thời đại văn minh. Sự phát triển ấy nó luôn gắn với sự phát triển của trình độ lao động sản xuất. Ph.Ăngghen đã giới thiệu sự sắp xếp thời kì tiền sử của loài người theo hệ thống của L. Moócgan, qua đó đã vẽ nên một bức tranh toàn cảnh của xã hội loài người đồng thời chỉ ra những hạn chế của L.Moócgan trong cách phân kì.

### Chương 2: Gia đình

Ph. Ăngghen viết về quá trình hình thành và phát triển của gia đình trong lịch sử. Trong chương này, Ph. Ăngghen làm rõ thời kì thơ ấu của loài người, giải thích một thời kì lịch sử mà trước đó chưa lý giải được thông qua nghiên cứu lịch sử phát triển của các hình thức gia đình theo công trình nghiên cứu của L. Moócgan từ gia đình huyết tộc, gia đình Punaluan, gia đình cặp đôi, gia đình một vợ một chồng, trong đó gia đình huyết tộc là giai đoạn đầu của gia đình.

Chương 3: Thị tộc Irôqua, Ph. Ăngghen viết về thị tộc điển hình sống ở Châu Mỹ theo lối sống cổ đại.

Chương 4: Thị tộc Hi Lạp mà chế độ mẫu quyền đã nhường chỗ cho chế độ phụ quyền.

Trong hai chương 3 và chương 4, Ph. Ăngghen đã mô tả tổ chức xã hội trước khi có nhà nước, mô tả sự ra đời, nguồn gốc của chế độ sở hữu tư nhân và của giai cấp - nhân tố làm tan rã chế độ thị tộc. Từ những phân tích về quá trình phát triển kinh tế - xã hội do sự phát triển của lực lượng sản xuất làm nảy sinh chế độ tư hữu và giai cấp. Ph. Ăngghen đi đến khẳng định Nhà nước nhất định sẽ xuất hiện như một tất yếu lịch sử, như một quá trình tự nhiên và vạch rõ bản chất giai cấp của Nhà nước. Khẳng định Nhà nước là một hình thức của giai cấp thống trị, bảo vệ quyền lợi của giai cấp cầm quyền.

### Chương 5: Sự ra đời của nhà nước Aten

### Chương 6: Thị tộc và nhà nước La Mã

Trong chương 5 và chương 6, Ph. Ăngghen đã phân tích về mặt lịch sử những biến đổi về xã hội trong xã hội thị tộc dẫn đến sự hình thành và phát triển của Nhà nước Aten và Nhà nước La Mã, phân tích hai phương thức hình thành nhà nước khác nhau. Nhà nước Aten nảy sinh chủ yếu và trực tiếp từ những sự đối lập giai cấp ngay trong nội bộ xã hội thị tộc, một hình thức ra đời nhà nước thuần túy nhất, cổ điển nhất thì Nhà nước La Mã là kết quả của cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người bình dân sống ngoài thị tộc La Mã với những người quý tộc La Mã. Tuy có sự khác nhau về phương thức hình thành nhà nước song theo Ph. Ăngghen nguyên nhân chính làm cho xã hội nguyên thủy sụp đổ chính là sự xuất hiện và phát triển những mâu thuẫn về kinh tế - xã hội.

Chương 7: Thị tộc của người Kentơ và của người Giécmanh.

Chương 8: Sự hình thành nhà nước của người Giécmanh. Ph. Ăngghen giới thiệu đây là sự ra đời của nhà nước trong trường hợp đặc biệt, không phải là kết quả trực tiếp của những biến đổi kinh tế - xã hội mà là kết quả của hành động bạo lực. Song suy cho cùng thì sự xuất hiện nhà nước này vẫn xuất hiện từ nguồn gốc sâu xa, tất yếu từ sự biến đổi của kinh tế-xã hội.

Chương 9: Thời đại dã man và thời đại văn minh

Ph. Ăngghen tổng hợp lại và chỉ rõ quá trình phát triển của loài người từ thời đại dã man sang thời đại văn minh trên cơ sở phát triển của sản xuất, của sự phát triển kinh tế - xã hội và Ph. Ăngghen chỉ ra những đặc trưng của thời đại văn minh, khẳng định tính tất yếu trong sự phát triển của lịch sử là ở chỗ xã hội hiện đại phải được thay thế bằng chế độ mới mà ở đó không còn chế độ tư hữu, không còn giai cấp và nhà nước sẽ tự tiêu vong, mọi người sống trong bình đẳng, tự do, hạnh phúc thực sự.

Như vậy, Qua tác phẩm Ph. Ăngghen đã phân tích một cách khoa học



lịch sử loài người ở những giai đoạn phát triển sớm nhất của nó, làm rõ cơ sở kinh tế của quá trình làm tan rã chế độ công xã nguyên thủy và sự hình thành xã hội có giai cấp dựa trên chế độ tư hữu, vạch ra những đặc điểm chung của xã hội đó, giải thích đặc điểm sự phát triển của quan hệ gia đình ở những hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. Ph. Ăngghen còn vạch rõ nguồn gốc, bản chất của nhà nước và chứng minh tính tất yếu lịch sử sự mất đi của nhà nước khi xã hội cộng sản không có giai cấp thắng lợi hoàn toàn.

### **1.2.2. Vấn đề hôn nhân và gia đình trong tác phẩm**

#### **\* Về nguồn gốc của gia đình.**

Đứng trên lập trường là một nhà duy vật biện chứng, Ph. Ăngghen đã đúc kết những thành tựu của các nhà triết học trước, đồng thời chỉ ra những hạn chế và phát triển những quan điểm đó trên cơ sở duy vật biện chứng. Ph. Ăngghen đã lý giải một cách khoa học và duy vật về quá trình ra đời, phát triển của gia đình, những hình thức hôn nhân qua các hình thái kinh tế-xã hội, đặc biệt ông đã chỉ ra vai trò của gia đình trong đời sống xã hội và mối quan hệ giữa hôn nhân với các hình thức sở hữu.

Ph. Ăngghen coi nhân tố kinh tế là yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến sự phát triển của hôn nhân và các hình thức gia đình trong lịch sử, trong đó sự thay đổi của phương thức sản xuất mà yếu tố quyết định là sự phát triển của lực lượng sản xuất - yếu tố năng động, luôn biến đổi cùng với sự thay đổi của thực tiễn xã hội, phù hợp với quan hệ sản xuất của các hình thái xã hội khác nhau.

Tán thành với L. Moóc-gan, Ph. Ăngghen cho gia đình là yếu tố năng động, không bao giờ đứng nguyên một chỗ mà nó luôn vận động và phát triển của xã hội. Những điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kì lịch sử nhất định có tác dụng quyết định đến hình thức tổ chức và kết cấu của gia đình "*Chế độ gia đình hoàn toàn bị quan hệ sở hữu chi phối*" [39; tr. 44]. Ngược

lại gia đình và trình độ phát triển của gia đình cũng có tác động rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến việc tái tạo ra bản thân con người, truyền thống để bảo vệ nòi giống cũng như tái tạo ra sức lao động của sản xuất xã hội.

Cũng như L. Moóc-gan, Ph. Ăngghen cho rằng những giai đoạn đầu tiên trong tiến trình lịch sử phát triển của xã hội loài người, những quan hệ gia đình và những mối quan hệ thân tộc có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, trước sự phát triển của lực lượng sản xuất, các hình thức hôn nhân và kết cấu của gia đình bị tác động hết sức sâu sắc. Xã hội cộng sản nguyên thủy đã trải qua ba lần phân công lao động xã hội: Lần phân công thứ nhất khi chăn nuôi tách khỏi trồng trọt làm xuất hiện chế độ tư hữu và đồng thời làm thay đổi chế độ hôn nhân, chế độ hôn nhân một vợ một chồng thay thế cho chế độ quần hôn, người chồng trở thành người chủ trong gia đình và có quyền quyết định trong gia đình; Sự phân công lần thứ hai khi mà thủ công nghiệp tách khỏi công nghiệp đã thúc đẩy xã hội phát triển, việc tìm ra kim loại đặc biệt là sắt và chế tạo ra công cụ bằng sắt, không những tạo ra khả năng có thể trồng trọt trên những diện tích rộng lớn mà còn mang lại cho người thợ thủ công những công cụ lao động mới để chinh phục thiên nhiên, phục vụ cho cuộc sống của mình. Vì vậy mà nguồn dự trữ ngày càng nhiều đã đẩy nhanh quá trình phân hóa xã hội, làm cho mâu thuẫn giai cấp ngày càng tăng; Sự phân công lần thứ ba xuất hiện tầng lớp thương nhân và nghề thương mại, làm cho ngành nghề ngày càng phong phú, tư liệu lao động và sinh hoạt ngày càng tiến bộ. Cùng với sự phân công lao động xã hội, lực lượng sản xuất phát triển hết sức mạnh mẽ, gắn liền với đó là sự tăng lên của năng suất lao động và sự ra đời của chế độ tư hữu đã phá vỡ kết cấu của xã hội dựa trên những mối quan hệ huyết tộc và thay thế nó xuất hiện những mối quan hệ xã hội mới bị chi phối bởi những quan hệ kinh tế.

Theo Ph. Ăngghen sự thay đổi của các hình thức hôn nhân và gia đình, gắn liền với sự thay đổi của phương thức sản xuất ra của cải vật chất. “Gia đình là yếu tố năng động; nó không bao giờ đứng nguyên ở một chỗ mà chuyển từ hình thức thấp lên hình thức cao, khi xã hội phát triển từ một giai đoạn thấp lên một giai đoạn cao” [39; tr. 57]. Trong thời kỳ đầu của lịch sử, khi mà nền sản xuất còn kém phát triển, con người sống và tồn tại bằng hái lượm và săn bắn, họ phải dựa vào nhau để kiếm sống và chống đỡ những ảnh hưởng tiêu cực của thiên nhiên, thì nhân loại đã từng tồn tại những hình thức khác nhau của chế độ quần hôn.

Ông viết: “Và thực vậy, chúng ta thấy hình thức gia đình nào là cổ nhất, sớm nhất, hình thức mà chúng ta có thể chứng minh được một cách chắc chắn là có tồn tại trong lịch sử và ngày nay chúng ta vẫn có thể nghiên cứu được ở một nơi nào đó? Đây là hình thức quần hôn, một hình thức hôn nhân trong đó trọn từng nhóm đàn ông và trọn từng nhóm đàn bà quan hệ tình dục với nhau” [39; tr. 64]. Ngày nay khoa học cũng có thể chứng minh được sự tồn tại của hình thức gia đình quần hôn gắn với chế độ cộng sản nguyên thủy, trong đó người con chỉ có thể biết được mẹ mình là ai nhưng không thể biết được người cha. Như vậy thời kì đó chế độ mẫu quyền tồn tại và thống trị.

Cùng với sự phát triển của các điều kiện sinh hoạt vật chất của con người, gia đình hỗn tạp đã chuyển sang gia đình huyết tộc - giai đoạn đầu của hình thức gia đình trong đó con người sống với nhau trong một tập thể theo quan hệ huyết thống và lấy nhau theo từng thế hệ. Tiếp đó là sự ra đời của gia đình Punaluan là bước tiến đầu tiên trong tổ chức gia đình. Gia đình Punaluan cũng là hình thức gia đình quần hôn, chung chồng, chung vợ trong phạm vi một gia đình nhưng cấm anh chị em ruột lấy nhau, rồi sau đó sự hạn chế được mở rộng ra giữa những người quá gần huyết thống.

Tiếp đến là sự ra đời của gia đình cặp đôi gắn với thời đại dã man, thời

đại mà Ph. Ăngghen đã khái quát: Thời đại dã man - thời đại trong đó con người học được cách chăn nuôi súc vật và làm ruộng, học được những phương pháp thông qua hoạt động của con người để tăng việc sản xuất các sản vật tự nhiên. Đây là thời đại mà các điều kiện sinh hoạt vật chất có những bước tiến bộ với sự xuất hiện của chiếc cày lưỡi sắt khiến cho con người có thể trồng trọt trên quy mô lớn, sự sáng tạo ra chữ viết theo vần chữ cái và việc sử dụng chữ để ghi những sáng tác văn học. Giai đoạn này khả năng dự trữ thức ăn ngày càng nhiều, đời sống con người được cải thiện hơn, dân cư tăng nhanh hơn và nhận thức của con người cũng cao hơn. Chính sự phát triển của các điều kiện sinh hoạt vật chất đã tạo bước phát triển từ gia đình huyết tộc sang gia đình cặp đôi, trong đó đã có quan hệ một vợ một chồng nhưng không bền vững.

Gia đình một vợ một chồng xuất hiện trên cơ sở từ gia đình cặp đôi vào giai đoạn giữa và giai đoạn cao của thời đại dã man, sự xuất hiện của hình thức gia đình đánh dấu sự chuyển sang thời đại văn minh - thời đại trong đó con người học được cách tinh chế thêm những sản vật tự nhiên, thời đại của công nghiệp thay thế cho những tư liệu sản xuất còn thô sơ, lạc hậu trước đây. Ph. Ăngghen đã chỉ ra rằng chế độ một vợ một chồng được hình thành chủ yếu do sự phát triển của lực lượng sản xuất làm nảy sinh chế độ tư hữu và sự phân hoá thành các giai cấp trong xã hội và chế độ một vợ một chồng là hình thức gia đình đầu tiên không dựa trên những điều kiện tự nhiên mà dựa trên những điều kiện kinh tế, sự ra đời của hình thức gia đình này đánh dấu sự thắng lợi của sở hữu tư nhân đối sở hữu công cộng. Quá trình này gắn liền với sự phát triển của chế độ tư hữu, nền tảng của hình thức gia đình ấy: “Dựa trên quyền thống trị của người chồng, nhằm chủ đích là làm cho con cái sinh ra phải có cha đẻ rõ ràng không ai tranh cãi được và sự rõ ràng về dòng dõi đó là cần thiết, vì những đứa con đó sau này sẽ được thừa hưởng tài sản của người

cha với tư cách là những người kế thừa trực tiếp” [39; tr. 99]. Ph. Ăngghen kết luận: “Việc chuyển sang chế độ tư hữu hoàn toàn được thực hiện dần dần và song song với việc chuyển từ hôn nhân cặp đôi sang chế độ một vợ, một chồng. Gia đình cá thể bắt đầu trở thành đơn vị kinh tế của xã hội” [39; tr. 44]. Bên cạnh vai trò của các nhân tố kinh tế đối với sự phát triển của hôn nhân và các hình thức gia đình, Ph. Ăngghen cũng đã chỉ ra vai trò của những yếu tố di truyền sinh học đối với việc thúc đẩy của các hình thức hôn nhân và gia đình, ông viết: “Khi nảy sinh ra quan niệm cho rằng quan hệ tình dục giữa những người con cùng mẹ là không được phép, thì quan niệm ấy đã có tác dụng trong việc phân nhỏ những cộng đồng gia đình cũ và thành lập cộng đồng gia đình mới... Một hay nhiều nhóm chị em gái trở thành hạt nhân của một cộng đồng, còn những anh em trai cùng mẹ của họ lại trở thành hạt nhân của cộng đồng khác” [39; tr. 69]. Dưới sự tác động của nhân tố kinh tế, đặc biệt là qua các lần phân công lao động xã hội và sự nhận thức về quy luật đào thải sinh học, các hình thức gia đình đã không ngừng phát triển, Ph. Ăngghen kết luận: “Vậy sự phát triển của gia đình trong thời đại nguyên thủy là sự thu hẹp không ngừng của cái phạm vi mà lúc đầu bao gồm toàn thể bộ lạc, trong đó tình trạng cộng đồng hôn nhân giữa nam và nữ thống trị. Bằng con đường dần dần cấm đoán những người bà con thân thuộc không được lấy nhau, trước tiên là cấm bà con gần nhất, rồi đến bà con xa hơn, và cuối cùng cả đến những người bà con bên vợ nữa, cho nên trên thực tế, bất cứ hình thức quần hôn nào cũng không thể tồn tại được, và rốt cuộc chỉ còn có từng đôi vợ chồng gắn bó với nhau bằng những mối liên hệ rất lỏng lẻo” [39; tr. 80]. Như vậy, Ph.Ăngghen đã phân tích nguồn gốc hôn nhân và gia đình từ giai đoạn thấp nhất của xã hội loài người, lúc đó con người mới chỉ bắt đầu tách khỏi thiên nhiên chưa sản xuất ra một thứ nào cả, chỉ hái lượm những thức ăn sẵn có và vì thế khi đó chưa có sự phân công lao động xã hội đến giai đoạn cao nhất của

xã hội loài người bởi hai quy luật cơ bản: quy luật điều kiện kinh tế xã hội và quy luật đào thải sinh học. Dưới sự tác động của hai quy luật trên, gia đình không ngừng phát triển theo xu hướng tiến bộ, có sự chọn lọc, kế thừa và phát triển cho phù hợp với thời đại.

**\* Sự hình thành và phát triển của hôn nhân và gia đình qua các giai đoạn lịch sử.**

Sinh thời cả C. Mác và Ph. Ăngghen đều coi vấn đề gia đình như một nhân tố có ý nghĩa quyết định cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Sự vận động và phát triển của gia đình được xem là thước đo để đánh giá sự vận động và phát triển của một xã hội nhất định. Hay có thể khẳng định gia đình có tác động quan trọng đến tiến trình phát triển của xã hội.

Vai trò gia đình đối với sự phát triển của xã hội được thể hiện ở các chức năng của gia đình. Trong đó, chức năng cơ bản nhất là cùng tái sản sinh con người, với chức năng này, gia đình tham gia vào cả hai loại sản xuất của xã hội, góp phần quyết định vào sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, của mỗi chế độ xã hội; Một mặt, sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó, mặt khác là sự sản xuất bản thân con người, là sự di truyền nòi giống... Trong lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất năm 1884, Ph. Ăngghen chỉ ra rằng: “Theo quan điểm duy vật, thì nhân tố quyết định trong lịch sử - xét đến cùng - là sản xuất và tái sản xuất ra những nhân tố cần nhất cho đời sống. Bản thân sự sản xuất ấy lại có hai mặt. Một mặt là sản xuất tư liệu sinh hoạt: thức ăn, quần áo, nhà cửa, và những công cụ để sản xuất những thứ đó; mặt khác là sản xuất ra chính con người, để duy trì nòi giống. Tổ chức của xã hội loài người - ở một thời đại lịch sử cụ thể và ở một quốc gia cụ thể - là do hai loại sản xuất đó qui định: một mặt là trình độ phát triển của lao động, mặt khác là trình độ phát triển của gia đình” [39; tr. 44].

Với tác phẩm này, Ph. Ăngghen đã làm thay đổi quan điểm trước đây, về các hình thái hôn nhân - gia đình trong lịch sử. Quan điểm trước chủ nghĩa Mác cho rằng: hình thái cổ xưa nhất của cuộc sống xã hội loài người là gia đình, sau gia đình và bộ lạc, cuối cùng là bộ lạc chuyển thành Nhà nước. Ph.Ăngghen là người đầu tiên chứng minh nhận định trên là hoàn toàn sai lầm, nó xuyên tạc thực tế lịch sử loài người. Theo Ph. Ăngghen thì các hình thức gia đình trong lịch sử chịu sự tác động của hai quy luật, một là điều kiện kinh tế - xã hội, sự phát triển của tâm lý đạo đức tình cảm của con người và hai là quy tắc đào thải sinh học, chịu sự tác động của hai quy luật trên, gia đình đã chuyển biến theo xu hướng ngày càng tiến bộ. Ph. Ăngghen chỉ ra loài người đã trải qua ba hình thức hôn nhân chính trong thời gian tương ứng với ba giai đoạn chủ yếu trong lịch sử phát triển của xã hội loài người: Ở thời đại mông muội với loại hình gia đình huyết tộc, thời đại dã man với loại hình gia đình cặp đôi và thời đại văn minh với loại hình gia đình một vợ, một chồng. Ph. Ăngghen phân tích nguồn gốc hôn nhân và gia đình từ giai đoạn thấp nhất của xã hội loài người, khi con người mới chỉ bắt đầu tách khỏi thiên nhiên chưa sản xuất ra một thứ nào cả, chỉ hái lượm những thức ăn sẵn có và vì thế khi đó chưa có sự phân công lao động xã hội, cho đến giai đoạn cao nhất của xã hội loài người. Qua những tài liệu nghiên cứu của L. Moócgan về những bộ lạc Irôqua ở bang New York và những bộ lạc người Indian khác ở Mỹ cùng một số tài liệu các học giả khác. Theo Ph. Ăngghen hình thức quần hôn, trong đó những quan niệm về sự loạn luân hay sự ghen tuông là chưa thể có được; sau đó xuất hiện hôn nhân đối ngẫu, kết hợp những đôi riêng lẻ trong một thời kỳ nhất định; cuối cùng, chế độ hôn nhân một vợ một chồng xuất hiện.

**- Thời đại mông muội với loại hình gia đình huyết tộc**

Qua những tài liệu nghiên cứu, đồng tình với những quan điểm của

L.Moócgan, Ph. Ăngghen luôn cho rằng hình thức hôn nhân sớm nhất của người nguyên thủy là hình thức quần hôn với quan hệ tình dục hỗn tạp, trong đó mọi người đàn ông đều thuộc về mọi người đàn bà và mọi người đàn bà cũng thuộc về mọi người đàn ông và những quan niệm về sự loạn luân hay sự ghen tuông là chưa thể có được. Ph. Ăngghen nói đến quan hệ tình dục hỗn tạp: có nghĩa là lúc đó không có những sự cấm đoán hạn chế; Vì trong thời kì sơ khai, chẳng những anh em, chị em đều là vợ chồng mà còn có cả những quan hệ tình dục giữa cha mẹ và con cái vẫn tồn tại ở nhiều bộ tộc. Tuy nhiên hôn nhân tạp hôn tồn tại trong lịch sử luôn gắn với những điều kiện sinh hoạt vật chất của con người. Điều này khẳng định, Ph. Ăngghen cùng với L.Moócgan luôn đứng trên lập trường duy vật khi xem xét những điều kiện nguyên thủy gắn với sự hình thành và phát triển của gia đình và Ph.Ăngghen khẳng định "*Chừng nào còn xem xét những điều kiện nguyên thủy qua cặp kính nhà thổ thì không thể nào hiểu được những điều kiện ấy*" [39; tr. 66]. Điều này đã chống lại quan điểm của Vextomác khi phủ nhận vấn đề tạp hôn của người nguyên thủy và cho rằng "*tình trạng đó là tệ mại dâm*". Như vậy, Vextomác đã có cái nhìn phiến diện, chủ quan của nhà thổ khi xem xét các điều kiện nguyên thủy, điều cần thiết phải có cái nhìn khách quan, toàn diện trong điều kiện sinh hoạt vật chất lúc bấy giờ con người còn ăn lông, ở lỗ, mưu sinh chủ yếu là săn bắt và hái lượm, sống theo hình thức bầy đàn trong các hang động, nên tình trạng tạp hôn là điều tất yếu của những gia đình quần hôn trong các bộ tộc thời đó. Theo L. Moócgan từ trạng thái tình dục hỗn tạp nguyên thủy ấy chắc chắn đã phát triển rất sớm thành loại hình gia đình huyết tộc.

Thời kì mông muội xuất hiện loại hình gia đình đầu tiên - gia đình huyết tộc. Đó được coi là giai đoạn đầu của hình thức gia đình, và cũng là hình thức sơ khai của gia đình để dẫn đến bước tiến mới trong gia đình đó là sự xuất



hiện của các hình thức gia đình tiếp theo.

Gia đình huyết tộc là hình thức gia đình mà tất cả ông và bà đều là vợ chồng của nhau, các con của họ, nghĩa là các người cha và các người mẹ cùng đều là vợ chồng của nhau, rồi đến lượt con cái của những người này cùng hợp thành nhóm vợ chồng chung thứ ba, con cái của những người con ấy lại hợp thành nhóm vợ chồng thứ tư. Tuy nhiên trong gia đình này, giữa tổ tiên và con cháu, cha mẹ và con cái là không có quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Anh em trai và chị em gái ruột, anh em và chị em họ đều là anh em, chị em với nhau và chính vì thế mà đều có nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Trong từng thế hệ, mối quan hệ anh em, họ hàng đã bao hàm quan hệ tình dục vợ chồng giữa họ. Ví dụ điển hình của kiểu gia đình đó là các hậu duệ của một cặp vợ chồng: họ đều là anh chị em, và đều là vợ chồng của nhau trong phạm vi từng đời một.

Như vậy, với loại hình gia đình huyết tộc, bước đầu tiên đã hủy bỏ được quan hệ tình dục giữa cha mẹ và con cái, không còn quan hệ tính giao giữa họ, đã là một bước tiến bộ lớn. Gia đình huyết tộc đã tiêu tan. Ngay những dân mông muội nhất, mà lịch sử từng biết đến, cũng không cho ta một ví dụ chắc chắn nào về hình thức đó.

Nhưng chúng ta buộc phải công nhận là nó nhất định từng tồn tại: hệ thống thân tộc Hawaii, ngày nay vẫn thịnh hành trên khắp quần đảo Polynesia, đang biểu hiện những mức độ thân tộc mà chỉ có hình thức gia đình đó mới tạo ra được. Toàn bộ sự phát triển sau này của gia đình cũng giả định sự tồn tại của gia đình huyết tộc, như là giai đoạn tất yếu đầu tiên.

Tuy nhiên cùng với sự phát triển của các điều kiện sinh hoạt vật chất, với sự xuất hiện của cung tên “Cung tên đối với thời đại mông muội thì cung giống như thanh kiếm sắt đối với thời đại dã man và khẩu súng đối với thời đại văn minh - vũ khí có tính chất quyết định” [39; tr. 48]. Nhận thức con

người ngày càng phát triển đã tạo ra bước tiến mới trong việc chọn lựa quan hệ vợ chồng, lúc này đã loại bỏ được quan hệ tính giao giữa anh em trai và chị em gái, hình thành nên gia đình Punaluan có nghĩa là “bạn thân”. Gia đình Punalua là hình thức gia đình không chấp nhận quan hệ tình dục giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em ruột với nhau, điều này đã có tác dụng trong việc phân nhỏ những cộng đồng gia đình cũ và thành lập những cộng đồng gia đình mới. Trong gia đình Punaluan thì một số nhất định chị em gái cùng mẹ hoặc xa hơn đều là vợ chung của những người chồng chung loại trừ những anh em trai của họ ra, những người chồng đó lúc này gọi nhau là bạn thân, không có quan hệ anh em. Cũng vậy, một số anh em trai cùng mẹ hoặc xa hơn đều lấy chung một số vợ không phải là chị em gái, và những người vợ ấy gọi nhau là Punaluan (bạn thân).

Nếu bước đầu tiên trong tổ chức gia đình là xóa bỏ quan hệ tính giao giữa cha mẹ và con cái thì bước thứ hai với việc xóa bỏ quan hệ tính giao giữa anh chị em với nhau thực hiện khó khăn hơn, nó được thực hiện dần dần bắt đầu với việc hủy bỏ quan hệ tính giao giữa anh chị em cùng mẹ; trước hết là trong những trường hợp cá biệt, rồi từng bước trở thành thông lệ (ở Hawaii, ngay trong thế kỉ này, vẫn có những ngoại lệ); và cuối cùng là cấm kết hôn giữa các anh chị em họ đời thứ nhất, thứ hai và thứ ba, như ta thường nói. Theo Moócgan, đó là: minh họa rất tốt về hoạt động của nguyên tắc chọn lọc tự nhiên.

Như vậy xét về tính chất thì gia đình Punaluan vẫn theo chế độ quần hôn, là hình thức biểu hiện cao nhất của chế độ đó: “Hình thức kết hôn trong từng tập đoàn là một hình thức sơ khai và rất thấp của chế độ quần hôn, còn gia đình Punaluan là giai đoạn phát triển cao nhất của chế độ đó” [39; tr. 78].

Trong gia đình Punalua, dòng dõi chỉ có thể xác định được về bên mẹ mà thôi, trong đó chỉ có nữ hệ là được thừa nhận. Vậy gia đình Punaluan là hình

thức cổ điển của một kết cấu gia đình theo kiểu gia đình chung chồng, chung vợ nhưng trong đó phải loại trừ những anh em trai của các người vợ và chị em gái của những người chồng. Hình thức kết hôn trong từng tập đoàn là một hình thức sơ khai và rất thấp của chế độ quần hôn, còn gia đình Punaluan là giai đoạn phát triển cao nhất của chế độ đó.

“Xét về tính chất thì gia đình Punaluan vẫn theo chế độ quần hôn, do đó dòng dõi chỉ có thể xác định được về bên mẹ mà thôi, và điều đó có nghĩa là chỉ có nữ hệ là được thừa nhận” [39; tr.74]. Theo Ph. Ăngghen phát hiện này là công lao lớn của Bắchôphen. Với L. Moócgan sự xuất hiện của gia đình Punaluan là giai đoạn phát triển tất yếu trước khi có gia đình đôi ngẫu. Chế độ quần hôn-như ở Australia, vốn vẫn là chế độ hôn nhân đẳng cấp; tức là việc lấy nhau giữa cả một đẳng cấp đàn ông sống rải rác trên toàn lục địa, với cả một đẳng cấp đàn bà cũng ở rải rác như thế nếu xét kĩ thì không có gì quá khủng khiếp; như là bọn Philistines, với cái trí óc nhà thổ của chúng vẫn tưởng tượng. Trái lại sự tồn tại của chế độ ấy đã không bị nghi ngờ trong hàng bao nhiêu năm và chỉ gần đây nó mới bị đem ra xét lại. Một kẻ quan sát hời hợt thì chỉ thấy chế độ quần hôn là một hình thức hôn nhân cá thể lỏng lẻo, ở vài nơi thì là chế độ nhiều vợ, đôi khi có cả việc không chung thủy.

Tuy nhiên, cùng với sự xuất hiện của quan hệ độc chiếm và chế độ nhiều vợ thì đồng thời chế độ quần hôn cũng dần tiêu vong, xuất hiện chế độ hôn nhân khác phù hợp với quan hệ hiện thời của từng hình thái kinh tế - xã hội khác nhau.

#### **- Thời đại dã man với loại hình gia đình cặp đôi.**

Gia đình cặp đôi là hình thức gia đình xuất hiện ở thời kì tiếp nối giữa thời đại mông muội và thời đại dã man, phần lớn là vào giai đoạn cao của thời đại dã man. Ph. Ăngghen giải thích “gia đình cặp đôi là loại hình thức kết hôn từng cặp đã tồn tại trong một thời gian hoặc ngắn hoặc dài, dưới chế độ quần

hôn, hoặc tồn tại sớm hơn nữa. Lúc bấy giờ, trong số vợ rất đông của mình, người đàn ông có một vợ chính, và trong số nhiều người chồng khác, anh ta là chồng chính của người đàn bà ấy” [39; tr. 79].

Vào thời kỳ thị tộc ngày càng phát triển và những nhóm “anh em trai” và “chị em gái” không thể lấy nhau được nữa thì những kiểu kết hôn từng cặp đã trở thành tập quán. Sự thúc đẩy việc cấm hôn nhân giữa những người cùng huyết tộc, do thị tộc đặt ra, ngày càng mạnh hơn. Như ở người Irôqua và hầu hết những người Indian khác, đang ở giai đoạn thấp của thời dã man, ta thấy hôn nhân giữa những người có quan hệ họ hàng với nhau - theo hệ thống của họ - đều bị cấm; mà các quan hệ họ hàng đó thì có đến mấy trăm loại. Những điều cấm ngày càng phức tạp đó đã khiến chế độ quần hôn ngày càng trở nên bất khả thi, không thể phát triển được nữa và chế độ đó đã bị thay thế bởi gia đình đối ngẫu - gia đình cặp đôi. Đây chính là bước tiến trong quá trình phát triển của hình thức gia đình trong tiến trình phát triển lịch sử của nhân loại.

Ở giai đoạn này, một người đàn ông sống với một người đàn bà, nhưng việc có nhiều vợ và đôi khi ngoại tình vẫn là quyền của đàn ông, dù trường hợp đó rất hiếm, vì các nguyên nhân kinh tế không cho phép; Trái lại trong đó người phụ nữ phải triệt để chung tình trong thời gian chung sống với chồng và tội ngoại tình của họ sẽ bị trừng trị một cách tàn ác. Tuy nhiên, mối quan hệ vợ chồng còn lỏng lẻo, chưa bền vững, nó có thể bị bên này hoặc bên kia cắt đứt một cách dễ dàng, con cái chỉ thuộc về người mẹ vì lúc này còn theo chế độ quần hôn. Khi chế độ quần hôn còn tồn tại thì có nghĩa còn tồn tại chế độ mẫu hệ.

Quy luật đào thải tự nhiên phát huy tác dụng cùng với việc cấm không cho những người cùng dòng máu kết hôn với nhau. Theo L. Moócgan trong cuốn “Xã hội cổ đại” thì:

“Tác động của thói quen mới, dẫn tới việc kết hôn giữa những người

không có quan hệ họ hàng với nhau, đã tạo ra một giống nòi mạnh mẽ hơn cả về thể chất và trí óc... Khi hai bộ lạc đang tiến bộ, với những đặc tính ưu việt về thể chất và trí óc, nhờ sự tình cờ của đời sống dã man mà kết hợp thành một; thì sọ và não của các thể hệ mới cũng lớn lên, tương ứng với các đặc tính của cả hai bộ lạc cũ". Vì thế, các bộ lạc có kết cấu thị tộc hẳn phải ưu việt hơn các bộ lạc lạc hậu; Hơn thế nữa, đã lôi kéo những bộ lạc ấy đi theo hình mẫu của mình.

Như vậy, lịch sử gia đình trong các thời nguyên thủy chính là việc thu hẹp không ngừng phạm vi hôn nhân; lúc đầu nó bao gồm toàn bộ lạc, và hai giới có quan hệ hôn nhân cộng đồng với nhau. Việc cấm quan hệ tính giao giữa những người cùng huyết tộc; trước hết là họ hàng gần, sau đó là họ hàng xa hơn, cuối cùng là cả họ hàng bên vợ (hay bên chồng), đã làm cho mọi hình thức quần hôn đều trở thành bất khả thi. Cuối cùng chỉ còn từng đôi vợ chồng riêng rẽ, kết hợp với nhau bằng những mối liên hệ hẫy còn lỏng lẻo, và nếu hình thức đó mất đi thì hôn nhân cũng không còn. Chi điều đó cũng đủ chứng tỏ là tình yêu nam nữ, hiểu theo nghĩa hiện nay của nó, chỉ có vai trò nhỏ bé đến thế nào trong sự xuất hiện của chế độ hôn nhân cá thể. Trong khi dưới những hình thức gia đình trước kia, đàn ông không bao giờ thiếu đàn bà, đúng ra họ còn có quá nhiều, thì giờ đây đàn bà trở nên ít ỏi hơn, và được tìm kiếm ráo riết. Vì thế, từ khi có chế độ hôn nhân đối ngẫu, việc cướp và mua đàn bà cũng xuất hiện, đó là những hiện tượng phổ biến, nhưng chỉ là hiện tượng, không hơn không kém. Những hiện tượng đó, hoàn toàn chỉ là những cách kiếm vợ, đã được học giả người Scotland, J.F. MacLennan gọi thành những hình thức đặc biệt, "*hôn nhân cướp đoạt*" và "*hôn nhân mua bán*". Ngoài ra, trong các dân Indian ở Mĩ hay các dân khác, các bà mẹ quyết định việc kết hôn, chứ không phải đôi lứa. Thường thì hai người được đính hôn với nhau như vậy, họ chỉ biết việc đó khi chú rể đem lễ vật đến biểu nhà gái để hỏi

cưới; lễ vật đó thường được coi là món tiền hơn là món quà, và nó cũng không phải là cái gì bất ngờ, để thông báo là cuộc mua bán đã xong. Hôn nhân vẫn có thể bị hủy bỏ tùy theo ý muốn của một trong hai bên, nhưng ở nhiều bộ lạc, ví dụ người Irôqua, dần dần đã có dư luận phản đối việc li dị; khi có bất hòa, hai thị tộc của vợ và chồng sẽ dàn xếp, và chỉ khi không dàn xếp được thì mới li dị; con cái là của mẹ, và hai bên được tự do tái hôn.

Gia đình cặp đôi vẫn không thể xóa bỏ được cơ sở kinh tế trước đó để lại, đó là kinh tế gia đình Cộng sản. Ph. Ăngghen giải thích: vì bản thân nó quá yếu ớt và quá không vững chắc để có thể làm nảy sinh sự cần thiết có một kinh tế gia đình riêng, hoặc làm nảy sinh ra nguyện vọng có một kinh tế như thế, nên nó không hề hủy bỏ được nền kinh tế gia đình cộng sản do thời trước để lại. Tuy nhiên, sự tồn tại của nền kinh tế cộng sản đồng nghĩa với sự thống trị của người đàn bà trong gia đình và con cái chỉ biết đến người mẹ, người phụ nữ thời kì này được tôn trọng và có vị thế lớn trong gia đình. Ở các dân mông muội và dân dã man, người phụ nữ không chỉ có tự do mà còn là danh giá nữa. Điều này đã được L. Moócgan nói đến trong cuốn “Xã hội cổ đại”: “Về chế độ gia đình của họ, ở thời mà những ngôi nhà dài theo kiểu cổ (công xã cộng sản bao gồm vài gia đình) vẫn đang thịnh hành, thì hay có một họ (thị tộc) thống trị, và đàn bà đi lấy chồng ở các họ khác... Đàn bà thường quản lí gia đình... Lương thực là của chung, nhưng thật bất hạnh cho ông chồng hay kẻ tình nhân nào không góp được phần mình vào số lương thực ấy, vì quá không may hoặc quá lười biếng. Dù có bao nhiêu con, hay bao nhiêu tài sản, anh ta vẫn có thể nhận được lệnh cuốn gói ra đi bất kì lúc nào; và nếu không tuân lệnh thì tình hình sẽ chẳng tốt đẹp gì. Khi đó, gia đình sẽ trở thành địa ngục với người ấy; và anh ta chỉ còn cách trở về họ nhà mình, hoặc tái hôn ở một họ khác, đó là điều vẫn hay xảy ra. Trong các họ, cũng như ở mọi nơi khác, đàn bà có quyền lực rất lớn. Khi cần, họ không ngần ngại cách chức

một tù trưởng, và hạ người đó xuống hàng chiến binh thường”. Ở Mĩ hiện nay, ít nhất là bốn mươi bộ lạc Bắc Mĩ người đàn ông - sau khi lấy người chị cả - có quyền lấy tất cả những cô em của người chị đó, khi họ đủ tuổi; đó là tàn tích của thời kì mà tất cả các chị em gái cùng lấy một chồng. Còn Bancroft thì kể về người Indian ở bán đảo California (ở giai đoạn cao của thời mông muội) là trong những ngày hội nhất định, nhiều “bộ lạc” tập hợp lại để tiến hành quan hệ tính giao bừa bãi. Rõ ràng đó là các thị tộc, họ vẫn giữ được cái kí ức mờ mờ về thời kì mà đàn bà ở một thị tộc là vợ chung của đàn ông ở các thị tộc khác, trong những ngày hội ấy.

Với gia đình đôi ngầu, nhóm hôn nhân đã giảm tới đơn vị nhỏ nhất của nó, là phân tử với hai nguyên tử: một người đàn ông và một người đàn bà. Nguyên tắc chọn lọc tự nhiên, với việc ngày càng loại trừ cộng đồng hôn nhân, đã hoàn thành nhiệm vụ của nó; về mặt đó, nó không có gì để làm nữa. Không có lí do gì để một hình thức gia đình mới có thể phát sinh từ gia đình đôi ngầu, nếu những động lực xã hội chưa hoạt động. Nhưng chúng đã bắt đầu hoạt động. Khi những điều kiện kinh tế, xã hội thời kì này phát triển cùng với việc thuần dưỡng gia súc và chăn nuôi gia súc, đồ kim khí xuất hiện, con người biết dệt và trồng trọt thì của cải ngày càng dồi dào, cùng với nó là sự xuất hiện những quan hệ xã hội mới và sự phân công lao động mới trong gia đình. Lúc bấy giờ, người chồng có vai trò đi kiếm ăn nuôi sống gia đình và tìm kiếm công cụ sản xuất cần thiết phục vụ công việc kiếm thức ăn của mình. Còn người phụ nữ có vai trò sinh đẻ và nội trợ, họ chỉ ở trong phạm vi ngôi nhà của mình. Khi có sự phát triển về công cụ sản xuất cũng như nguồn của cải tăng lên thì vai trò, vị thế của nam giới ở giai đoạn này được xác lập, có bước phát triển mới, thay đổi về chất. Cùng với vị thế người đàn ông trong gia đình tăng lên đã khiến cho gia đình cặp đôi phát triển thành gia đình một vợ một chồng. Nguyên nhân để gia đình cặp đôi phát triển thành gia đình một

vợ một chồng: Muốn cho gia đình cặp đôi phát triển thành gia đình một vợ một chồng vững chắc cần phải có những nguyên nhân khác, ngoài những nguyên nhân đã tác động từ trước đến nay. Nguyên nhân trước tiên là việc thuần dưỡng súc vật và việc chăn nuôi gia súc phát triển đã tạo ra nguồn của cải dồi dào và đã tạo ra những quan hệ xã hội mới. Của cải ấy, một khi đã trở thành sở hữu riêng của các gia đình riêng rẽ và một khi đã tăng lên nhanh chóng, thì đánh một đòn rất mạnh vào xã hội dựa trên chế độ hôn nhân cặp đôi và trên thị tộc mẫu quyền. Hôn nhân cặp đôi đã đưa vào gia đình một yếu tố mới. Theo sự phân công lao động tồn tại trong gia đình thời bấy giờ, người chồng có nhiệm vụ đi kiếm thức ăn và những công cụ lao động cần thiết cho việc kiếm thức ăn, do đó anh ta là người sở hữu những công cụ ấy; khi ly hôn, người chồng mang công cụ đi, còn người vợ giữ lại các công cụ gia đình. Người đàn ông trong thời kì này đồng thời với việc sở hữu một nguồn thức ăn mới - gia súc thì cũng sở hữu loại công cụ lao động mới - nô lệ.

Nhờ sự tăng lên không ngừng của cải, địa vị người chồng ngày càng được củng cố và xác lập vững chắc, người đàn ông lợi dụng địa vị đó đảo ngược trật tự thừa kế cổ truyền hồng có lợi cho con cái và tất nhiên chế độ tính dòng dõi theo mẫu quyền bị xóa bỏ. Vì theo chế độ mẫu quyền - tức là huyết tộc chỉ được tính về bên mẹ - và theo tập tục ban đầu về việc kế thừa trong thị tộc, thì chỉ những người họ hàng trong cùng thị tộc mới được thừa kế tài sản của một thành viên thị tộc đã chết. Tài sản của người đó phải ở lại trong thị tộc. Vì tài sản đó cũng không nhiều cho lắm, nên có lẽ là từ xưa, nó đã luôn được trao cho những người họ hàng gần nhất về phía mẹ. Nhưng con cái của người đàn ông đã chết không thuộc thị tộc của anh ta, mà thuộc thị tộc của mẹ chúng; chúng kế thừa tài sản của mẹ, trước hết là cùng với họ hàng bên mẹ, về sau thì được ưu tiên nhận thừa kế trước; chúng không thể kế thừa tài sản của cha, vì chúng không thuộc thị tộc của cha, mà tài sản của cha phải



ở lại trong thị tộc đó. Vì thế, khi chủ một đàn gia súc qua đời, thì đàn gia súc của anh ta trước hết sẽ thuộc về anh chị em ruột, và con cái họ; hoặc là con cháu của di anh ta. Còn con cái của chính anh ta thì không được thừa kế. Vì vậy, theo phong tục của xã hội thị tộc mẫu hệ, con cái của người đàn ông vẫn không được hưởng tài sản của chính người cha mình làm ra. Để đảo ngược được trật tự kế thừa cổ truyền nhằm có lợi cho con cái mình, người chồng đã tìm cách xoá bỏ chế độ thị tộc mẫu hệ và xác lập dòng dõi tính theo người cha và quyền thừa kế theo dòng máu người cha đã được xác lập không mấy khó khăn. Cùng với việc xoá bỏ chế độ mẫu hệ thời đại hoàng kim của người phụ nữ đã bị phế bỏ hoàn toàn. Theo Ph. Ăngghen sự xoá bỏ này là một cuộc cách mạng “Vì cuộc cách mạng đó - một trong những cuộc cách mạng triệt để nhất mà nhân loại đã trải qua” [39; tr. 92]. “Chế độ mẫu quyền bị lật đổ là sự thất bại lịch sử có tính chất toàn thể giới của giới nữ. Ngay cả ở trong nhà, người đàn ông cũng nắm lấy quyền cai quản, còn người đàn bà thì bị hạ cấp, bị nô dịch, bị biến thành nô lệ cho sự dâm dăng của đàn ông, thành một công cụ sinh đẻ đơn thuần” [39; tr. 93]. Như vậy, người đàn bà thời kì này từ vị trí chủ chốt trong gia đình nay trở thành một loại công cụ biết nói, biết tái sản xuất ra sức lao động, con người trong gia đình.

Cùng với sự sụp đổ của chế độ mẫu quyền thì đồng thời là sự xuất hiện của chế độ phụ quyền với hình thức gia đình gia trưởng. Cùng với sự biến đổi các yếu tố kinh tế cụ thể là các quan hệ sở hữu và sự chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp trồng trọt sang chăn nuôi trồng trọt, vị thế người đàn ông trong gia đình ngày càng vững chắc và mang tính gia trưởng hơn, đàn ông có thêm cái quyền áp bức đàn bà và nô lệ. Nếu như ở giai đoạn thấp của thời đại dã man, nô lệ chưa có giá trị, vì thế mà người Indian châu Mỹ đối xử với kẻ bại trận khác hẳn so với các dân ở giai đoạn cao hơn. Đàn ông bị giết hoặc được nhận làm anh em trong bộ lạc thắng trận; phụ nữ được lấy làm vợ, hoặc được

thu nhận theo cách khác, cùng với con cái của họ. Ở giai đoạn đó, sức lao động của con người chưa tạo ra được một lượng dư thừa đáng kể, so với các chi phí để duy trì sức lao động ấy. Đến khi con người biết chăn nuôi, làm đồ kim loại, dệt, và cuối cùng là trồng trọt, thì không còn như vậy nữa. Hệt như những người vợ: trước kia thật dễ kiếm, mà giờ lại là món hàng, có giá trị trao đổi, và phải đi mua; sức lao động cũng thế, đặc biệt là từ khi các bầy gia súc hoàn toàn trở thành sở hữu của gia đình. Gia đình sinh sôi không nhanh như gia súc. Cần nhiều người hơn để chăm sóc chúng, có thể dùng tù binh vào việc đó, mà tù binh cũng có thể sinh sôi dễ dàng như gia súc vậy. Vì thế mà thời kì này chế độ nô lệ đã được phát minh.

Như vậy, chính yếu tố kinh tế đã làm tăng sự mất bình đẳng trong thời đại văn minh. Sự xuất hiện gia đình gia trưởng điển hình là gia đình La Mã đánh dấu bước chuyển từ gia đình cặp đôi sang gia đình một vợ một chồng. Nét chính của gia đình gia trưởng là thu nhận nô lệ và quyền lực gia trưởng mà thôi. Trong gia đình gia trưởng, người chồng có quyền lực tuyệt đối đối với người vợ con và nô lệ, nếu có giết họ thì đó cũng chỉ là hình thức thực hiện quyền lực của mình mà thôi. Bởi họ có quyền sát sinh đối với tất cả người đó.

Gia đình gia trưởng là loại gia đình gồm nhiều thế hệ con cháu cùng một người cha và tất cả vợ con của họ, sống chung trong một nhà, cùng canh tác ruộng đất, ăn và mặc dựa vào những dự trữ chung phần sản phẩm thừa ra của họ và người chủ nhà có quyền quản lý tối cao trong cộng đồng, chủ nhà là người đại diện đối ngoại cho cộng đồng, có quyền bán các đồ vật có giá trị, quản lý tài chính và chịu trách nhiệm về cộng đồng cùng như toàn bộ công việc làm ăn sao cho tốt; Còn tất cả phụ nữ và các công việc của phụ nữ đặt dưới quyền của bà chủ nhà, bà có quyền quyết định việc lựa chọn chồng cho các cô thiếu nữ trong cộng đồng, nhưng quyền tối cao thuộc về hội đồng gia

đình và hội nghị tất cả các thành viên, trong đó có cả nam lẫn nữ.

Tuy nhiên khi giải thích nguyên nhân sự xuất hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng, Ph. Ăngghen đồng ý với quan điểm của Băchôphen cho rằng bước chuyển sang chế độ hôn nhân một vợ - một chồng đã được thực hiện chủ yếu là nhờ phụ nữ chứ không phải là ý muốn của người đàn ông, vì ngay cả hiện nay người đàn ông vẫn không muốn từ bỏ cái thú quần hôn.

“Các điều kiện sinh hoạt kinh tế ngày càng phát triển, do đó phá hủy chế độ cộng sản cổ xưa và mật độ dân số ngày càng tăng, thì những quan hệ tình dục cổ truyền mất tính chất ngây thơ nguyên thủy của nó và càng tỏ ra là nhục nhã và nặng nề đối với người đàn bà, nên họ mong muốn, ngày càng nồng nhiệt, đạt được quyền được giữ trinh tiết, kết hôn nhất thời hay lâu dài với chỉ một người đàn ông, coi đó là được giải phóng. Bước tiến đó không thể nào do người đàn ông mà có cả, chỉ vì cho đến tận ngày nay, đàn ông không bao giờ có ý muốn từ bỏ cái thú chế độ quần hôn thật sự cả, đó là chưa kể những lý do khác. Chỉ sau khi phụ nữ đã gây ra bước chuyển sang chế độ hôn nhân cặp đôi, thì đàn ông mới có thể thực hành một cách chặt chẽ chế độ hôn nhân một vợ một chồng - cố nhiên là chỉ đối với phụ nữ” [39; tr. 87-88]. Như vậy, để gia đình cặp đôi biến đổi thành gia đình một vợ - một chồng thì cần phải có những điều kiện kinh tế xã hội. Và sự phát triển của gia đình cặp đôi thành gia đình một vợ - một chồng chính là sự thay thế chế độ mẫu quyền thành chế độ phụ quyền - một cuộc cách mạng triệt để nhất mà nhân loại đã trải qua.

Ph.Ăngghen đã chỉ rõ vai trò của hôn nhân cặp đôi: đây là hình thức hôn nhân lỏng lẻo nhưng là tiền đề để phủ định chế độ quần hôn, nó không đủ sức bởi nền kinh tế của thời đại mông muội chỉ thừa nhận vai trò độc tôn của người mẹ. Đây là hình thức gia đình để tiến tới một gia đình chỉ còn một người đàn ông và một người đàn bà. Đến đây, đào thải tự nhiên đã hoàn thành, vấn đề còn lại là ở động lực xã hội để tạo ra một gia đình mới chặt chẽ hơn.

### **- Thời đại văn minh với loại hình gia đình một vợ một chồng**

Hình thức gia đình này xuất hiện từ gia đình cặp đôi vào lúc giao thời giữa giai đoạn giữa và giai đoạn cao của thời đại dã man. Sự thắng thế của chế độ hôn nhân một vợ - một chồng là một trong những dấu hiệu khởi đầu của thời đại văn minh.

Sự xuất hiện sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đối với sở hữu công cộng nguyên thủy chính là nguyên nhân xuất hiện hình thức gia đình một vợ - một chồng, hay còn gọi là chế độ hôn nhân cá thể.

Nếu như các hình thức gia đình đã nêu ở trên đều xuất hiện từ những điều kiện tự nhiên thì hình thức gia đình này được xuất hiện dựa trên những điều kiện kinh tế. Gia đình một vợ một chồng được hình thành chủ yếu do sự phát triển của lực lượng sản xuất làm nảy sinh chế độ tư hữu và khi ấy gia đình trở thành những đơn vị kinh tế của xã hội. Như vậy sự xuất hiện gia đình một vợ - một chồng là kết quả của sự thắng lợi của chế độ tư hữu: “Chế độ một vợ một chồng là hình thức gia đình đầu tiên không dựa trên những điều kiện tự nhiên, mà dựa trên những điều kiện kinh tế-tức là thắng lợi của sở hữu tư nhân đối với sở hữu công cộng nguyên thủy và tự phát” [39; tr. 103-104].

Khi xã hội ngày càng phát triển thì sự liên kết giữa vợ chồng ngày càng chặt chẽ hơn, hai bên không còn có thể tùy ý li dị. Hiện nay, theo lệ thường chỉ chồng mới có thể chấm dứt hôn nhân và bỏ vợ, và lại anh ta vẫn có quyền ngoại tình, xã hội càng phát triển thì anh ra lại càng thực hiện quyền đó, còn nếu người vợ nhớ tới hình thức sinh hoạt tính giao cổ xưa và muốn khôi phục nó thì cô ta sẽ bị trừng trị tàn khốc hơn bất kì thời nào trước đó. Gia đình một vợ một chồng dựa trên quyền thống trị của người chồng nhằm chủ đích con cái sinh ra phải có cha đẻ rõ ràng và sự rõ ràng ấy về dòng dõi là cần thiết, vì sự thừa kế tài sản trực tiếp do cha để lại cho những đứa con sau này.

“Gia đình dựa trên quyền thống trị của người chồng, nhằm chủ đích là

làm cho con cái sinh ra phải có cha đẻ rõ ràng không ai tranh cãi được, và rõ ràng về dòng dõi đó là cần thiết, vì những đứa con sau này được thừa hưởng tài sản của cha với tư cách là những người kế thừa trực tiếp. Gia đình một vợ một chồng khác với gia đình cặp đôi ở chỗ là quan hệ vợ chồng chặt chẽ hơn nhiều, hai bên không còn có thể tùy ý ly dị nhau được” [39; tr. 99].

Tuy vậy, gia đình nói là một vợ một chồng nhưng nó chỉ có ý nghĩa ý đối với người đàn bà chứ không áp dụng với người đàn ông. Chính ngay điều này ta đã thấy sự bất bình đẳng giới trong đó, là một hình thức thể hiện sự áp bức của người đàn ông đối với người đàn bà, của giới này đối với giới kia, là hình thức tuyên bố sự xung đột giữa hai giới và nó được che đậy dưới một cái vỏ bọc kín đáo, được ngụy biện bởi quyền lực gia trưởng của người đàn ông trong gia đình. Điều này cũng dễ hiểu khi hôn nhân nó không xuất phát từ tình yêu nam nữ, hệt như trước hôn nhân vẫn mang tính vụ lợi. Theo C. Mác và Ph. Ăngghen thì trong xã hội có giai cấp là hôn nhân có tính toán, vì nó dựa trên quan hệ giai cấp giữa đôi bên.

Gia đình một vợ một chồng ngay trong bản thân nó đã thấy những xung đột ngay chính giữa hai giới với nhau và sự xung đột này chưa từng thấy trong suốt thời kì tiền sử. C. Mác và Ph. Ăngghen viết năm 1846:

“Sự phân công lao động đầu tiên là sự phân công giữa đàn ông và đàn bà trong việc sinh con đẻ cái” và Ph. Ăngghen nói thêm “Sự đối lập giai cấp đầu tiên xuất hiện trong lịch sử là trùng với sự phát triển của sự đối kháng giữa chồng và vợ trong hôn nhân cá thể, và sự áp bức giai cấp đầu tiên là trùng với sự nô dịch của đàn ông đối với đàn bà” [39; tr. 104-105].

Như vậy sự xuất hiện gia đình cá thể chính nó đã biểu lộ rõ ràng mâu thuẫn giữa hai giới, kết quả của sự thống trị độc nhất của người chồng là một hình ảnh thu nhỏ của những mặt đối lập và mâu thuẫn mà trong đó mâu thuẫn không thể giải quyết được. Sự xuất hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng

là một bước tiến của lịch sử nhưng đồng thời cũng là một bước lùi, bên cạnh sự xuất hiện chế độ nô lệ kéo dài và sở hữu tài sản tư nhân thì đồng thời trong đó phúc lợi và sự phát triển của người này được thực hiện trên sự đau khổ và bị chèn ép của người khác. Với tư cách là người bạn đường tất yếu của lao động làm thuê, nghề mại dâm chuyên nghiệp của những phụ nữ tự do cũng xuất hiện bên cạnh nữ nô lệ buộc phải hiến thân cho nam giới.

Những gì mà nền văn minh để lại có tính chất hai mặt, tự mâu thuẫn và đối kháng nhau, một mặt chế độ một vợ một chồng, mặt khác lại là chế độ Hêtaia (quan hệ tình dục ngoài quan hệ vợ chồng) với hình thức cực đoan của nó là nạn mại dâm công khai. Ngoài ra một mâu thuẫn khác cũng nảy sinh ngay trong chế độ một vợ một chồng, bên cạnh người chồng lấy chế độ Hêtaia để làm phong phú thêm cho cuộc sống của mình lại có những người vợ bị bỏ rơi, làm cho tệ ngoại tình trở thành một hiện tượng xã hội không thể xóa bỏ được không chỉ đối với người đàn ông mà ngay chính người đàn bà. Dẫn đến việc xác định người cha đích thực cho đứa con vẫn như trước kia, nhiều lắm cũng chỉ dựa trên niềm tin đạo đức. Hôn nhân một vợ một chồng không phải lúc nào và ở đâu cũng mang cái hình thức cổ điển hà khắc như kiểu Hi Lạp.

Với người La Mã - sau này trở thành kẻ thống trị thế giới, nên có tầm nhìn rộng hơn (nhưng không sâu bằng) người Hi Lạp - thì phụ nữ tự do hơn và được kính trọng hơn. Đàn ông La Mã tin rằng quyền sinh sát của mình đối với vợ là đủ để đảm bảo sự chung thủy của họ. Hơn nữa, ở La Mã, người vợ cũng bình đẳng với chồng khi muốn hủy bỏ hôn nhân.

Tuy nhiên những mâu thuẫn trong chế độ hôn nhân một vợ một chồng vẫn không thể xóa bỏ được trong xã hội có giai cấp tất yếu sẽ dẫn đến sự xuất hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng mới thay thế chế độ hôn nhân trước đó. Để làm cơ sở vững chắc cho hôn nhân sau này, Ph. Ăngghen khẳng định chỉ có trong giai cấp vô sản thì tình yêu nam nữ mới trở thành một quy tắc mà

trong đó hôn nhân dựa trên sự tự nguyện của cả hai bên. Không còn có cơ sở của sự áp bức và phương tiện thực hiện sự thống trị trong gia đình.

Như vậy, chế độ hôn nhân một vợ - một chồng xuất hiện do hoàn cảnh lịch sử tác động vào đời sống gia đình. Sự thống trị độc nhất của người chồng là hình ảnh thu nhỏ những mặt đối lập và mâu thuẫn mà trong đó từ đầu thời đại văn minh xã hội chia thành giai cấp vẫn vận động nhưng không thể giải quyết và khắc phục được tất cả những đặc trưng tính chất của chế độ một vợ một chồng, sự bất bình đẳng vợ chồng, vai trò của người phụ nữ bị mờ nhạt, vị thế thấp kém của người phụ nữ trong gia đình. Tình yêu hôn nhân - lĩnh vực tình cảm sâu kín, thiêng liêng của con người bị chà đạp. Các vấn đề xã hội hết sức bức xúc như tệ mại dâm, nạn ngoại tình xuất hiện ngày càng nhiều, làm băng hoại đạo đức xã hội.

Bằng phương pháp duy vật lịch sử, duy vật biện chứng Ph. Ăngghen đã bám sát từng giai đoạn lịch sử để phân chia các giai đoạn hình thành phát triển của hình thức gia đình vì điều kiện kinh tế - xã hội chi phối tác động đến sự thay đổi của gia đình. Ph. Ăngghen kết luận “Như vậy, có ba hình thức hôn nhân chính, tương ứng về đại thể với ba giai đoạn phát triển chính của nhân loại. Ở thời đại mông muội có chế độ quần hôn, ở thời đại dã man có chế độ cặp đôi, ở thời đại văn minh có chế độ một vợ một chồng được bổ sung bằng tệ ngoại tình và nạn mại dâm. Ở giai đoạn cao của thời đại dã man thì giữa chế độ hôn nhân cặp đôi và chế độ một vợ một chồng có xen kẽ sự thống trị của đàn ông đối với những nô lệ và chế độ nhiều vợ” [39; tr. 115].

Qua tác phẩm này Ph. Ăngghen đã nghiên cứu, phân tích các giai đoạn hình thành phát triển của gia đình, chỉ ra nguyên nhân tồn tại và đặc trưng của từng loại hình gia đình đó, đặc biệt ông đi sâu vào phân tích chế độ gia đình một vợ một chồng, từ đó đưa ra quan điểm để phê phán triệt để quan hệ trong gia đình tư sản và đồng thời Ph. Ăngghen nêu lên quan điểm về hôn nhân, gia

đình dưới chủ nghĩa tư bản và trong xã hội tương lai.

**\* Quan điểm của Ph. Ăngghen về hôn nhân, gia đình dưới chủ nghĩa tư bản và trong xã hội tương lai.**

Nghiên cứu sự phát triển các hình thức gia đình trong lịch sử, Ph. Ăngghen còn chỉ ra bản chất xã hội của hôn nhân và gia đình dưới chủ nghĩa tư bản là hôn nhân có tính giai cấp, hôn nhân có tính toán, theo sự sắp xếp của cha mẹ chứ không dựa trên cơ sở của tình yêu nam nữ hay sự tự nguyện của cả hai bên.

Với cơ sở để thiết lập hôn nhân như vậy, gia đình tư sản phải đương đầu với nhiều mâu thuẫn, dẫn tới nhiều kết cục ngoài ý muốn, đó là tệ mại dâm và nạn ngoại tình không chỉ đối với người đàn ông mà ngay chính đàn bà cũng xuất hiện tình trạng ngoại tình.

Từ môi trường tư sản, Ph. Ăngghen chỉ ra hôn nhân được tiến hành theo hai cách. Ở các nước theo Thiên chúa giáo, hôn nhân vẫn theo lối áp đặt nghĩa là cha mẹ tìm cho đứa con trai tư sản của mình một người vợ thích hợp và hậu quả tự nhiên tiềm ẩn là đàn ông thịnh hành tạp hôn, đàn bà thịnh hành tệ ngoại tình. Nhà thờ Thiên chúa giáo cấm li hôn vì không có cách gì trị được ngoại tình. Mặt khác, trong các nước theo đạo Tin lành, con trai của nhà tư sản ít nhiều tự do lựa chọn vợ trong cùng giai cấp của mình thì chế độ Hêtaia của người chồng lạng lẽ hơn, tệ ngoại tình của vợ cũng ít thành lệ hơn nhưng nó cũng dẫn đến cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt trong cái vỏ bọc gọi là “*gia đình hạnh phúc*”. Ph. Ăngghen khẳng định “Trong cả hai trường hợp này, hôn nhân đều dựa trên địa vị giai cấp của đôi bên, hôn nhân luôn luôn là hôn nhân có tính toán và hôn nhân đó thường biến thành sự mại dâm ty tiện nhất, có khi là của cả đôi bên, nhưng thông thường nhất là về phía người vợ, người đàn bà khác với gái đĩ thường thì chỉ vì người đó không bán thể xác mình từng thời gian một như người công nhân làm thuê bán lao động của mình mà là bán mãi



mãi, như một nữ nô lệ” [39; tr. 110].

Trong xã hội tư sản, hôn nhân không dựa trên tình yêu, theo C. Mác và Ph. Ăngghen, hôn nhân tư sản dựa trên lý do kinh tế nên nó là một giao kèo có tính chất pháp lí. Người phụ nữ trong gia đình không có quyền quyết định một điều gì. Đồng thời, ông khẳng định chỉ có trong gia đình vô sản, thì tình yêu nam nữ mới thực sự trở thành một quy tắc của hôn nhân, không còn có cơ sở của sự áp bức và phương tiện thực hiện sự thống trị trong gia đình. Ph.Ăngghen đã đặc biệt chú ý đến phân tích vai trò của người phụ nữ, địa vị của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Ông chỉ ra rằng: xã hội càng văn minh địa vị của người phụ nữ càng giảm.

Với những mặt trái của gia đình tư sản, Ph. Ăngghen nhấn mạnh cần phải xóa bỏ gia đình tư sản và muốn xóa bỏ gia đình tư sản dưới chủ nghĩa tư bản, muốn giải phóng phụ nữ đem lại quyền bình đẳng nam - nữ, quyền tự do kết hôn dựa trên tình yêu phải xóa bỏ nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và các quan hệ tài sản do nền sản xuất ấy tạo ra; Gạt bỏ tất cả những lý do kinh tế ra khỏi quan hệ hôn nhân và xây dựng xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa, xã hội không còn áp bức, bóc lột, bất công. Để làm được điều đó, Ph. Ăngghen khẳng định phải làm một cuộc cách mạng, một mặt giải quyết vấn đề kinh tế, xã hội, mặt khác giải quyết vấn đề mâu thuẫn trong gia đình, xu hướng phát triển của hình thức văn minh mới một vợ - một chồng và xu hướng bình đẳng nam nữ là tất yếu của cuộc cách mạng xã hội.

Theo Ph. Ăngghen, điều cần thiết xóa bỏ chế độ tư hữu thực hiện chế độ công hữu hoá các tư liệu sản xuất và sự phát triển của nền đại công nghiệp sẽ tạo điều kiện giải phóng người phụ nữ, xây dựng quan hệ gia đình bình đẳng hoà thuận. Thật vậy, chỉ có nền công nghiệp hiện đại, là nền công nghiệp không những thu nhận lao động của phụ nữ trên quy mô lớn mà còn trực tiếp đòi hỏi phải có lao động nữ và ngày càng có xu hướng biến lao động tư nhân

của gia đình thành lao động ngành công nghiệp công cộng. Từ khi xuất hiện đại công nghiệp, đã giật được người đàn bà ra khỏi nhà, đem họ ra thị trường lao động và vào công xưởng, thường biến họ thành người nuôi dưỡng của gia đình, thì trong gia đình người vô sản, những tàn tích cuối cùng của quyền thống trị của người đàn ông đã mất đi mọi cơ sở chi trả cái thói thô bạo đối với vợ là thói đã trở thành tập quán từ khi có chế độ một vợ một chồng. Vì vậy gia đình người vô sản không còn mang tính chất gia đình một vợ một chồng như trước và theo nghĩa chặt chẽ của từ đó nữa.

Với Ph. Ăngghen chỉ có hôn nhân của người vô sản mới dựa trên cơ sở của tình yêu đôi lứa, và *“hôn nhân của người vô sản là hôn nhân một vợ một chồng theo nghĩa nguyên, chứ tuyệt nhiên không phải theo nghĩa lịch sử của danh từ đó”* [39; tr. 113-114]. Hôn nhân của người vô sản do đó tiêu biểu cho chế độ hôn nhân một vợ một chồng mới thay thế cho chế độ một vợ một chồng đã tồn tại trước đó. Tuy nhiên với Ph. Ăngghen chỉ có đại công nghiệp ngày nay là mở cửa cho họ và chỉ có phụ nữ vô sản mới được giải phóng. Trong gia đình hiện đại, đôi bên có quyền bình đẳng trước pháp luật. *“Lúc đó điều kiện tiên quyết để giải phóng phụ nữ là làm cho toàn bộ nữ giới trở lại tham gia nền sản xuất xã hội, và điều kiện đó đòi hỏi làm cho gia đình cá thể không còn là một đơn vị kinh tế của xã hội nữa”* [39; tr. 116].

Hiện nay chúng ta đang tiến tới một cuộc cách mạng xã hội, không phải là lật đổ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất nói chung mà là lật đổ chế độ tư hữu tư sản, tiến tới xây dựng xã hội tương lai: chủ nghĩa cộng sản. *“Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản”* [38; tr. 615]. Bởi vì chế độ sở hữu tư sản là hình thức sở hữu cuối cùng dựa trên sự bóc lột và đối kháng giai cấp. Bên cạnh đó Ph.Ăngghen còn nhấn mạnh phải xóa bỏ gia đình tư sản, nhưng không có nghĩa là gia đình bị xóa bỏ hoàn toàn mà chỉ là hình thức gia đình tư sản cùng với cái

bổ sung của nó là nạn mại dâm bị xóa bỏ mà thôi. “*Gia đình tư sản dĩ nhiên sẽ bị tiêu tan cùng với cái vật bổ sung của nó, và cả hai cái đó đều mất đi cùng với sự tan biến của tư bản*” [38; tr. 620]. C. Mác và Ăngghen còn khẳng định: Chủ nghĩa cộng sản chẳng những không chủ trương cộng thể mà còn làm cho chế độ cộng thể, tức nạn mại dâm gắn liền với chế độ tư hữu biến mất.

“Hôn nhân của giai cấp tư sản là một chế độ cộng thể, nhưng với sự xóa bỏ những quan hệ sản xuất hiện tại thì dĩ nhiên là chế độ cộng thể do những quan hệ sản xuất ấy đẻ ra, tức là chế độ mại dâm chính thức và không chính thức sẽ biến mất” [38; tr. 623].

Như vậy, nếu trong chế độ tư hữu, chế độ một vợ một chồng không được thực hiện triệt để, chỉ về phía người vợ, còn người chồng thì có nhiều vợ hoặc công khai, hoặc bí mật, thì trong xã hội tương lai cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ không hề làm trở ngại chút nào cho chế độ nhiều vợ công khai hay bí mật của người chồng. Và với ông, khi chủ nghĩa tư bản bị xóa bỏ, chẳng những chế độ một vợ một chồng không mất đi mà thay vào đó là nó được củng cố một cách vững chắc trong chế độ cộng sản tương lai và chỉ có bắt đầu từ đó, chế độ một vợ một chồng mới được thực hiện trọn vẹn.

Trong xã hội cộng sản tương lai ấy kết hôn vì tình yêu là quyền của con người. Hôn nhân một vợ một chồng dựa trên cơ sở của tình yêu nó khác với tình dục (tình dục chỉ là sự thu hút về thể xác). Ph. Ăngghen lập luận để chứng minh rằng: hôn nhân chân chính là hôn nhân một vợ một chồng bằng lí lẽ như sau: “Hôn nhân chân chính là hôn nhân dựa trên cơ sở của tình yêu, chứ không phải bạo lực hay kinh tế. Nhưng tình yêu có đặc điểm là tính không thể chia sẻ như vậy hôn nhân dựa trên tình yêu là hôn nhân một vợ một chồng” [39; tr. 127].

Trong xã hội tương lai, đảm bảo cho con người quyền tự do kết hôn và tự do li hôn trên cơ sở bình đẳng giữa người đàn ông và người đàn bà, đây là bước

tiền rõ rệt trong thời hiện đại. Theo Ph. Ăngghen “*Khi hôn nhân không còn tình yêu thì li hôn cũng là điều hợp lí và có lợi cho cả đôi bên*” [39; tr. 128].

Với Ăngghen, xã hội cộng sản tương lai mà ông nói tới dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, xóa bỏ sự thống trị giai cấp thì đồng thời nhà nước tư sản cũng tiêu vong vì Nhà nước ra đời là một tất yếu do sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng và khi sự tồn tại của những giai cấp không còn là tất yếu nữa thì Nhà nước sẽ tiêu vong.

“Bây giờ, chúng ta đang bước nhanh đến gần một giai đoạn phát triển sản xuất, trong đó sự tồn tại của giai cấp nói trên không những không còn là một tất yếu nữa, mà còn trở thành một trở ngại trực tiếp cho sản xuất. Những giai cấp đó sẽ không tránh khỏi biến mất, cũng như xưa kia, chúng đã không tránh khỏi xuất hiện. Giai cấp tiêu vong thì nhà nước cũng không tránh khỏi tiêu vong theo” [39; tr. 257-258].

Gia đình trong xã hội tương lai, địa vị của đàn ông thay đổi sâu sắc, nhưng địa vị đàn bà, của tất cả đàn bà cũng có một sự thay quan trọng. Quan hệ trong gia đình thay đổi, việc sở hữu của cải cũng thay đổi. Khi cuộc cách mạng xã hội diễn ra, tư liệu sản xuất trở thành tài sản chung, thì gia đình cá thể sẽ không còn là đơn vị kinh tế của xã hội nữa. Hình thức sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất được hình thành-có lẽ điều Ph. Ăngghen muốn nói là tồn tại trong giai đoạn cao của xã hội xã hội chủ nghĩa đó là xã hội cộng sản chủ nghĩa - khi thật sự kinh tế gia đình tư nhân không còn nữa. Cho đến ngày nay, khi các nước xã hội chủ nghĩa đang trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội (ở Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội) thì việc tồn tại các thành phần kinh tế tư nhân vẫn được duy trì. Nhưng có mối quan hệ giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước nhằm phát triển xã hội chứ không thực sự tách bạch dưới chủ nghĩa tư bản. Chế độ gia đình một vợ - một chồng trong xã hội tương lai và một bước tiến nhất định đến gần sự hoàn toàn bình

đẳng về quyền lợi giữa nam và nữ.

Trên cơ sở phê phán vạch trần bản chất của hôn nhân, gia đình dưới chủ nghĩa tư bản, Ph.Ăngghen đã đưa ra những quan điểm của mình về gia đình trong xã hội tương lai, mối quan hệ biện chứng giữa gia đình và xã hội, những quan điểm đó còn nguyên giá trị đến ngày nay.

### **1.3. Ý NGHĨA KHOA HỌC CỦA TÁC PHẨM**

Tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước” ra đời có ý nghĩa sâu sắc không chỉ đối với phong trào cộng sản quốc tế khi đó mà còn nguyên giá trị cho tới ngày nay.

Trong tác phẩm Ph. Ăngghen đã phân tích một cách khoa học lịch sử loài người ở những giai đoạn sớm nhất của nó, làm sáng tỏ quá trình tan rã của chế độ Công xã nguyên thủy và hình thành xã hội có giai cấp dựa trên chế độ tư hữu, vạch ra những đặc điểm chung của xã hội tư hữu, giải thích nguồn gốc và sự phát triển của những quan hệ gia đình qua các hình thái kinh tế-xã hội khác nhau. Vạch rõ bản chất và nguồn gốc của nhà nước, chứng minh tính tất yếu lịch sử của sự mất đi của nhà nước khi xã hội cộng sản không có giai cấp thắng lợi hoàn toàn.

Trong tác phẩm, Ph. Ăngghen cho thấy logic phát triển của quan hệ hôn nhân và gia đình từ chế độ Công xã nguyên thủy đến thời đại văn minh, từ chế độ quần hôn đến chế độ một vợ một chồng, từ chế độ mẫu quyền đến chế độ phụ quyền; Đồng thời tác phẩm chỉ ra xu hướng phát triển tất yếu của gia đình trong xã hội tương lai với hình thức hôn nhân một vợ một chồng theo đúng nguyên nghĩa của nó, trong đó tình yêu là cơ sở vững chắc của hôn nhân và không bị các quan hệ kinh tế chi phối, nam nữ bình quyền và quyền phụ nữ được đề cao.

Trong tác phẩm cũng chỉ ra mối quan hệ giữa chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước; Chế độ tư hữu là cơ sở ra đời của sự phân chia xã hội thành giai

cấp đối kháng nhau. Mặt khác Ph. Ăngghen còn dự báo về nhà nước tiêu vong khi cơ sở kinh tế và giai cấp của nhà nước không còn nữa thì nhà nước tiêu vong là một tất yếu của lịch sử, Tất yếu sẽ được thay thế bởi một tổ chức xã hội mới dựa trên sự liên hợp bình đẳng giữa các cá nhân. Những nguyên lý chủ nghĩa xã hội khoa học mà Ph. Ăngghen trình bày trong tác phẩm giúp cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động có niềm tin khoa học vào sự nghiệp cách mạng xoá bỏ ách áp bức, nô dịch của chủ nghĩa tư bản, xây dựng chế độ xã hội mới, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc hơn.

Sự tồn tại và phát triển của xã hội được phản ánh vào sự tồn tại và phát triển của gia đình. Gia đình chính là hình ảnh thu nhỏ của xã hội nên nó có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Cùng với sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế xã hội, đồng thời kéo theo sự thay thế của các hình thức hôn nhân và gia đình ngày càng tiến bộ hơn. Gia đình trở thành hạt nhân, tế bào lành mạnh của xã hội. Mặt khác tác phẩm còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc hình thành nhận thức về hôn nhân và gia đình trong giai đoạn lúc bấy giờ. Bởi trong thời kì bấy giờ, còn tồn tại nhiều cách hiểu sai trái, lệch lạc về hôn nhân và gia đình. Tác phẩm ra đời đã chống lại những kẻ cơ hội nhằm lợi dụng sơ hở này để chống lại và xuyên tạc chủ nghĩa Mác, Ph. Ăngghen bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác lên tầm cao mới. Đồng thời định hướng cho con người những nhận thức đúng đắn về tình yêu, hôn nhân và gia đình dưới chủ nghĩa tư bản và trong xã hội tương lai với sự thịnh hành của nền đại công nghiệp.

Tác phẩm góp phần rất lớn vào việc giúp cho các nhà xã hội học, sử học, những người nghiên cứu về hôn nhân và gia đình có những tư liệu quý giá về các giai đoạn phát triển của con người, gia đình và xã hội, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu các vấn đề tình yêu, hôn nhân, gia đình một cách khoa học, sâu sắc.

Tác phẩm khẳng định vai trò to lớn của người phụ nữ qua mỗi giai đoạn

phát triển của xã hội và thể hiện rõ tư tưởng về giải phóng phụ nữ, đấu tranh vì sự bình đẳng giới trong gia đình cũng như ngoài xã hội, vấn đề mà cho đến ngày nay vẫn đang được toàn xã hội quan tâm và thực hiện.

Những quan điểm của Ph. Ăngghen về tình yêu, hôn nhân, gia đình còn có ý nghĩa quan trọng đối với nước ta hiện nay. Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng những quan điểm đó trong việc hoạch định đường lối chính sách về hôn nhân gia đình, thực hiện quyền bình đẳng nam nữ, tôn trọng và bảo vệ người phụ nữ. Luật pháp Việt Nam đảm bảo quyền tự do kết hôn và tự do li hôn của công dân, khi li hôn sẽ đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho người phụ nữ.

### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 1**

Nhận thức được tầm quan trọng của gia đình trong sự phát triển bền vững của xã hội. Ngay từ thế kỉ XVIII đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này với những nhà tiên bói như Bắchôphen, J.F. Mắclenna, C. Mắc và Ph.Ăngghen. Với những công trình nghiên cứu của mình, các nhà khoa học đã để lại những giá trị có ý nghĩa mang tính thời đại lớn.

Kế thừa những tư tưởng của các nhà tiên bói, Ph. Ăngghen cho ra đời tác phẩm *“Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”* nhằm khắc phục những quan điểm còn lệch lạc trên cơ sở phân phán, đồng thời tiếp thu và phát triển những tư tưởng tiên bộ của các nhà tiên bói, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mắc theo hướng duy vật triệt để.

Trong tác phẩm *“Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”*, Ph. Ăngghen đặc biệt chú ý tới nguồn gốc gia đình, sự thay thế lẫn nhau của các hình thức gia đình trong lịch sử. Đặc biệt Ph. Ăngghen đã phê phán sâu sắc hình thức gia đình dưới chủ nghĩa tư bản, dự báo về hôn nhân gia đình trong xã hội tương lai - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Trong xã hội có giai cấp đối kháng thì tình yêu chỉ mang tính vụ lợi - lợi ích kinh tế chi phối, chính vì vậy mà ngay trong chính gia đình tồn tại những

hiện tượng phổ biến như ngoại tình, nạn mại dâm, làm cho cuộc sống gia đình thêm tẻ nhạt trong cái vỏ bọc hạnh phúc. Ph. Ăngghen cũng đã đi tới khẳng định chỉ có hôn nhân trong gia đình vô sản mới có sự tồn tại của tình yêu chân chính.

Ông phê phán mạnh mẽ xã hội có giai cấp đối kháng, ở đó cái quyền phụ nữ bị chà đạp, bị biến thành nô lệ cho nam giới trong gia đình. Trong nhà cũng như ngoài xã hội, người phụ nữ không được giải phóng khỏi những khuôn phép mà chế độ đó tạo ra. Sự mất bình quyền ngày càng cao, dẫn đến mâu thuẫn và đối kháng không thể giải quyết được. Tất yếu phải tiến hành một cuộc cách mạng xã hội, giải phóng nữ quyền và phụ nữ chỉ có thể được giải phóng khi xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, gạt bỏ lý do kinh tế ra khỏi hôn nhân. Nhưng để giải phóng phụ nữ ngoài điều kiện chế độ công hữu, còn phải có nền công nghiệp hiện đại nữa, vì trong công nghiệp phụ nữ mới có điều kiện lao động bình đẳng với nam giới và dịch vụ do công nghiệp tạo ra sẽ giải phóng phụ nữ khỏi công việc nội trợ. Tuy nhiên nếu nền kinh tế đạt đến nền kinh tế tri thức, khi mà lao động chủ yếu là trí tuệ, phụ nữ không chỉ là công nhân mà còn là doanh nhân, nhà khoa học, nhà chính trị, thậm chí còn làm thủ tướng, tổng thống nữa thì người phụ nữ hoàn toàn bình đẳng với nam giới về mọi mặt. Như vậy xã hội có đối kháng giai cấp cùng hoàn toàn bị lật đổ thay vào đó là một chế độ xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa tiến lên cộng sản chủ nghĩa, không còn có sự áp bức giai cấp, phụ nữ được giải phóng trong gia đình cũng như ngoài xã hội, quan hệ sở hữu tư bản chủ nghĩa không tồn tại, thay vào đó là quan hệ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, người phụ nữ được tham gia vào lao động sản xuất trong các công xưởng nên vì vậy mà quyền bình đẳng giới ngày càng được quan tâm và bảo vệ hơn. Với những cống hiến mà Ph. Ăngghen để lại, ông đã là một nhà thiên tài, và nó có ý nghĩa to lớn với công cuộc xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng gia đình văn hóa mới hiện nay ở nước ta.



**CHƯƠNG 2**

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CỦA PH. ĂNGGHEN**

**VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VỚI VIỆC XÂY DỰNG**

**GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY**

**2.1. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ VẤN ĐỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

Từ xưa đến nay, gia đình luôn là yếu tố quan trọng trong sự phát triển bền vững của xã hội, Ph. Ăngghen đã khẳng định *“Tổ chức của xã hội loài người - ở một thời đại lịch sử cụ thể và ở một quốc gia cụ thể - là do hai loại sản xuất đó qui định: một mặt là trình độ phát triển của lao động, mặt khác là trình độ phát triển của gia đình”* [39; tr. 44]. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định gia đình là tế bào của xã hội. Kế thừa tư tưởng của các nhà kinh điển, Đảng ta nhận thức sâu sắc về vai trò của gia đình đối với xã hội. Tại Đại hội XI, Đảng ta nhấn mạnh: *“Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội”*. Rõ ràng, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì trước hết từng “tế bào” phải phát triển bền vững. Gia đình không chỉ là “tế bào” tự nhiên mà còn là một đơn vị kinh tế của xã hội. Không có gia đình tái tạo ra con người để xây dựng xã hội thì xã hội cũng không thể tồn tại và phát triển được. Nhất là trong bối cảnh hiện nay, với mặt trái của nền kinh tế thị trường, nhiều giá trị mới được tiếp thu, nhưng nhiều giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam cũng đang dần mất đi. Trong gia đình xuất hiện những hạn chế mà Ph. Ăngghen đã từng nói đến trong xã hội có giai cấp đối kháng với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, tình trạng li hôn, bạo hành gia đình gia tăng; chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, hưởng thụ có xu hướng tăng lên... Những hạn chế này đang làm cho nhiều “tế bào” có nguy cơ rơi vào khủng hoảng, làm cho nền tảng xã hội thiếu vững chắc, kìm hãm sự phát triển của xã hội nói chung và gia đình nói riêng. Muốn có một “tế bào

lành mạnh”, đại hội Đảng lần thứ XI xác định cần thiết phải xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

Ph. Ăngghen đã nhận thức được vai trò của gia đình trong việc tái sản xuất ra sức lao động, điều này đã được Đảng và nhà nước ta tiếp thu cho đến bây giờ. Tuy nhiên, để xây dựng một gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc theo tinh thần của Đảng, cần có những định hướng, chiến lược, chính sách vững chắc. Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng những tư tưởng tiến bộ về một xã hội tương lai theo Ăngghen: xã hội bình đẳng, không còn có sự áp bức phụ nữ, người phụ nữ được tham gia vào hoạt động sản xuất để nuôi sống gia đình mình, quyền bình đẳng trong gia đình được đề cao. Đồng thời bám sát hiện thực xã hội lúc bấy giờ đề ra mục tiêu, phương hướng xây dựng gia đình văn hóa mới trong đó vai trò của người phụ nữ được đề cao.

### **2.1.1. Quan điểm của Đảng về gia đình**

Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với chiến lược coi con người là trung tâm của sự phát triển, từ đầu văn kiện Đại hội VI của Đảng và đến các kỳ đại hội tiếp theo khẳng định vai trò quan trọng của gia đình. Đại hội VI của Đảng khẳng định: “Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức tốt cuộc sống vật chất, văn hóa của gia đình” [12; tr. 429-430].

Trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định rõ: “Gia đình là tế

bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005 - 2010, nêu rõ: “gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của xã hội, sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Đến Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ XI cũng khẳng định: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, là chủ thể của sự phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước với quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp với phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình và nhà trường. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách” [16; tr. 76-77]. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc là một trong các mục tiêu quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, đồng thời cũng là trách nhiệm của mọi gia đình trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong văn kiện Đại hội VI của Đảng đã nêu cần xây dựng gia đình: no ấm, hòa thuận, tiến bộ. Đến đại hội VIII: “Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người. Phát huy người tốt, việc tốt, hình thành hệ giá trị chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại”. Tiếp đến đại hội XI của Đảng khẳng định cần xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

Ưu tiên, tạo mọi điều kiện để các gia đình khu vực nông thôn, miền núi, khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống.

### **2.1.2. Mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay**

Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Đảng đã đề ra mục tiêu chung là: Xây dựng gia đình Việt Nam

no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội.

Ngoài mục tiêu chung, Đảng đề ra các mục tiêu cụ thể thực hiện:

*Mục tiêu thứ nhất:* Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Đảng đã vạch ra các chỉ tiêu cụ thể:

Phần đầu đến năm 2015 đạt 90% và đến năm 2020 đạt 95% trở lên hộ gia đình được phổ biến, tuyên truyền và cam kết thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình.

Phần đầu đến năm 2015 đạt 90% và đến năm 2020 đạt 95% nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được trang bị kiến thức cơ bản về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình.

Hằng năm, trung bình giảm từ 10 - 15% hộ gia đình có bạo lực gia đình.

Hằng năm, trung bình giảm từ 10 - 15% hộ gia đình có người mắc tệ nạn xã hội.

Hằng năm, trung bình giảm 15% (khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn giảm 10%) hộ gia đình có người kết hôn dưới tuổi pháp luật quy định.

*Mục tiêu thứ hai:* Kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam; tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển; thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm của các thành viên trong gia đình, đặc biệt đối với trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai, nuôi con nhỏ.

Với các chỉ tiêu cụ thể:

Phần đầu đến năm 2015 đạt 80% trở lên (khu vực khó khăn và đặc biệt

khó khăn đạt 70% trở lên) và đến năm 2020 đạt 85% trở lên (khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 75% trở lên) hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Phần đầu đến năm 2015 đạt 85% và năm 2020 đạt 95% hộ gia đình dành thời gian chăm sóc, dạy bảo con, cháu, tạo điều kiện cho con, cháu phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, không phân biệt con, cháu là trai hay gái.

Phần đầu đến năm 2015 đạt 85% và năm 2020 đạt 95% hộ gia đình thực hiện chăm sóc, phụng dưỡng chu đáo ông, bà, chăm sóc cha, mẹ, phụ nữ có thai, nuôi con nhỏ.

Phần đầu đến năm 2015 đạt 95% và năm 2020 đạt từ 98% trở lên hộ gia đình có người trong độ tuổi sinh đẻ được tuyên truyền và thực hiện đúng chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, không phá thai vì giới tính của thai nhi.

*Mục tiêu thứ ba:* Nâng cao năng lực của gia đình trong phát triển kinh tế, ứng phó với thiên tai và khủng hoảng kinh tế; tạo việc làm, tăng thu nhập và phúc lợi, đặc biệt đối với các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo và cận nghèo theo quy định với các chỉ tiêu cụ thể như:

Phần đầu đến năm 2015 đạt 90% và đến năm 2020 đạt 95% trở lên hộ gia đình được cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật phúc lợi xã hội dành cho các gia đình chính sách, gia đình nghèo.

Phần đầu đến năm 2015 đạt 90% và đến năm 2020 đạt 95% trở lên hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo được cung cấp kiến thức, kỹ năng để phát triển kinh tế gia đình, ứng phó với thiên tai, khủng hoảng kinh tế.

Hằng năm, tăng 10% hộ gia đình, thành viên trong gia đình được thụ hưởng các dịch vụ y tế, văn hóa, giáo dục và dịch vụ hỗ trợ gia đình, hỗ trợ thành viên gia đình.

## **2.2. THỰC TRẠNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **2.2.1. Xu hướng biến đổi gia đình Việt Nam hiện nay**

Gia đình là một trong những thiết chế xã hội cơ bản nhất, có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình.

Cùng với quá trình đi lên của dân tộc, hòa vào dòng chảy chung của thế giới với cơ chế thị trường. Gia đình Việt gặp không ít khó khăn nhưng được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, với sự cố gắng của mỗi cá nhân trong cộng đồng Việt, gia đình Việt Nam ngày càng có những tiến bộ đáng kể. Sau 20 năm đất nước đổi mới toàn diện, gia đình Việt Nam có những bước quá độ từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại, đó là sự biến đổi về mặt cơ cấu, các quan hệ, chức năng gia đình và kể cả vai trò của người phụ nữ trong gia đình. Gia đình hiện đại vừa kết hợp duy trì các giá trị truyền thống tốt đẹp, vừa tiếp thu có chọn lọc các tinh hoa văn hóa của thế giới. Quy mô gia đình đã trở nên gọn hơn, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình dân chủ hơn, quan hệ vợ chồng ngày càng bình đẳng và được pháp luật bảo vệ. Trong gia đình vai trò của người chủ hộ được hoán đổi, người phụ nữ đóng vai trò trung tâm, người giữ lửa thực sự, người quán xuyến và quản lý có hiệu quả nhất đối với mọi vấn đề của gia đình. Như vậy, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, gia đình Việt đã biến đổi một cách nhanh chóng và toàn diện, ngày càng trở thành một thực thể hoàn thiện, năng động phù hợp với những điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều biến động.

#### **\* Biến đổi về quy mô, kết cấu gia đình**

Quy mô và kết cấu gia đình phản ánh nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội, dân số và kinh tế của một quốc gia, lãnh thổ. Quy mô hộ gia đình

lớn, từ 6 người trở lên biểu thị xã hội bị ảnh hưởng bởi xã hội truyền thống: những người có cùng huyết thống thích sống chung với nhau. Trong các hộ gia đình này thường có vài ba thế hệ con cái cùng chung sống, quy mô hộ gia đình lớn, còn có thể do số trẻ em của hộ nhiều. Điều này cho thấy dân số có tỷ lệ sinh cao. Quy mô hộ gia đình lớn thể hiện cộng đồng dân cư đa phần là nông nghiệp: dân số nông thôn thường có tỷ lệ sinh cao. Theo điều tra dân số học giữa kì năm 1994, quy mô hộ gia đình ở nước ta bình quân 4,8 người đồng nghĩa với tỉ lệ sinh cao, xã hội Việt Nam lúc đó còn mang nặng tính truyền thống và thuần nông. Tuy nhiên, sau 20 năm đổi mới đất nước, thì quy mô gia đình được thu hẹp lại. Năm 2007, bình quân một hộ gia đình chỉ còn 3,7 người. Kết quả tính toán cho thấy tỷ trọng các hộ từ 5 người trở lên trong vòng 13 năm (1994-2007) giảm rất nhanh: từ 52,3% năm 1994 xuống còn 45% năm 1999 và 34,1% năm 2007 (giảm 18,2 đơn vị, bình quân mỗi năm giảm trên 1 đơn vị). Với quy mô gia đình ngày càng giảm, tạo điều kiện thúc đẩy sự bình đẳng giới, giảm bớt những mâu thuẫn và xung đột phát sinh từ việc chung sống trong một gia đình nhiều thế hệ. Kiểu gia đình này tạo cho mỗi thành viên trong gia đình khoảng không gian tự do tương đối lớn để phát triển tự do cá nhân. Ở đó, tự do cá nhân được đề cao. Ngoài ra, tỉ lệ hộ độc thân tăng lên đáng kể, từ 3,8% năm 1994 lên 4,4% năm 1999 và 5,7% năm 2007. Theo số liệu điều tra gia đình Việt Nam năm 2006 của Bộ VH-TT và DL, 42,5% dân số là hộ độc thân (người từ 40 tuổi đối với nữ và 45 tuổi đối với nam chưa từng có vợ hoặc chồng), trong đó chủ yếu là nữ vì nhiều lí do như: không tìm được người phù hợp chiếm 28,7%, do hoàn cảnh gia đình 28,1%, do thích cuộc sống tự do không bị ràng buộc chiếm 12,6%. Điều này cho thấy mô hình sống ở “*phương tây*” ngày càng phát triển ở Việt Nam.

Với sự giảm xuống của quy mô gia đình, cho thấy tỉ lệ sinh ngày càng giảm. Nếu như số con trung bình của một phụ nữ năm 1965-1969 là 6,81 thì

đến năm 2011 chỉ còn 1,99. Đặc biệt sau Hội nghị TW 4 (1993-2003), mức sinh giảm mạnh do sự quán triệt của Đảng và Nhà nước ( Nếu 5 năm trước hội nghị tổng tỉ suất sinh giảm 0,3 thì 10 năm sau Hội nghị mức sinh giảm tới 1,4). Năm 2005 khi Việt Nam đạt mức sinh thay thế, theo Báo cáo phát triển con người trong cùng năm, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt 0,704, thấp hơn HDI của 99 nước. Tuy nhiên, trong số này, 39 nước còn lại có số con trung bình của một phụ nữ (TFR) cao hơn Việt Nam, Philippine là một ví dụ. Philippine luôn có HDI (chỉ số phát triển con người) cao hơn Việt Nam nhưng cho đến năm 2008, TFR của nước này vẫn là 3,2 trong khi đó Việt Nam là 2,08. Như vậy, gia đình truyền thống (gồm nhiều thế hệ ông bà, cha mẹ và con cái...) đã được thay thế bởi gia đình hạt nhân (chỉ có cha mẹ và con cái) và xu thế hạt nhân hóa của các gia đình cũng đã phổ biến ở các vùng trên cả nước.

#### **\* Biến đổi về chức năng của gia đình**

Gia đình Việt Nam hiện nay, về cơ bản, vẫn là mô hình gia đình truyền thống đa chức năng. Các chức năng cơ bản của gia đình như: chức năng tái sản xuất con người và sức lao động; chức năng kinh tế; chức năng giáo dục; chức năng tâm - sinh lý, tình cảm... ngày càng được đề cao và có điều kiện thực hiện tốt hơn.

#### *Sự biến đổi về chức năng tái sản xuất con người:*

Muốn tồn tại và phát triển xã hội phải tái sản xuất ra sức lao động xã hội, trong đó trước hết là tái sản xuất ra bản thân con người, nghĩa là phải sinh con đẻ cái để không ngừng thay thế số người chết làm cho dân số phát triển ở mức cần thiết. Sự sinh đẻ có ý nghĩa to lớn cho việc duy trì nòi giống, chống diệt vong, nhưng nếu sinh đẻ quá nhiều sẽ tạo ra bùng nổ dân số làm cho xã hội nghèo đói. Tuy nhiên cùng với sự phát triển của đất nước, sau 20 năm đổi mới toàn diện, mức sinh nước ta không ngừng giảm xuống tạo đà cho sự phát triển



kinh tế - xã hội của quốc gia đang phát triển trên con đường từng bước sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Thực tế cho thấy, trước thời kỳ đổi mới, mức sinh ở nước ta thường rất cao, nhất là ở các vùng nông thôn. Đầu những năm 60, mức sinh tương đối cao lên tới trên 6 con/phụ nữ (1965-1969 với 6,81 con/phụ nữ), Từ 1986 đến nay TFR đã liên tục giảm nhanh (trong khoảng 1986-1987 xuống còn 4,2, năm 1999-2000 TFR còn 2,28 và đến 2012 xuống chỉ còn 2,05 con/phụ nữ. Để đạt được điều đó là một bước ngoặt của Việt Nam, khi mà nước ta vẫn là một nước tam nông (nông nghiệp, nông thôn và nông dân), thu nhập thấp lại đạt được mức sinh thay thế trước 39 nước có trình độ phát triển cao hơn. Thông thường mức sinh tỉ lệ nghịch với HDI (biển phát triển) (HDI phản ánh các chỉ tiêu kinh tế (GDP bình quân đầu người), giáo dục (Tỷ lệ biết chữ và số năm đi học trung bình) và sức khỏe (tuổi thọ kỳ vọng). Vì vậy, HDI có thể coi là chỉ tiêu tổng quát phản ánh chất lượng cuộc sống hay trình độ phát triển của mỗi quốc gia hoặc mỗi khu vực, chính vì vậy bị tác động chung của chính sách dân số, nhưng ở nông thôn có tỉ lệ sinh cao hơn đô thị.

**Tổng tỉ suất sinh ở thành thị và nông thôn (TFR) (con/phụ nữ)**

Khu vực	1989	1999	2009
Nông thôn	4,3	2,6	2,14
Thành thị	2,3	1,7	1,81

*Nguồn: Tổng cục thống kê, Tổng điều tra dân số 1989-2009*

Như vậy, Nếu năm 1989, TFR của khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị tới 2 thì năm 1999 là 0,9 và năm 2009 chỉ còn 0,33.

Nguyên nhân của tổng tỉ suất cao vào trước thời kì đổi mới là do trình độ khoa học phát triển thấp kém, lạc hậu, con người vừa không làm chủ được tự nhiên vừa không làm chủ được sự sinh đẻ của mình nên sinh không có kế hoạch. Mặt khác do lao động chân tay là chủ yếu cho nên gia đình đông con

sẽ có nhiều lao động và trở nên giàu có. Nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là do tâm lý của mỗi cá nhân, dòng họ ( để nhiều để phòng ngừa chết non, để có nguồn lao động, để có nơi trông cậy tuổi già, hay với quan niệm con đàn cháu đống, cha truyền con nối, để con trai để nối dõi tông đường, để con gái để có nếp có tẻ...). Điều này không ít hay nhiều người dân còn bị ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo vào Việt Nam, vì theo quan niệm Nho giáo mỗi gia đình Việt đều rất quý trọng con trai, con trai không chỉ nối dõi tông đường mà còn là người đảm nhận chính việc hương khói cho tổ tiên). Ngày nay việc sinh đẻ của mỗi gia đình còn phụ thuộc vào ý thức xã hội, vào chính sách kinh tế - xã hội, chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình của đất nước. Như vậy, với quá trình chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp, chức năng tái sản xuất ra con người đã có những biến đổi khác trước. Ngày nay với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước khuyến khích mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con dù gái hay trai, với tiêu chuẩn nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Có như vậy, mỗi gia đình mới đảm bảo được chất lượng cuộc sống cho đứa trẻ được sinh ra, vừa đảm bảo hạnh phúc cho cha mẹ. Việc kế hoạch hóa trong sinh đẻ có lợi cho cả gia đình, cá nhân và xã hội.

*Sự biến đổi về chức năng kinh tế:*

Trong bất cứ thời đại nào, nền kinh tế của gia đình giữ vai trò quyết định cho sự bền vững của gia đình. Kinh tế gia đình mà phát triển, giàu có sẽ ảnh hưởng đến các chức năng khác của gia đình, giúp cho mọi thành viên thỏa mãn nhu cầu của mình như: ăn học, vui chơi, nuôi dạy con cái, chăm sóc cha mẹ, hưởng thụ văn hóa... Ngược lại kinh tế gia đình eo hẹp, không ổn định sẽ ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc và sự ổn định của gia đình.

Trong xã hội nông nghiệp, gia đình là một đơn vị sản xuất, một đơn vị kinh tế độc lập. Dưới sự chỉ huy của một người, mọi người trong gia đình nương tựa vào nhau, chung lưng nhau cùng làm ăn, cùng hưởng, nên gia đình

kiểu này rất ổn định, tương đối hòa thuận, đoàn kết. Như vậy chức năng kinh tế đã quyết định sự ổn định của gia đình. Kinh tế mà ăn nên làm ra, mọi người được hưởng sung sướng. Ngược lại, kinh tế gia đình sa sút, mọi người li tán để kiếm kế sinh nhai.

Trong xã hội công nghiệp, chức năng sản xuất của gia đình thu hẹp dần và chức năng tiêu dùng lại có xu hướng tăng lên. Trong đó mỗi người đi lao động những cơ sở sản xuất khác nhau, mọi người không còn lệ thuộc và quan hệ với nhau trong một tổ chức sản xuất nữa. Họ lệ thuộc với nhau bởi sự góp tiền để lập một ngân sách chung nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu riêng và chung của gia đình. Nếu gia đình nào không thống nhất được ngân sách chung, chồng một vốn, vợ một vốn, thì rõ ràng gia đình đó không có sự lệ thuộc nhau về kinh tế, con cái lệ thuộc vào cả cha lẫn mẹ. Chỉ cần bất hòa về tình cảm thì gia đình đó dễ tan vỡ và dẫn đến việc li hôn.

Ở Việt Nam hiện nay, chức năng kinh tế của gia đình cũng không nằm ngoài xu hướng biến đổi này (chức năng kinh tế gia đình chuyển từ đơn vị sản xuất sang đơn vị tiêu dùng). Trước đổi mới, kinh tế nước ta còn mang tính tự cung, tự cấp nên hoạt động kinh tế hộ gia đình bị hạn chế đến mức đáng kể. Cho đến nay, với sự phát triển của khoa học, của các ngành công nghiệp, kinh tế “hộ gia đình” vẫn là một thành phần quan trọng trong việc đóng góp vào nền kinh tế quốc dân bên cạnh những thành phần kinh tế khác. Biểu hiện đơn vị tiêu thụ là nhu cầu thiết yếu của mọi gia đình để duy trì sự tồn tại và phát triển của các thành viên sinh sống trong gia đình (như ăn, mặc, nhà ở, đồ dùng, phương tiện đi lại, học tập, thông tin, giải trí...). Kinh tế phát triển nhanh, thu nhập của gia đình tăng lên. Các gia đình giàu lên nhanh chóng, khoảng cách giàu nghèo càng rộng, nên nhu cầu tiêu dùng của gia đình đã có những biến đổi khá rõ nét như trước đây với nhu cầu ăn no, mặc ấm, thì ngày nay nhu cầu con người đã chuyển sang “ăn ngon”, “mặc đẹp”. Trong xã hội,

đã có sự chuyển giao một phần việc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của gia đình cho các dịch vụ xã hội.

*Sự biến đổi về chức năng giáo dục*

Thực chất của công tác giáo dục gia đình là xã hội hóa đứa trẻ. Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên biến đứa trẻ từ một thực thể tự nhiên thành một thực thể xã hội có khả năng thích ứng, sống, học tập, vui chơi, giao tiếp và làm việc trong xã hội mới, theo yêu cầu của xã hội. Trên tinh thần ấy, gia đình là cái nôi, trường học đầu tiên của mỗi con người.

Con người sống gắn bó với gia đình, vì thế phẩm chất và giá trị của mỗi thành viên phụ thuộc rất nhiều vào cuộc sống gia đình, đặc biệt là phụ thuộc vào "giáo dục gia đình".

Giáo dục gia đình cần được hiểu theo nghĩa rộng, đó là việc truyền thụ (truyền dạy và tiếp thụ), chuyển giao giữa các thế hệ về kiến thức cuộc sống, những kinh nghiệm sản xuất, những giá trị văn hoá truyền thống được đúc kết, trải nghiệm trở thành những di sản quý báu của gia đình, cộng đồng, dân tộc.

Người xưa có câu "*nhân bất học, bất tri lý*" (người mà không được giáo dục thì không có sự hiểu biết). Vai trò của những người thân trong gia đình có ảnh hưởng sâu sắc đến mỗi cá nhân về lối sống đạo đức, nhân cách. Gia đình là trường học đầu tiên và quan trọng nhất của mỗi cá nhân về những ý niệm, về những cơ sở đầu tiên về cái thiện và cái ác, về đạo đức, lễ sống, tâm hồn... "*Từ hiếu song thân lạc, gia hòa vạn sự thành*" (Con hiếu thì cha, mẹ vui, gia đình hòa thuận thì mọi việc đều thành).

Trước đây, do con người còn chịu ảnh hưởng nặng về tâm lí, đặc biệt là ảnh hưởng của những tư tưởng Nho giáo. Nên chức năng giáo dục con cái bao giờ cũng thuộc về gia đình. Gia đình là trung tâm của việc chăm sóc, giáo dục trẻ em. Ngoài ra, xung quanh gia đình là họ tộc và cộng đồng cùng góp phần quan trọng vào việc giáo dục con cái. Tất cả đều tạo thành một cơ cấu chung

chăm sóc, dạy dỗ theo một định hướng chuẩn mực đúng về lao động, về nhân cách và cách ứng xử trong cuộc sống. Trong đó trẻ con tiếp nhận sự giáo dục một cách tự nhiên và mang tính kinh nghiệm. Nếu như trước đây cha mẹ giáo dục con cái về lao động là để kiếm sống “*có làm mới có ăn*” chứ chưa có quan niệm làm giàu như bây giờ. Con cái phải nghe lời người trên, giáo dục con cái phải biết kính trọng lễ phép, ra đường gặp người lớn phải chào hỏi. Nhưng tuyệt nhiên hầu hết cha mẹ lại không giáo dục con cái có những hiểu biết về tình yêu, tình dục, hay những chuyện thầm kín, thậm chí là không nói đến. Mặt khác, các gia đình đều quý trọng con trai, nên mọi sự quan tâm, giáo dục đều giành cho con trai dẫn đến sự bất bình đẳng nam nữ khá phổ biến. Như vậy trước đây cha mẹ và ông bà là người thầy đầu tiên của trẻ dẫn dắt các em hòa nhập vào cuộc sống.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tác động làm cho chức năng giáo dục của gia đình cũng diễn ra sự biến đổi theo nhiều xu hướng. Những gia đình có trách nhiệm với con cái, thường có sự kết hợp chặt chẽ giữa các môi trường giáo dục: gia đình - nhà trường - xã hội. Bên cạnh đó, còn tồn tại những nhóm gia đình quá tập trung vào lợi ích kinh tế và tự do cá nhân thường phó mặc hoặc đặt quá nhiều niềm tin trong việc giáo dục con mình cho trường học và xã hội. Trường học là nơi cung cấp một lượng lớn kiến thức cho trẻ, giúp trẻ nhanh nhạy với việc đáp ứng các yêu cầu về công việc trong tương lai nhưng mặt khác nó lại ít mềm dẻo, đặc biệt về khía cạnh tình cảm và ứng xử trong gia đình. Điều này đang ảnh hưởng tới quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Dù vậy ở thời kì nào, chức năng giáo dục con cái của gia đình cũng có vai trò quan trọng trong việc giáo dục và hình thành nhân cách của mỗi con người, đặc biệt đối với trẻ em.

Thực hiện tốt chức năng giáo dục gia đình là điều kiện tiên quyết trong việc hình thành nhân cách cho các thế hệ tiếp nối. Có thể gọi đây là quá trình

xã hội hoá cá nhân để con người gia đình trở thành con người của xã hội.

*Sự biến đổi về chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm - sinh lý:*

Chức năng giáo dục trong gia đình phải gắn kết hài hòa với chức năng thỏa mãn các nhu cầu tinh thần, tâm lý và tình cảm trong gia đình. Đánh giá nhìn nhận ở góc độ khác, gia đình là một cộng đồng đặc biệt có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống, quan hệ tình cảm, trách nhiệm sự đùm bọc, tương thân tương ái, sẵn sàng hy sinh cho nhau với tâm niệm gắn bó suốt đời người. Gia đình là điểm sum họp, được an ủi về mặt tình cảm, thỏa mãn nhu cầu tình yêu thương, hạnh phúc tạo nên sự ổn định, cân bằng trạng thái về tâm lý của mỗi cá nhân trong cuộc sống cũng như trong mỗi công việc. Chính điều này nếu đã được thực hiện thành công thì nó còn mang ý nghĩa có tính động lực quan trọng trong thúc đẩy nâng tầm lên các mặt chức năng khác như giáo dục; sản xuất, tiêu dùng; phát triển đồng bộ, gắn kết chặt chẽ trong phát triển nhu cầu vật chất và tinh thần, tâm lý và tình cảm sẽ bền chặt hơn trong mối quan hệ hướng đến hoàn thiện của mỗi gia đình.

Quá trình công nghiệp hóa đất nước ở Việt Nam đã có tác động làm biến đổi chức năng này của gia đình theo các xu hướng khác nhau, chủ yếu tập trung ở hai nhóm: nhóm gia đình đáp ứng, thỏa mãn được những nhu cầu tâm - sinh lý của các thành viên và nhóm gia đình ít quan tâm đến việc thỏa mãn nhu cầu tâm - sinh lý của các thành viên.

Người xưa đã dạy rằng: *“Tu tâm dưỡng tính, trị gia, tề quốc, bình thiên hạ”* (người chính nhân quân tử có tốt, gia đình có ổn định thịnh vượng, thì trị quốc mới yên bình phồn vinh, dân mới an cư lạc nghiệp, giàu mạnh). Và chức năng gia đình chính là sức mạnh có tính chất của cội nguồn trong mỗi cá nhân để góp phần đạt được mọi điều như ước muốn *“Thành công, thành công và đại thành công”*.

### **\* Biến đổi về các quan hệ trong gia đình**

*Mối quan hệ cha mẹ và con cái:* Trong xã hội truyền thống, quyết định, quan điểm, ý kiến của cha mẹ được xem như là một chuẩn mực mà con cái phải nghe theo, bất kì sự chống đối nào cho dù sự chống đối đó là hợp lý cũng không được ủng hộ. Ngày nay, cùng với cơ chế thị trường, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái mang tính dân chủ hơn. Con cái ngày càng tự tin và chủ động bộc bạch tình cảm, tình yêu và những chuyện thầm kín với cha mẹ như một người bạn. Đây là điều ít thấy trong xã hội truyền thống. Tuy nhiên, cũng chính sự "dân chủ" trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái làm nảy sinh tình trạng ngổ ngược, cứng đầu hay cãi cha mẹ hoặc có những hành động, cử chỉ mang tính "bạo hành" của con cái mà trong gia đình truyền thống chưa bao giờ dám vi phạm. Hơn nữa cũng cần thấy sự cởi mở dân chủ trong giao tiếp không có nghĩa là cha mẹ ngày càng thấu hiểu sâu sắc hơn nội tâm và suy nghĩ của con cái. Trong bối cảnh hiện nay, điều cần thiết là các thành viên trong gia đình phải dành thời gian sống bên nhau, giao tiếp với nhau thường xuyên, quan tâm, chia sẻ với nhau.

Đây là yếu tố quan trọng giúp cho tâm lý cá nhân ổn định, giảm tải những căng thẳng trong đời sống thường nhật, lấy lại năng lượng cho các thành viên. Từ đó, các thành viên luôn tìm được hạnh phúc trong chính gia đình của mình.

*Về mối quan hệ vợ-chồng:* Nếu trước đây, người phụ nữ không được coi trọng, họ chỉ bó hẹp trong phạm vi gia đình với những chuẩn mực phong kiến khắt khe thì ngày nay vai trò của người phụ nữ có nhiều thay đổi. Người phụ nữ không chỉ là người vợ, người mẹ, người con trong gia đình mà họ còn thực hiện các vai trò khác ngoài xã hội. Điều này đã làm giảm sự phụ thuộc giữa vợ với chồng. Tạo nên sự tự do, độc lập hơn. Tuy nhiên, với những bận rộn trong công việc không phải lúc nào họ cũng lo toan được gia đình, đây cũng là

nguyên nhân chính gây nên những trục trặc trong mối quan hệ vợ-chồng.

*Đời sống tinh thần:* Nếu như trước đây, sau những ngày nghỉ, các thành viên trong gia đình tụ tập, quanh quần bên mái ấm gia đình hoặc bạn bè, thì ngày nay với sự phát triển của các dịch vụ vui chơi, giải trí, xu hướng tìm đến thú vui bên ngoài xã hội ngày càng phổ biến và được ưa chuộng trong hầu hết các gia đình. Điều này dự báo một hiện tượng đáng lo ngại trong tương lai đó là sau thời gian làm việc, các thành viên không tận dụng những giờ phút hiếm hoi của mình để ở bên nhau mà chủ yếu tham gia vào việc giải trí bên ngoài khuôn khổ gia đình khiến cho gia đình không còn là một tổ ấm theo đúng nghĩa của nó nữa. Mặt khác nó cũng cảnh báo tình trạng đáng lo ngại do các thành viên sử dụng quỹ thời gian vào việc vui chơi giải trí khác nhau dẫn đến cha mẹ không thể kiểm soát được kế hoạch vui chơi giải trí của con cái.

Do đó, tăng cường tận dụng thời gian hiếm hoi để ở bên nhau, trò chuyện chia sẻ, cùng tham gia vào các hoạt động vui chơi giải trí trong và ngoài gia đình là những yếu tố cần thiết để duy trì ngọn lửa yêu thương và sự gắn kết trong gia đình. Hãy làm cho gia đình trở thành nơi gắn bó thân thiết nhất đối với mỗi thành viên và không thể quên được tổ ấm gia đình dù họ đi bất cứ nơi đâu làm bất cứ điều gì.

#### **\* Vị thế, vai trò của người phụ nữ trong gia đình được nâng cao**

Phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ đổi mới được thể hiện và phát huy đầy đủ hơn những năng lực của mình, cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Họ được tự do phát triển những năng lực sẵn có và tham gia vào các hoạt động xã hội. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những bước khởi đầu thuận lợi.

Trong cuộc sống hiện đại, người phụ nữ đồng thời phải đảm nhiệm cả công việc gia đình và công việc xã hội. Sự phát triển của xã hội đã thu hút chị em phụ nữ tham gia công tác xã hội ngày càng nhiều hơn, cùng với thiên chức



gắn với họ suốt cả cuộc đời làm cho gánh nặng đặt lên vai chị em càng thêm nặng hơn.

Tuy vậy, họ đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, những mâu thuẫn, trở ngại: những rào cản về mặt tâm lý xã hội trong nhìn nhận, đánh giá năng lực, vị thế... của người phụ nữ; là mâu thuẫn giữa việc thực hiện các vai trò, chức năng làm vợ, làm mẹ, làm kinh tế gia đình với vai trò, trách nhiệm của người cán bộ, người quản lý...Tuy vậy, sau 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, người phụ nữ Việt Nam ngày càng năng động, tự tin và đã khẳng định được vị thế, vai trò quan trọng của mình trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

Cơ hội tìm kiếm việc làm với thu nhập ổn định, nâng cao trình độ chuyên môn dành cho người phụ nữ trong xã hội đô thị đã khiến cho phụ nữ nâng cao được tính độc lập cá nhân và giảm dần tình trạng phụ thuộc, ràng buộc của người vợ vào chồng. Điều này dẫn tới một thực trạng là sự khoan nhượng, kiên nhẫn, độ lượng vốn được xem như là yếu tố quan trọng để vượt qua những sóng gió trong đời sống hôn nhân, đặc biệt trong thời gian đầu chung sống đã bị sụt giảm đáng kể. Trên thực tế, tỷ lệ li hôn, tỷ lệ người vợ đứng đơn xin li hôn ở xã hội đô thị luôn cao hơn ở nông thôn là vì vậy. Thực tế cho thấy, tỉ lệ phụ nữ đứng đơn li hôn cao hơn người chồng. Theo kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006, của Bộ VH-TT và DL, người vợ đứng đơn li hôn chiếm 47%, trong khi đó người chồng đứng đơn li hôn chỉ chiếm 28,1% và cả hai vợ chồng cùng đứng đơn li hôn chỉ chiếm 13%. Nguyên nhân chính dẫn đến li hôn là do ngoại tình (25,9%), mâu thuẫn về lối sống (27,7%). Điều này thể hiện tinh thần không cam chịu của người phụ nữ, dám đứng lên đòi quyền tự do của mình để đi tìm một chân trời mới khi tình yêu trong hôn nhân không còn nữa.

### **2.2.2. Gia đình truyền thống và gia đình hiện đại**

Với tác động hai mặt của cơ chế thị trường làm cho xã hội có nhiều biến chuyển. Những biến chuyển xã hội đã và đang dội vào gia đình trên mọi phương diện, đưa đến những hệ quả đa chiều. Gia đình cũng đang không ngừng chuyển mình từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại.

#### **\* Gia đình truyền thống**

Vậy thế nào là gia đình truyền thống: Gia đình Việt Nam truyền thống được các nhà nghiên cứu cho là loại hình gia đình chứa nhiều yếu tố bất biến, ít đổi thay, ra đời từ nền văn hóa bản địa, được bảo lưu và truyền từ đời này sang đời khác. Như vậy, gia đình Việt Nam truyền thống là sản phẩm của nền văn minh lúa nước và tồn tại chủ yếu ở địa bàn nông thôn, cổ nhiên không có nghĩa là ở đô thị không có gia đình truyền thống. Gia đình truyền thống cũng có thể hiểu là gia đình Nho giáo, từ đó có thể thấy tính chất nông nghiệp, nông thôn và Nho giáo là những đặc trưng cơ bản của gia đình truyền thống Việt Nam.

Gia đình truyền thống được coi là đại gia đình mà các thành viên liên kết với nhau bởi quan hệ huyết thống. Đó là gia đình có nhiều thế hệ chung sống với nhau: “Tam, tứ, ngũ đại đồng đường” là gia đình đông con. Kiểu gia đình này thường tập trung ở nông thôn Bắc Bộ. Kinh tế tiểu nông là cơ sở phát sinh và tồn tại của nó.

Trong gia đình chức năng sinh sản được coi trọng với tư tưởng “con đàn cháu đống”, coi trọng con trai hơn con gái. Về mặt giáo dục con cái: con cháu chịu ảnh hưởng từ họ hàng, gia đình, làng xóm, giáo dục chủ yếu theo tư tưởng Nho giáo, theo những lễ nghi, giáo dục con cái bằng những kinh nghiệm được truyền từ đời này sang đời khác và chỉ có con trai mới được đi học còn con gái được giáo dục để làm việc nhà. Trong gia đình truyền thống do sản xuất tự cung tự cấp là chính nên trong kinh tế chức năng sản xuất và

tiêu dùng đi đôi với nhau. Cả hai vợ chồng cùng chăm sóc và giáo dục con cái họ theo những chuẩn mực của gia đình, họ hàng và Nho giáo.

Trong gia đình mối quan hệ giữa các thành viên được củng cố bằng chế độ tông pháp và chế độ gia trưởng. Có sự mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, em chồng chị dâu. Trong gia đình, người chồng là chủ trong gia đình, có quyền quyết định mọi hoạt động lớn nhỏ trong nhà, còn người vợ phải sống lệ thuộc vào người chồng, con cái phải nghe theo lời cha mẹ “*Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy*”.

Về nghề nghiệp thì thường gia đình, dòng họ theo một nghề nhất định “*cha truyền con nối*”, tạo thành nghề gia truyền, rộng hơn là một làng nghề, nhưng nghề chủ yếu trong các gia đình truyền thống vẫn là nghề nông.

Về tư tưởng, giá trị chuẩn mực của gia đình: Gia đình truyền thống theo tư tưởng Nho giáo với những chuẩn mực như: Tình yêu lứa đôi trong sáng; Vợ chồng chung thủy trước sau, cha mẹ có trách nhiệm và sự hi sinh vô tận với con cái; Con cái hiếu thảo với cha mẹ, biết ơn và kính trọng đối với ông bà, tổ tiên; Anh em biết yêu thương và đùm bọc nhau “*Anh em như thể tay chân. Rách lành đùm bọc, khó khăn đỡ đần*”.

Về mặt tâm lý: Người Việt Nam có xu hướng quần tụ con em về xung quanh mình, nên có sự gắn bó cao về tình cảm theo quan hệ huyết thống, bảo lưu được các giá trị văn hóa, phong tục, lễ nghi, phát huy tối đa gia phong, gia lễ, gia đạo. Các thành viên trong gia đình có điều kiện giúp đỡ nhau về vật chất cũng như tinh thần, chăm sóc người già và giáo dục thế hệ trẻ. Đó là những giá trị căn bản của văn hóa gia đình mà chúng ta cần kế thừa và phát huy.

Tuy nhiên loại hình gia đình này cũng có những hạn chế: Trong khi giữ gìn các giá trị tốt đẹp thì cũng duy trì luôn các phong tục, lễ nghi lạc hậu, phong kiến. Bên cạnh đó sự khác biệt về tuổi tác dẫn đến những mâu thuẫn trong gia đình như: mẹ chồng - nàng dâu, ông bà - con cháu. Trong gia đình

truyền thống, vai trò của nữ quyền bị hạ thấp, con cái phải tuân thủ tuyệt đối cha mẹ, tuổi kết hôn còn quá sớm “*lấy chồng từ thừa 13*” phần nào hạn chế sự tự do của mỗi cá nhân. Như vậy, kiểu hình gia đình truyền thống thiếu cơ động và chậm thích ứng nên nhiều lúc không còn phù hợp với thời đại ngày nay với những biến đổi không ngừng của cơ chế thị trường.

**\* Gia đình hiện đại.**

Gia đình Việt Nam hiện nay có phải là gia đình hiện đại chưa? Nếu gọi gia đình Việt Nam là gia đình hiện đại, điều này không hẳn đúng. Vì gia đình hiện đại phải là sản phẩm của một nền công nghiệp phát triển cao, dân cư có lối sống đô thị và đạt đến một trình độ văn minh đô thị khá cao. Tuy sau 20 năm đổi mới, quá trình đô thị hóa đã được triển khai nhanh chóng, song mức độ đô thị hóa vẫn còn chậm. Trong thập niên qua, tỷ lệ dân số đô thị Việt Nam đã tăng từ 23,7% năm 1999 lên 29,6% năm 2009. Điều đó có nghĩa là dân cư đô thị chiếm 25,4 triệu người trong tổng số 85,8 triệu dân toàn quốc năm 2009 (hiện nay 2013 dân số Việt Nam đã lên đến 90 triệu dân). Mặt khác, Việt Nam hiện nay, đang là một nước nông nghiệp, cư dân nông thôn chiếm tỉ trọng áp đảo (chiếm  $\frac{3}{4}$  dân số cả nước). Văn minh nông nghiệp vẫn còn im đậm trong đời sống văn hóa của mỗi người dân.

Gia đình ngày nay có thể coi là gia đình quá độ trong bước chuyển từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể cấu trúc gia đình truyền thống và hình thành hình thái gia đình mới là một tất yếu. Hiện nay ở nước ta gia đình hạt nhân đang rất phổ biến ở cả nông thôn và thành thị thay cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

Như vậy, gia đình Việt Nam ngày nay là gia đình hạt nhân, trong gia đình chỉ có hai thế hệ chung sống với nhau dưới một mái nhà (bố mẹ và con cái). Đây là kiểu gia đình ít con, mỗi gia đình có từ 1 đến 2 con, không phân

biệt nam hay nữ. Xu hướng hạt nhân hóa gia đình ngày càng gia tăng với những ưu điểm của nó.

Trước hết gia đình hạt nhân tồn tại như một đơn vị độc lập, linh hoạt và có khả năng thích ứng nhanh với các biến đổi xã hội. Gia đình hạt nhân có sự độc lập về quan hệ kinh tế, trong gia đình chức năng kinh tế gắn với tiêu dùng hơn là sản xuất, điều này thể hiện thu nhập gia đình ngày càng tăng, đáp ứng mọi nhu cầu của các thành viên trong gia đình. Trong gia đình hiện đại, các cá nhân có tính độc lập hơn và tính độc lập cá nhân được gia đình tạo điều kiện nuôi dưỡng, phát triển làm cho mỗi cá nhân có điều kiện phát triển và thể hiện mình hơn. Trong xã hội hiện đại, mức độ độc lập của cá nhân được coi là yếu tố biểu hiện chất lượng cuộc sống gia đình. Trong gia đình, người chủ nhà vẫn là người chồng, nhưng người phụ nữ đã được coi trọng hơn, họ không chỉ làm nhiệm vụ của một người con, người vợ, người mẹ trong gia đình mà còn tham gia các hoạt động khác ngoài xã hội, thậm chí giữ vai trò, vị trí quan trọng ngoài xã hội. Đồng thời các thành viên gia đình và các dịch vụ xã hội cùng từng bước chia sẻ gánh nặng nội trợ gia đình đối với người phụ nữ, góp phần thiết thực tạo điều kiện cho người phụ nữ phát huy mọi tiềm năng của mình trong hội nhập và phát triển.

Trong gia đình, đã giảm bớt sự phân biệt giữa nam và nữ, con cái có quyền quyết định bạn đời của mình khi đến tuổi trưởng thành, độ tuổi kết hôn đã tăng lên (nam từ 20 tuổi trở lên, nữ 18 tuổi trở lên mới có quyền kết hôn)

Như vậy, với gia đình hiện đại, vấn đề bình đẳng giới là một bước tiến so với gia đình truyền thống, đã thu hút sự quan tâm, đồng tình thực hiện của toàn xã hội.

Tư tưởng giá trị chuẩn mực trong gia đình có sự tiến bộ, đã tiếp thu những tinh hoa của Phương Đông và Phương Tây. Bên cạnh những giá trị truyền thống, gia đình Việt Nam còn tiếp thu những giá trị hiện đại như: tôn

trọng tự do và lợi ích của cá nhân, dân chủ trong mọi mối quan hệ, bình đẳng nam nữ và trong các trách nhiệm và nghĩa vụ, bình đẳng trong thừa kế không phân biệt đối xử thứ bậc, trai hay gái.

Tuy nhiên gia đình hiện đại cũng có những nhược điểm của nó. Do mức độ liên kết giảm sút và sự ngăn cách về mặt không gian nên sự hỗ trợ lẫn nhau về vật chất và tinh thần bị hạn chế; Ảnh hưởng các thế hệ lẫn nhau ít đi, đã làm giảm khả năng bảo lưu các giá trị truyền thống trong gia đình. Tuy vậy gia đình hạt nhân vẫn là loại hình khá phổ biến hiện nay với những ưu điểm của nó và là loại hình gia đình phù hợp với thời đại ngày nay.

Trong bối cảnh đổi mới và toàn cầu hóa hiện nay, gia đình Việt Nam đã biến đổi một cách toàn diện và ngày càng trở thành một thực thể hoàn thiện, năng động phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều biến động. Sự biến đổi ấy chính là một quá trình liên tục bảo tồn, truyền thụ, phát huy những giá trị của gia đình truyền thống như: tình yêu lứa đôi trong sáng, lòng chung thủy tình nghĩa vợ chồng, trách nhiệm và sự hi sinh vô tận của cha mẹ đối với con cái, con cháu biết ơn, kính trọng đối với cha mẹ, ông bà và tổ tiên, anh em đùm bọc yêu thương lẫn nhau, đề cao lợi ích chung của gia đình và tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ. Đồng thời gia đình Việt Nam còn tiếp thu có chọn lọc và cải biến những giá trị tiên tiến, những tinh hoa của gia đình hiện đại như: tôn trọng tự do, lợi ích cá nhân, dân chủ trong mọi mối quan hệ, bình đẳng giới.

Gia đình Việt Nam hiện nay chính là hiện đại hóa các giá trị cao quý của gia đình Việt Nam truyền thống và truyền thống hóa những giá trị, tinh hoa gia đình của các xã hội hiện đại hướng tới mục tiêu gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc với phương châm: dân chủ, bình đẳng, tự do và tiến bộ.

### **2.2.3. Những thách thức đối với gia đình Việt Nam hiện nay**

Do quá trình đô thị hóa, nông dân di cư ra thành thị và phi nông nghiệp

hóa nông thôn sẽ diễn ra nhanh hơn rất nhiều so với các thời kỳ trước đây. Những tác động này có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống gia đình, đặc biệt là các gia đình nông thôn. Cấu trúc, chức năng, các mối quan hệ gia đình, định hướng giá trị sẽ có những thay đổi. Quá trình này làm xuất hiện một số loại hình gia đình mới, không theo truyền thống, tạo ra tính đa dạng của cấu trúc và các khuôn mẫu gia đình.

Một số chức năng của gia đình truyền thống bị suy giảm, và nảy sinh một số chức năng mới. Thực tế cho thấy, chức năng xã hội hóa trẻ em suy yếu dần. Cha mẹ bận rộn suốt ngày, trẻ con bị giảm thiểu các mối quan hệ giao tiếp và cũng là giảm thiểu những bài tập đầu tiên và cơ bản của giao tiếp xã hội. Ở nông thôn, cha mẹ bỏ ra thành phố kiếm việc dài ngày, con cái phó mặc cho ông bà già. Ở thành thị, trẻ được giao phó cho Osin, chúng chỉ nhận được tình yêu của cha mẹ qua vài dòng dạn dò ghi trên tấm bảng. Có cháu tự nhận mình mồ côi ngay khi vẫn còn bố mẹ. Trong khi môi trường xã hội phức tạp và đầy cám dỗ, mà gia đình thì thiếu không khí ấm áp tin cậy, nhiều cháu bỏ nhà, hợp thành băng nhóm như hình thành một thứ văn hoá đối nghịch. Mặt khác, xu hướng hạt nhân hoá gia đình (chỉ gồm một, hai thế hệ) và nâng cao tuổi thọ cũng khiến nhiều người già có một khoảng thời gian khá dài chịu cảnh sống cô đơn. Có thể Nhà nước vẫn đóng vai trò bảo trợ kinh tế cho họ thông qua các loại trợ cấp, nhưng sự trống trải quạnh hiu trong buổi xế chiều của những người đã cống hiến hết sức mình cho xã hội và gia đình, lại không nơi nào có thể bù đắp được ngoài gia đình. Hạnh phúc của người già vốn được tạo nên bởi sự quây quần yêu thương của con cháu. Nhưng hiện nay, để có tự do và giảm bớt mâu thuẫn thế hệ, con cái thường muốn sống độc lập, tách khỏi cha mẹ. Đây là vấn đề đã đặt ra ở các nước phát triển và cũng đang bắt đầu bức xúc ở nước ta, chủ yếu trong các gia đình đô thị. Mặt khác, nếu trước đây chức năng tái sản sinh con người được coi trọng thì ngày nay, chức

năng tái sản sinh con người nhờ “liên minh sinh sản” đã không còn là yêu cầu tất yếu của mọi gia đình, người ta lấy nhau không cần sinh con, hoặc xin con nuôi hay thụ tinh qua ống nghiệm. Chính điều này đã làm giảm đi tình cảm gia đình và sự gắn bó mật thiết giữa các thành viên trong gia đình, ngày càng mất đi những giá trị truyền thống văn hóa gia đình quý báu mà truyền thống gia đình đã để lại. Trong khi việc phát triển các dịch vụ xã hội ví như dịch vụ tâm sự, tư vấn qua điện thoại... đã tước đoạt nhiều chức năng vốn có của gia đình. Dường như ở gia đình hiện đại, người ta chỉ trông chờ vào một chức năng mà không có thiết chế xã hội nào gánh vác có hiệu quả - đó là chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm lý - tình cảm của mỗi cá nhân.

Tuy nhiên, khi mà những thỏa mãn về tâm lý, tình cảm không như mong muốn, thì mối dây liên kết trở nên mong manh, dẫn đến những hiện tượng ngoại tình, li thân, li hôn ngày càng tăng nhanh. Ngày nay, nữ giới đứng đơn li hôn ngày càng phổ biến và chiếm tỉ lệ lớn (chiếm 47% vào năm 2006 trong khi nam giới đứng đơn li hôn chỉ chiếm 28,1%, còn lại 13% là cả hai vợ chồng cùng đứng đơn li hôn). Ngoài ra, tỉ lệ li hôn trong giới trẻ ngày một tăng và đang trở nên phổ biến, theo thống kê của tòa án nhân dân tối cao, năm 2010, nước ta có gần 88.000 vụ ly hôn, tăng hơn 9.700 vụ so với năm 2009. Trong đó, số cặp vợ chồng trẻ dưới 40 tuổi ly hôn chiếm khoảng 30%. Những con số trên cho thấy, tình trạng ly hôn trong giới trẻ đang ở mức báo động. Thực trạng tỉ lệ li hôn ở thành phố cao hơn nông thôn, trong đó thành phố Hồ Chí Minh số vợ chồng li hôn không ngừng tăng: Theo công trình nghiên cứu của Tiến sĩ Nguyễn Minh Hòa, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP HCM, tỷ lệ li hôn/kết hôn ở thành phố là 31,4%. Con số này cho thấy, gần 3 đôi kết hôn thì có một đôi li hôn. Li hôn trong gia đình trẻ đang gia tăng, từ 18-30 tuổi là 34,7%, từ 30-dưới 50 là hơn 55%, hơn 50 tuổi là 8,7%. Như vậy, qua tư vấn cho thấy, thực trạng số năm kết hôn ngày càng ngắn lại. Tự do yêu



đương nhưng sợi dây liên kết giữa các cặp vợ chồng không bền vững. Li hôn ngày càng tăng dẫn đến con em bị tổn thương tình cảm, thiếu thốn tình cảm của cả bố mẹ, nhiều em phải lang thang cơ nhỡ, không được giáo dục của gia đình, thậm chí có nhiều em còn rơi vào các tệ nạn xã hội: trộm cắp, ma túy, mại dâm... khi mà ngoài xã hội còn biết bao nhiêu cạm bẫy đang rình rập các em.

Ngày nay, tuổi kết hôn trung bình lần đầu của cả nam lẫn nữ có xu hướng được nâng cao lên (nghĩa là họ kết hôn ở lứa tuổi cao hơn), nếu trước đây kết hôn khi tuổi 13, thì ngày nay, dựa vào sự phát triển tâm - sinh lý và điều kiện kinh tế-xã hội, Luật hôn nhân và gia đình quy định nam từ 20 tuổi trở lên và nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn. Tuy vậy, tình trạng tảo hôn lại vẫn phổ biến ở một số vùng nhất là khu vực miền núi. Đây là một nghịch lý. Tảo hôn là việc hai bên nam nữ chưa đủ tuổi kết hôn theo luật định nhưng đã chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng kí kết hôn. Xét ở góc độ pháp lý, tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hay cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật (Đ8, K4, Luật hôn nhân và gia đình). Nạn tảo hôn thường xảy ra trước tuổi dậy thì đối với cả bé gái và bé trai (thường từ 11 đến 13 tuổi). Trong đó bé gái là đối tượng phải gánh chịu những hậu quả nặng nề khi mà các em chưa phát triển hoàn thiện cả về thể chất lẫn sinh lý, quan hệ tình dục ở giai đoạn này sẽ mang đến nhiều rủi ro các em. Hiện nay trên thế giới có 60 triệu trẻ em gái bước vào hôn nhân trước tuổi. Ở nước ta hiện nay, nạn tảo hôn tập trung chủ yếu ở dân tộc thiểu số ở nông thôn vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Đơn cử tại xã Lóng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La có tới 52% cặp vợ chồng kết hôn ở lứa tuổi 12 – 17 tuổi; xã Vân Hồ, tỷ lệ tảo hôn là 68%; xã có tỷ lệ tảo hôn thấp nhất là Muối Nọi, huyện Thuận Châu cũng ở mức 27%. Kết quả điều tra của Trung tâm Truyền thông và sức khoẻ trong 3 năm gần đây (2007-

2009) cũng chỉ ra dân tộc Mông có tỷ lệ tảo hôn cao nhất vùng núi phía Bắc với 33%, dân tộc Thái chiếm 23,1%, dân tộc Mường chiếm 15,8%.

Tìm hiểu phong tục tập quán của đồng bào Êđê Mdhur ở Phú Yên một điều hết sức nhức nhối, khi con gái 13 tuổi, gia đình nhà giá bắt đầu đi tìm chồng cho con, khoảng 13-15 tuổi bắt đầu người con gái đi bắt chồng đã trở nên một hủ tục rất nặng nề. Theo Ban dân số-gia đình trẻ em huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, toàn huyện có 14 xã nhưng xã nào cũng có tình trạng tảo hôn đặc biệt là ở xã vùng sâu. Ở KonTum có trên 53% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, do đó mà nạn tảo hôn cũng không có gì là lạ ở mảnh đất cực Bắc Tây Nguyên này. Theo thống kê của Ủy ban Dân số - Gia đình và trẻ em tỉnh KonTum: trong 333 đối tượng được khảo sát có 269 đối tượng tảo hôn, chiếm 80,78%, trong 629 đối tượng tảo hôn thì nữ chiếm 76,95% trong khi nam chỉ chiếm 23,05%. Tuy nhiên, tình trạng tảo hôn không chỉ riêng gì ở miền núi, mà ở các tỉnh thành, nạn tảo hôn vẫn tiếp tục tái diễn. Hà Nội có tỉ lệ kết hôn dưới 20 tuổi và dưới 18 tuổi như sau: với nam từ 15 đến 19 tuổi có 0,65%, nữ từ 15 đến 19 tuổi có 4,83%, nữ từ 15 đến 17 tuổi là 1,20%. Như thế, có ít nhất khoảng 2% nam nữ Hà Nội tảo hôn, và một tỷ lệ nhỏ nữ giới kết hôn sớm. Tuy vậy so với thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng thì tỉ lệ tảo hôn ở Hà Nội còn thấp hơn.

**Tỷ lệ (%) đã từng kết hôn của dân số < 20 tuổi theo giới tính, 2009**

<b>Thành phố</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>
Hà Nội	0,87	6,02
Hồ Chí Minh	2,37	10,09
Đà Nẵng	3,38	14,07

*Nguồn: Tổng cục thống kê, năm 2011*

Hà Nội, cứ 110 nam giới mới có 1 người kết hôn dưới 20 tuổi, trong khi cứ 100 nam giới thì có 2,4 nam giới ở Tp. Hồ Chí Minh và 3,4 nam giới ở Đà

Năng đã từng kết hôn dưới 20 tuổi. Tỷ lệ nữ kết hôn dưới 20 tuổi cao hơn, cứ 100 phụ nữ thì có 6 phụ nữ Hà Nội đã từng kết hôn dưới 20 tuổi, con số này ở Tp. Hồ Chí Minh là 10 người và Đà Nẵng là 14 người.

Vậy nguyên nhân do đâu dẫn đến tình trạng tảo hôn, trước hết là do nhận thức của người dân về luật Hôn nhân và gia đình, sức khỏe sinh sản, tình dục chưa cao, đặc biệt là người dân ở các dân tộc miền núi, vùng sâu, vùng xa. Do phong tục tập quán phong kiến còn ăn sâu vào ý thức người dân: tâm lý sớm có con đàn cháu đống để có thêm lao động cho gia đình, sinh con trai để nối dõi tông đường. Nhiều gia đình, cha mẹ mãi lo làm ăn kinh tế, không có thời gian quan tâm đến tâm sinh lý của con cái, hay cha mẹ li hôn, dẫn đến con cái thiếu thốn tình cảm, chán nản, sống buông thả dẫn đến có con trong độ tuổi vị thành niên; Công tác tuyên truyền vận động của các cấp chính quyền còn nhiều hạn chế. Mặt khác nạn tảo hôn phổ biến hiện nay một phần cũng do sự lỏng lẻo của pháp luật, chế tài luật hôn nhân và gia đình chưa cao, nhiều lắm cũng chỉ phạt hành chính 100 nghìn đến 200 nghìn rồi buộc hủy hôn, có những trường hợp nộp phạt xong vẫn về ở với nhau, nên chế tài của pháp luật nhiều lúc bị người dân phớt lờ.

Hàng triệu cuộc hôn nhân không đăng ký: Chưa đăng ký kết hôn có nghĩa là cuộc hôn nhân đó không có tính pháp lý. Hiện tượng sống chung đang là một hiện tượng xã hội xuất hiện khá phổ biến hiện nay, đặc biệt là trong giới sinh viên, công nhân ở các khu công nghiệp ở các đô thị. Theo thống kê của khoa xã hội học Đại học Mở Tp.HCM, năm 2010, có khoảng 1/3 các bạn trẻ sống thử trước hôn nhân.

Hiện nay hiện tượng sống thử ngày càng phổ biến do nhiều nguyên nhân, trong đó phải nói đến sự thiếu thốn tình cảm, vật chất khi xa nhà, hoặc có thể do sự ham muốn tò mò và sống theo phong trào; Do sự giám sát của gia đình đến các em còn lỏng lẻo, nên các em tìm đến người bạn để chia sẻ tình cảm.

Mặt khác do ảnh hưởng của lối sống phương tây, nhiều bạn trẻ sống buông xuôi, dễ dãi cho rằng sống thử không ảnh hưởng gì, nhận thức của các em về giới tính, tình dục trước hôn nhân chưa cao nên gây nên những hậu quả đáng tiếc ảnh hưởng đến đời sống tình cảm và thể xác rất nghiêm trọng, có thể dẫn đến vô sinh ở nữ giới nếu nạo phá thai không an toàn.

Theo thống kê của Bộ Y tế, năm 2002 cả nước có 572.425 trường hợp nạo phá thai và năm 2003 là 540.377 trường hợp. Tỷ lệ phá thai trên tổng số sinh chung của toàn quốc là 52%. Đặc biệt các tỉnh miền Đông Nam bộ lên tới 80%. Tuy nhiên Bộ Y tế còn cho biết, hàng năm cả nước còn có khoảng 1/2 đến 1/3 số ca nạo phá thai tại những cơ sở y tế tư nhân nhưng không thể kiểm soát và thống kê được.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, thống kê của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em TP cho biết năm 2003 toàn TP có 114.002 ca nạo phá thai, trong khi số ca sinh là 112.426 ca (tỷ lệ nạo phá thai trên tổng số ca sinh là hơn 101%, cao gấp đôi bình quân của cả nước). Riêng ở thành phố Hồ Chí Minh, với khoảng 7 triệu dân, mỗi năm có khoảng hơn 100.000 ca sinh nhưng số ca nạo phá thai cũng tương đương. Như vậy, thành phố Hồ Chí Minh “dẫn đầu” cả nước về số ca nạo phá thai, kế đến là Hà Nội (48.140 ca) và Cần Thơ (28.888 ca). Năm 2004 có 108.193 ca, trong khi số ca sinh là 107.314 ca (tỷ lệ cũng hơn 100%).

Năm tháng đầu năm 2008, khoa Kế hoạch hóa gia đình Bệnh viện Từ Dũ TP. HCM đã tiếp nhận trên 13.000 ca nạo hút thai (NHT), trong đó đối tượng vị thành niên chiếm khoảng 10% (hơn 1.300 ca) và 60% là thai to trên 12 tuần tuổi. Tại bệnh viện Hùng Vương, chỉ riêng việc phá thai bằng thuốc mỗi tháng cũng tiếp nhận 800-900 ca, trong đó phần lớn cũng ở tuổi vị thành niên. Chỉ tính riêng Bệnh Viện Từ Dũ mỗi năm có trên 40.000 ca nạo phá thai. Như thế mỗi ngày trên đất nước ta có hàng ngàn thai nhi bị giết chết. Đây chỉ là

những trường hợp đã được thống kê, các nhà nghiên cứu còn ước tính cả nước ta mỗi năm nước ta có trên 3 triệu ca nạo phá thai. Bởi vì, hiện nay tất cả các bệnh viện, các trung tâm y tế đều được phép nạo phá thai, ngoài ra còn rất nhiều phòng mạch tư nhân nạo phá thai lậu mọc lên nên không thể kiểm tra và thống kê được.

Với con số kỷ lục này, Việt Nam trở thành nước có tỉ lệ nạo phá thai ở tuổi vị thành niên cao nhất Đông Nam Á và đứng thứ 5 trên thế giới. Hiện tượng này đang gia tăng cho thấy gia đình đang mất dần chức năng kiểm soát tình dục.

Gần đây, tệ nạn xã hội thâm nhập vào gia đình và tội phạm trẻ em có nguyên nhân từ gia đình đang tăng mạnh như tệ nạn mại dâm, ma túy, HIV/AIDS, trộm cắp, giết người...

Theo báo cáo của Cục phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), trong 10 năm trở lại đây, ở Việt Nam đã có khoảng 10 vạn người nghiện ma túy, trong đó có tới 70% số người nghiện dưới 30 tuổi, đặc biệt có tới 50% tổng số người nghiện là trẻ em (dưới 16 tuổi). Sa vào ma túy là con đường ngắn nhất dẫn tới sự hủy hoại chính mình ở cả hiện tại và tương lai; mà các em bị hủy hoại, tức là ảnh hưởng đến tương lai của đất nước. Đây là một vấn đề gây bao lo lắng, bức xúc cho các nhà giáo dục và toàn xã hội nói chung.

Ngoài ra, nạn mại dâm đang là một điều lo ngại, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ cho biết, số gái mại dâm đã được phát hiện năm 1990 là 40.000 người, năm 1992 lên đến 100.000 người, năm 1994 là 130.000 người. Số phụ nữ làm điểm nhiều nhất ở lứa tuổi 18-35 tuổi ước tính là 81,4%; dưới 18 tuổi khoảng 10,5%. Đến năm 2008, con số gái mại dâm ước tính khoảng hàng trăm nghìn. Khách làng chơi chủ yếu là người trong nước, có khoảng 15% là người nước ngoài và 60% là công chức Nhà nước trong nước.

Quan hệ tình dục trước hôn nhân khi chưa có những kiến thức và biện pháp phòng tránh phù hợp thì sẽ gây nên những căn bệnh lây truyền qua đường tình dục như giang mai, lậu, HIV/AIDS. Theo ước tính của Bộ Y tế, mỗi ngày có thêm 100 người bị nhiễm HIV tại Việt Nam và xảy ra ở tất cả 64 tỉnh thành phố trong cả nước. Tính năm 2011 có hơn 14.000 người xét nghiệm phát hiện nhiễm HIV và hầu hết ở lứa tuổi khá trẻ, từ 20 - 39 tuổi chiếm 82% và lây truyền qua đường máu (46,7%) và tình dục (41,4%) là chủ yếu. Mặc dù tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS giảm dần, tuy nhiên, nguy cơ tiềm tàng cao ở nhóm nghiện chích ma túy vẫn đang là mối nguy cho cả cộng đồng. Hiện cả thế giới có 40 triệu người nhiễm HIV trong đó có hơn 30 triệu người chết vì nhiễm AIDS. Một thực trạng ảnh hưởng đến kết cấu gia đình đó là vấn đề phụ nữ di cư và lấy chồng ngoại quốc và nạn buôn bán phụ nữ. Với xu thế hội nhập, các cuộc hôn nhân đã được thực hiện qua môi giới. Một số người phụ nữ may mắn gặp được người chồng tốt và gửi tiền về trợ giúp gia đình nhưng không ít những phụ nữ bị hành hung, đánh đập và bị biến thành nô lệ tình dục, thậm chí bị giết hại.

Theo tài liệu thống kê năm 1995-2007, có khoảng 180.000 người Việt Nam kết hôn với người của 60 nước, trong đó phụ nữ chiếm 80%. Từ năm 2005-2007, có gần 32.000 phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài đặc biệt là ba nước: Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc. Từ năm 1996 đến 2006, nước ta đã phát hiện được hàng chục ngàn phụ nữ và trẻ em bị bán qua biên giới dưới hình thức môi giới hôn nhân (tin tức online, 7/10/2006), Nhiều tỉnh miền Nam như An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ...là những địa bàn có phụ nữ lấy chồng Hàn Quốc khá cao và cũng là những khi vực trọng điểm về tình hình phụ nữ. Đây là một vấn đề mang tính toàn cầu, đòi hỏi sự hợp tác của nhiều nước, của nhiều tổ chức chính phủ và phi chính phủ, cả người dân nước gửi và nước nhận.

Hiện nay, bạo lực gia đình vẫn là một vấn nạn. Bạo lực gia đình là một sự lệch chuẩn bởi vì nó đã phạm Công ước quốc tế về quyền con người, đặc biệt là quyền của phụ nữ và trẻ em. Nghiên cứu tại Việt Nam 1999 cho thấy từ 1995 đến 2000 có 106 vụ án bạo lực gia đình dẫn đến chết người, trong đó người phụ nữ là nạn nhân chiếm đến 80% .

Theo báo cáo của Bộ Công an, trên phạm vi toàn quốc cứ khoảng 2-3 ngày có một người bị giết liên quan đến bạo lực gia đình. Trong năm 2005, có khoảng 14% số vụ giết người liên quan đến bạo lực gia đình (151/1113 vụ), 3 tháng đầu năm 2006, tỷ lệ này là 33,7% (26/77 vụ). Báo cáo của một sở y tế vùng đồng bằng Sông Cửu Long, năm 2005 có 1.319 bệnh nhân trong đó có 1.011 người tự tử (30 người chết) vì bạo lực gia đình; Một tỉnh ở Tây Nguyên có 3.944 bệnh nhân, trong đó 715 người tự tử với 27 người chết vì bạo lực gia đình. Theo báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao, từ ngày 1/1/2000 đến ngày 31/12/2005, các tòa án địa phương trong cả nước đã thụ lý và giải quyết sơ thẩm 186.954 vụ li hôn do bạo lực gia đình. Bạo lực gia đình chiếm 53,1% trong các nguyên nhân dẫn đến li hôn... Năm 2000 có 30.000 vụ ly hôn thì có 70,0% vì bạo lực gia đình. Riêng năm 2005 có tới 39.730 vụ li hôn vì bạo lực gia đình trong tổng số 65.929 vụ li hôn, chiếm 60,3% (Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, 2006).

Vậy nguyên nhân do đâu mà bạo lực gia đình ngày càng tăng và tinh vi hơn. Thực tế, xã hội không ngừng phát triển, xã hội đã công nhận quyền bình đẳng nam nữ nhưng những tu tưởng bất bình đẳng giới vẫn còn ăn sâu trong nhiều người dân với quan niệm "*Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về*". Chừng nào xã hội còn nhìn nhận phụ nữ ở địa vị thấp kém, phụ thuộc vào chồng con thì chừng đó việc dung bạo lực với phụ nữ trong gia đình còn chưa bị lên án mạnh mẽ, người chồng còn có thể coi việc đánh đập vợ con như một thứ quyền đương nhiên. Quyền tự do của con người được coi

trọng thì trong gia đình không ít những trường hợp ngoại tình, ghen tuông, hôn nhân là tự nguyện, xuất phát từ tình yêu, nhưng lại không bền vững, gia đình không hạnh phúc, không có tình yêu thương thực sự, là thứ đất màu mỡ khiến cho bạo lực gia đình phát triển. Sự xuất hiện càng nhiều các tệ nạn xã hội như cờ bạc, đĩ điếm, nghiện hút, ma túy, rượu chè đã gây ra bạo lực gia đình. Mặt khác, sự thờ ơ của chính quyền địa phương với số phận của nạn nhân theo kiểu “*đèn nhà ai nhà nấy rạng*” và sự thờ ơ của nạn nhân với nỗi đau khổ của mình mà cam chịu tất cả, không dám đứng dậy đấu tranh và cũng không dám li dị, họ có thể chấp nhận sự hành hạ, ngược đãi, đánh đập dã man nhất, kể cả cái chết để giữ mái ấm gia đình, cũng vì hạnh phúc của con cái.

#### **2.2.4. Nguyên nhân của những thách thức, hạn chế.**

Những hạn chế trong các gia đình xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân, từ bản thân mỗi cá nhân, từ gia đình và xã hội. Trong đó phải kể đến các nguyên nhân chính như:

Công tác giáo dục đời sống gia đình cho thế hệ thừa kế còn buông lỏng, cụ thể là việc giáo dục về tình yêu, giới tính, giáo dục những kiến thức trước và sau khi kết hôn, việc cung cấp các kiến thức làm cha mẹ, các kỹ năng ứng xử của các thành viên trong gia đình.

Công tác quản lý nhà nước về gia đình chưa theo kịp với sự phát triển của đất nước. Nhiều vấn đề bức xúc về gia đình chưa được xử lý kịp thời. Các cấp chính quyền chưa quan tâm đúng mức việc chỉ đạo công tác gia đình; chưa gắn việc ổn định và phát triển gia đình với phát triển các cụm dân cư, thôn ấp.

Công tác nghiên cứu về gia đình chưa được quan tâm. Nhiều gia đình do tập trung làm kinh tế đã xem nhẹ việc chăm sóc, giáo dục và bảo vệ các thành viên, đặc biệt là trẻ em. Trong khi sự phát triển mạnh mẽ của những phương tiện thông tin trong đó có những thông tin độc hại gây sự kích thích và tò mò



của các em. Nếu không có sự giáo dục, định hướng của gia đình, các em sẽ dễ bị rơi vào những sai trái không đáng có.

Xu thế hạt nhân hoá gia đình trong quá trình công nghiệp hoá nếu không được định hướng sẽ tiếp tục gây sức ép về nhà ở cũng như đặt việc chăm sóc trẻ em và người cao tuổi vào một thách thức mới.

Nhiều gia đình còn lệch lạc trong nhận thức và vận hành các chức năng xã hội cơ bản của gia đình, dẫn tới quá chú trọng, hoặc lao theo kinh tế đơn thuần, mà coi nhẹ hoặc quên mất chức năng môi trường văn hoá của gia đình.

Với cơ chế thị trường đem lại cho đời sống gia đình những mặt tích cực nhưng cũng không ít những hạn chế, xu hướng học theo lối sống phương Tây một cách thiếu chọn lọc trong xây dựng và tổ chức đời sống gia đình, nhất là ở các đô thị lớn đã làm mất đi những giá trị văn hóa truyền thống gia đình do ông cha để lại, đồng thời làm xuất hiện những lối sống thực dụng, không phù hợp với những chuẩn mực đạo đức người Việt.

Con người hiện nay, nhất là lớp trẻ, ngày càng ít được chuẩn bị các phẩm chất căn bản để bước vào đời sống gia đình, dẫn đến: Thiếu đức hy sinh, khả năng chịu đựng lẫn nhau kém, quá dễ dãi trong việc thoả mãn nhu cầu cá nhân, còn thiếu ý thức về bổn phận xã hội trong tư cách là thành viên mang tính loài (loài người).

Như vậy, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá và hội nhập quốc tế tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện, đồng thời cũng đặt gia đình và công tác gia đình trước nhiều khó khăn, thách thức cần phải giải quyết.

### **2.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY**

Trên cơ sở vận dụng những tư tưởng tiến bộ của các nhà tiền bối, đặc biệt là tư tưởng về hôn nhân và gia đình của Ph. Ăngghen trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, từ thực tiễn đời sống gia đình Việt Nam hiện nay, thì vấn đề gia đình Việt trong thời kì

hội nhập cần có những giải pháp khắc phục những hạn chế, đồng thời kế thừa, phát huy và phát triển những mặt tích cực của gia đình Việt Nam truyền thống và hiện đại.

Nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng gia đình “*no ấm, tiến bộ, hạnh phúc*”, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và nhân cách, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, trong thời gian tới ngoài nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước ta cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

### **2.3.1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, và hệ thống dịch vụ xã hội liên quan đến gia đình.**

Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Chính vì vậy quan tâm và giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân, của gia đình-tế bào của xã hội là trách nhiệm quan trọng của toàn đảng. Trong thời đại hiện nay, gia đình mang tính dân chủ hơn so với gia đình truyền thống, tuy nhiên nó vẫn không thể thoát khỏi những quan niệm lạc hậu đã in đậm vào trong lối sống và phong tục của người dân, trong đó người đàn ông sử dụng cái quyền gia trưởng của mình để áp đặt người phụ nữ, nên quyền bình đẳng giữa người phụ nữ trong một số gia đình còn nhiều bị hạn chế. Nói là gia đình hạt nhân, nhưng nhiều gia đình chạy đua sinh con trai để nối dõi tông đường, dẫn đến sự bùng nổ dân số ảnh hưởng đến đời sống kinh tế cùng như tinh thần của các thành viên trong gia đình, con em nhiều gia đình không được chăm sóc phải tự kiếm sống từ lúc còn nhỏ, phải lang thang kiếm sống, điều này dễ dẫn các em đến những lối sống không lành mạnh. Mặt khác bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em vẫn tồn tại không chỉ ở khu vực nông thôn mà ngay chính các đô thị cũng không là ngoại lệ. Ngoài ra các tệ nạn xã hội như mại dâm, ma túy

không ngừng len lỏi vào từng hộ gia đình. Để xây dựng gia đình văn hóa mới, Đảng và nhà nước ta phải không ngừng xây dựng những chính sách, pháp luật và hệ thống dịch vụ xã hội liên quan đến gia đình.

Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến xây dựng gia đình văn hóa như ban hành các văn bản luật về gia đình: Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000); Luật Bình đẳng giới (năm 2007); Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (năm 2008); Pháp lệnh Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020...

Tuy nhiên, gia đình luôn vận động và biến đổi cùng với sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội. Như Ph. Ăngghen đã khẳng định “Gia đình là một yếu tố năng động, nó không bao giờ đứng nguyên ở một chỗ, mà chuyển từ một hình thức thấp lên một hình thức cao, khi xã hội phát triển từ một giai đoạn thấp lên một giai đoạn cao” [39; tr. 57].

Hiểu rõ quy luật phát triển của gia đình, Đảng và Nhà nước ta cần tiếp tục ban hành, bổ sung một số chính sách mới, phù hợp với điều kiện xây dựng gia đình văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đồng thời, phải đổi mới nội dung và phương pháp truyền thông về gia đình, nâng cao hiểu biết về Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Bình đẳng giới, cùng các kiến thức, kỹ năng về cuộc sống hôn nhân, gia đình.

Ngoài ra, Đảng và Nhà nước cần đặc biệt quan tâm đến những gia đình khó khăn, vùng sâu, vùng xa, khu công nghiệp, các nơi phải nhường đất sản xuất cho đô thị hóa, phát triển công nghiệp và các hộ di dân, Thực hiện một số chính sách ưu tiên phát triển kinh tế gia đình, để mỗi gia đình có cơ hội làm ăn kinh tế, đưa lại thu nhập cho gia đình và vươn lên thoát nghèo.

Triển khai và mở rộng các loại hình dịch vụ an sinh xã hội để nâng cao năng lực tự chủ của mỗi gia đình, bảo đảm cho các gia đình có cơ hội tiếp cận

sự bảo trợ của Nhà nước, ổn định cuộc sống, chăm lo giáo dục con cái và chăm sóc người cao tuổi.

### **2.3.2. Tiếp tục sự nghiệp giải phóng phụ nữ nhằm thực hiện bình đẳng giới**

Trong lịch sử nhân loại từ trước đến nay, phụ nữ bao giờ cũng là một bộ phận quan trọng góp phần làm giàu cho xã hội và làm phong phú cuộc sống con người. Trong lao động sản xuất, chính phụ nữ là một lực lượng trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất nuôi sống con người, tái sản xuất ra bản thân con người để duy trì và phát triển xã hội. Trên lĩnh vực tinh thần, họ là người sáng tạo nền văn hóa nhân loại. Mặt khác, phụ nữ còn tham gia tích cực vào đấu tranh giai cấp, giải phóng dân tộc, vì sự tiến bộ của nhân loại, đặc biệt phụ nữ Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh chống giặc ngoài xâm, luôn phát huy vai trò của mình, vượt khó, vượt khổ, không tiếc xương máu, sẵn sàng chiến đấu, lao động, hi sinh công hiến không chỉ cuộc đời mình mà cả con em cho độc lập, tự do của tổ quốc. Phụ nữ không chỉ đấu tranh anh hùng mà còn lao động cần cù, gian khó vượt lên cảnh đói nghèo và lạc hậu, góp phần xây dựng đất nước ngày càng to đẹp và đàng hoàng hơn. Với những công hiến của phụ nữ, Đảng và Bác Hồ đã phong tặng phụ nữ tám chữ vàng trong thời kì kháng chiến “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” và trong thời kì đổi mới đất nước là “Trung hậu, đảm đang, tài năng, anh hùng”. Đó không chỉ là sự khích lệ, động viên mà còn là sự thừa nhận và đánh giá vai trò to lớn của phụ nữ Việt Nam.

Ngày nay, phụ nữ Việt Nam luôn giỏi việc nước, đảm việc nhà, tiếp tục vượt qua mọi thành kiến và thử thách, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, khẳng định vai trò của mình trên nhiều lĩnh vực như tham gia quản lí nhà nước, nhà khoa học, nhà quản lí năng động, xóa đói giảm nghèo; Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc; Tham gia phòng chống tệ nạn

xã hội, thúc đẩy hoạt động đối ngoại nhân dân. Nhiều lĩnh vực sự có mặt của người phụ nữ không thể thiếu như: dệt, may mặc, dịch vụ, công nghệ dịch vụ. Thực tế cho thấy hiện nay phụ nữ chiếm tỉ lệ cao trong lực lượng lao động với hơn 50% dân số và gần 50% lực lượng lao động xã hội; Có 33,1% đại biểu nữ trong Quốc hội khóa XII cao nhất ở Châu Á và là một trong những nước có tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội cao nhất thế giới; Số phụ nữ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp chiếm trên 20%. Như vậy, với chính sách khuyến khích sự phát triển của phụ nữ đã tạo điều kiện cho họ thể hiện được vai trò to lớn của mình trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, phụ nữ không còn bị bó buộc vào gia đình như trước.

Tuy hiện nay Đảng và nhà nước luôn quan tâm đến quyền bình đẳng của giới nữ, nhưng với những quan niệm cũ để lại, họ còn chịu nhiều thiệt thòi, bất bình đẳng so với nam giới, họ chưa phát huy hết vai trò của bản thân trong xây dựng gia đình, đồng thời hạn chế sự đóng góp của họ cho toàn xã hội. Phụ nữ cần tiếp tục được giải phóng, được chia sẻ về công việc gia đình, hỗ trợ về các dịch vụ gia đình để họ có thời gian phát triển sự nghiệp. Phụ nữ không chỉ được hỗ trợ về công việc gia đình mà còn phải được tạo điều kiện để nâng cao trình độ, phát triển cá nhân. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề, nâng cao học vấn đối với phụ nữ; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành; chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt chức năng thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Đại hội XI của Đảng chỉ rõ: Xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ, tập trung ở những vùng và khu vực có sự bất bình đẳng và nguy cơ bất bình đẳng cao; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn bán phụ nữ, trẻ em và bạo lực trong gia đình. Tạo điều kiện để phụ

nữ tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ. Đồng thời, phải nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện pháp luật, chính sách đối với lao động nữ. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy và bộ máy quản lý nhà nước. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

Dù ở thời đại nào, gia đình luôn là yếu tố quan trọng ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển bền vững của quốc gia – dân tộc. Bởi chúng ta biết rằng gia đình là nền tảng của xã hội. Tuy nhiên, không phải quốc gia nào, giai cấp cầm quyền nào cũng nhận thức được như vậy. Qua hai mươi năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu và toàn cầu hóa hiện nay, Đảng ta càng nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của gia đình với tư cách là “tế bào” vững chắc của xã hội, là môi trường lành mạnh để xây dựng nguồn lực con người; coi xây dựng gia đình văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Với tinh thần, nhận thức và biện pháp đó, chúng ta hi vọng trong thời gian tới vị trí, vai trò của gia đình ngày càng được khẳng định và các gia đình Việt Nam ngày càng “khỏe mạnh” hơn để giữ vững nền tảng xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo đà cho Việt Nam “cất cánh” nhanh và bền vững.

### **2.3.3. Nâng cao nhận thức của mỗi cá nhân cũng như toàn xã hội về vai trò, vị trí đặc biệt của gia đình đối với xã hội.**

Nhận thức được tầm quan trọng của gia đình, Ph. Ăngghen đã khẳng định gia đình không chỉ có vai trò sản xuất ra các tư liệu sinh hoạt mà còn có vai trò quan trọng trong việc tái sản xuất ra chính bản thân con người để duy trì và phát triển xã hội. Như vậy chính gia đình là một trong những nhân tố

quyết định lịch sử.

Ph. Ăngghen chỉ ra rằng: “Theo quan điểm duy vật, thì nhân tố quyết định trong lịch sử - xét đến cùng - là sản xuất và tái sản xuất ra những nhân tố cần nhất cho đời sống. Bản thân sự sản xuất ấy lại có hai mặt. Một mặt là sản xuất tư liệu sinh hoạt: thức ăn, quần áo, nhà cửa, và những công cụ để sản xuất những thứ đó; mặt khác là sản xuất ra chính con người, để duy trì nòi giống. Tổ chức của xã hội loài người - ở một thời đại lịch sử cụ thể và ở một quốc gia cụ thể - là do hai loại sản xuất đó qui định: một mặt là trình độ phát triển của lao động, mặt khác là trình độ phát triển của gia đình” [39; tr. 44].

Khi nói về vai trò gia đình, chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Rất quan tâm đến gia đình là đúng và nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình.

Đảng và Nhà nước ta cũng thừa nhận tầm quan trọng của gia đình trong việc tạo ra nguồn của cải vật chất cho xã hội và cung cấp số lượng lớn nguồn lao động có đạo đức tốt, năng động, sáng tạo đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Mỗi cá nhân cần nhận thức được gia đình có vai trò rất quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của xã hội, là nhân tố cho sự tồn tại và phát triển của xã hội, là đơn vị nhỏ nhất để tạo nên xã hội. Không có gia đình để tạo ra con người thì xã hội không tồn tại và phát triển được, chính vì vậy muốn có xã hội tốt thì phải có gia đình tốt. Đồng thời cần nâng cao trách nhiệm của gia đình, của cộng đồng trong việc tuyên truyền pháp luật, chính sách liên quan đến vấn đề xây dựng gia đình.

Quan tâm đến gia đình, thì điều cần thiết là quan tâm đặc biệt đến văn hóa gia đình, Văn hóa gia đình là một bộ phận, là cái “gốc” của văn hóa làng, văn hóa nước. Cho nên, việc đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa

không thể tách rời việc nghiên cứu, xem xét, đánh giá từ góc độ văn hóa gia đình. Nghĩa là, cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa và tiêu chí gia đình văn hóa hiện nay phải dựa trên những giá trị văn hóa truyền thống của gia đình Việt Nam. Đồng thời trong quá trình xây dựng gia đình văn hóa phải biết giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Với mục tiêu mà chúng ta hướng tới và thực hiện là xây dựng gia đình văn hóa truyền thống và hiện đại, xây dựng gia đình văn hóa vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của gia đình Việt Nam, vừa phải kết hợp những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội.

Nhận thức về tầm quan trọng của gia đình trong sự phát triển của xã hội, Đảng và nhà nước cần tăng cường công tác tuyên truyền hơn nữa vai trò, vị trí của gia đình, để mỗi gia đình nhận thức được một cách sâu sắc, góp phần xây vào công cuộc xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và xây dựng gia đình văn hóa lành mạnh và tiến bộ.

Đồng thời, không ngừng phổ biến Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em; Luật Bình đẳng giới; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Pháp lệnh Dân số,... Đưa chủ đề gia đình vào các chương trình tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt và phê phán những biểu hiện không lành mạnh ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình.

#### **2.3.4. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đối với công tác gia đình.**

Các cấp Ủy đảng và Chính quyền các cấp phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên; chủ động rà soát, đánh giá tình hình gia đình tại địa phương. Thực tế hiện nay, trong gia đình vẫn còn nhiều bất cập đáng quan tâm. Ở nhiều khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhiều gia đình còn rất khó khăn về kinh tế, đời sống eo hẹp, con cái không được học hành, phải kiếm sống từ lúc các em còn nhỏ. Mặt khác tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ và



trẻ em vẫn còn tồn tại không chỉ ở các vùng nông thôn mà ngay chính các thành phố dẫn đến gia đình đổ vỡ, hoặc khiến người phụ nữ và trẻ em phải cam chịu sự đánh đập của người chồng, người cha. Cùng với ảnh hưởng của lối sống thực dụng, ăn chơi, các tệ nạn xã hội đang từng ngày len lỏi vào từng hộ gia đình như ma túy, cờ bạc, rượu chè, mại dâm, HIV/AIDS, trộm cắp, đặc biệt buôn bán phụ nữ và trẻ em ngày càng phổ biến khiến cho cuộc sống nhiều gia đình xáo trộn. Chính vì vậy, cần có sự quan tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương về công tác gia đình để kịp thời giải quyết những bất cập và khó khăn, xây dựng văn hóa gia đình tiến bộ, lành mạnh xứng đáng là tế bào của xã hội.

Để giải quyết những bất cập trong gia đình, Đảng và nhà nước cần xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án cụ thể giải quyết những khó khăn, thách thức về gia đình và công tác gia đình. Đặc biệt quan tâm xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình; tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc các bà mẹ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; có kế hoạch và biện pháp cụ thể phòng, chống bạo hành trong gia đình đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em. Để đẩy lùi những khó khăn, trên khắp cả nước nhiều phong trào từng bước được đẩy mạnh như: phòng, chống bạo lực gia đình; phòng, chống sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình; phát triển các dịch vụ cộng đồng; xã hội hóa công tác gia đình; Bên cạnh phòng chống bạo lực gia đình, cần đưa những kiến thức gia đình về sức khỏe sinh sản vị thành niên vào trường học để các em sớm làm quen với những kiến thức về gia đình, tránh những vấp ngã không đáng có trong lối sống của các em. Chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình 2001-2020, công tác truyền thông chuyển đổi hành vi về DS-KHHGD được chú trọng và được coi là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nhanh chóng nâng cao nhận thức của người dân trong cộng đồng. Chúng ta đã thực hiện chiến dịch tăng cường tuyên

truyền, vận động lồng ghép dịch vụ sức khỏe sinh sản/KHHGD nhằm kiểm chế mức tăng sinh, đồng thời là một biện pháp tích cực để cải thiện sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ trẻ em. Chiến dịch này đã được ưu tiên triển khai ở các vùng khó khăn, vùng đông dân số, vùng có mức sinh cao dưới các hình thức như: các chi cục DS-KHHGD phối hợp truyền thông với Hội Phụ nữ; Hội Nông dân xây dựng các câu lạc bộ; Đoàn Thanh niên và Sở Giáo dục phát động phong trào “Thanh niên dân số, sức khỏe, môi trường”, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về SKSS vị thành niên, thanh niên, HIV/AIDS... ; Gặp mặt các già làng, trưởng bản - những người có uy tín trong cộng đồng cư dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa - tuyên truyền cho con cháu thực hiện tốt chính sách Dân số - KHHGD... Bên cạnh đó, các đài phát thanh - truyền hình, báo tỉnh, hội nhà báo, trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe tỉnh đã xây dựng các chuyên mục, chuyên trang bằng tiếng dân tộc để tuyên truyền cho bà con vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số về chăm sóc SKSS/KHHGD, tổ chức các cuộc thi và xây dựng các mô hình truyền thông tại địa bàn dân cư, góp phần nâng cao nhận thức trong cộng đồng về chương trình DS - KHHGD.

### **2.3.5. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, điều tra, khảo sát toàn diện về gia đình.**

Nhằm hướng tới xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, Đảng và nhà nước phải không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu, điều tra, khảo sát toàn diện về gia đình.

Trong đó đặc biệt là nghiên cứu các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình cần gìn giữ; phát huy những giá trị mới, tiên tiến cần tiếp thu; nghiên cứu xây dựng các mô hình gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới.

Mục tiêu mà chúng ta hướng tới là xây dựng gia đình văn hóa truyền

thống và hiện đại. Chính vì vậy cần không ngừng nghiên cứu và phát triển những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống gia đình như truyền thống cha mẹ nhân từ, con cái hiếu thảo, anh em hòa thuận; tình yêu thương và sự tôn trọng trong gia đình, nhiều gia đình còn duy trì được cuộc sống sum vầy nhiều thế hệ dưới một mái nhà. Có những gia đình gặp hoàn cảnh éo le nhưng vẫn giữ trọn nề nếp gia phong, coi trọng nghĩa tình, biết yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

Bên cạnh tiếp thu những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình truyền thống, đồng thời chúng ta cần phải tiếp thu các giá trị văn hóa gia đình tiên tiến như quyền bình đẳng giới và tự do cho mỗi cá nhân được phát huy và phát triển. Tuy vậy, hiện nay khi nhiều gia đình đầy đủ hơn về vật chất, song không phải cứ nhiều của cải, tiền bạc là gia đình hạnh phúc. Mỗi người không nên cao ý thức vun đắp cuộc sống gia đình thì không thể có tổ ấm trọn vẹn. Thực trạng diễn ra ở nhiều gia đình ngày nay là các thành viên dường như ít quan tâm tới nhau hơn. Người lớn mãi lo kiếm tiền để trẻ em bơ vơ, lêu lổng. Hoặc cả ngày bố mẹ bận đi làm, con đi học, nhà chỉ có ông, bà già thui thủi một mình, các thành viên không giao lưu, trò chuyện, chia sẻ với nhau. Nhiều gia đình không duy trì nề nếp sinh hoạt đầm ấm, bữa cơm chiều sum họp dần thay thế bằng những bữa liên hoan, nhậu nhẹt nơi hàng quán. Với cung cách duy trì cuộc sống gia đình quá coi trọng cá nhân như vậy làm cho tâm hồn người ta trở nên lạnh lẽo, vô cảm. Chính vì vậy, để xây dựng văn hóa gia đình ấm áp, lành mạnh, mỗi gia đình phải biết chọn lọc những giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống và những giá trị tiến bộ trong gia đình hiện đại để phát triển, không nên chạy theo lối sống hiện đại mà quên mất những truyền thống gia đình quý báu mà ông cha để lại.

### **2.3.6. Tiếp tục giáo dục, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình truyền thống với giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển.**

Trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng tổ quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các gia đình Việt Nam đã phát huy truyền thống tốt đẹp, đóng góp sức người sức của, cùng cả nước tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng cuộc sống mới văn minh tiến bộ. Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X một lần nữa nhấn mạnh: “ Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt nam, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc”.

Ngày nay, nước ta đang thực hiện tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế trong xu hướng toàn cầu hoá. Sự giao lưu mở cửa hội nhập đã đem đến cho gia đình Việt nam nhiều cơ hội, có điều kiện phát triển kinh tế, giao lưu với các nền văn hoá tiên tiến văn minh của các nước, song bên cạnh những mặt tích cực, cũng đã nảy sinh nhiều vấn đề tác động đến đời sống gia đình Việt nam như: mặt trái của kinh tế thị trường, đã làm cho các thế hệ gia đình Việt Nam đang đứng trước những thử thách sóng gió, các giá trị văn hoá gia đình truyền thống tốt đẹp của người Việt nam đang có biểu hiện xuống cấp, mai một. Nhiều tệ nạn xã hội như ma tuý, cờ bạc, rượu chè, mại dâm...đã và đang xâm nhập vào các gia đình làm cho giá trị văn hoá gia đình bị suy giảm. Mâu thuẫn, xung đột giữa các thế hệ về phép ứng xử, tình trạng bạo lực gia đình có chiều hướng ngày càng gia tăng. Đứng trước những thử thách to lớn đó nếu chúng ta không quan tâm

củng cố, ổn định và xây dựng gia đình thì những khó khăn thách thức đó sẽ tiếp tục làm suy yếu gia đình. Vì vậy trong công tác xây dựng văn hoá gia đình và gia đình văn hoá cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục, kế thừa và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt nam, gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển. Từ đó đề cao trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng nhân cách cho mỗi thành viên trong gia đình với những phẩm chất cao quý theo Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đó là: có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới...có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước.

Trong giai đoạn ngày nay, với xu thế hội nhập toàn cầu thì việc giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp và tiếp thu những giá trị văn hoá hiện đại là một nhiệm vụ hết sức quan trọng đối với mỗi gia đình và toàn xã hội. Để chúng ta có thể hoà đồng với các nước tiên tiến nhưng vẫn không làm mất đi bản sắc văn hoá của dân tộc mình. Điều này, không chỉ là sự cố gắng của Đảng và nhà nước mà cần có sự cố gắng nỗ lực của mỗi thành viên trong gia đình, nhằm hướng tới xây dựng gia đình ngày một vững mạnh, văn minh.

### **2.3.7. Đẩy mạnh công tác giáo dục về hôn nhân và gia đình đến mọi đối tượng**

Cách nuôi dạy con cái là chức năng đặc biệt của gia đình mà không một đơn vị xã hội nào có thể thay thế được. Cũng theo Ph.Ăngghen: “Đứa trẻ ít bị xúc phạm thì lớn lên sẽ trở thành người biết tự trọng nhiều hơn”. Từ quan điểm này có thể thấy, xác định được phương pháp, quan điểm nuôi dạy con đúng đắn là khởi nguồn của mọi giá trị trong gia đình. Nó thiết lập giá trị hiện

tại và góp phần định hướng sự phát triển của gia đình tương lai.

Tuy vậy, với cơ chế thị trường, với sự phát triển mạnh mẽ của xã hội thông tin, một mặt tạo cơ hội cho phát triển gia đình như gia đình tiếp cận với những phương tiện hiện đại hơn, nhưng mặt khác mặt trái của nó lại mang đến những yếu tố tiêu cực như lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền, lối sống ỉ lại của một số thành viên trong gia đình là kẻ hở để các tệ nạn xã hội xâm nhập vào từng ngôi nhà như tình trạng rượu chè, cờ bạc, hay ở một số thanh thiếu niên hiện nay có lối sống buông thả như không chú tâm vào học tập mà lao vào chơi game, xem phim ảnh đồi trụy, tiêm chích, quan hệ tình dục trước hôn nhân mà không biết đến hậu quả đáng tiếc của nó có thể có con ngoài ý muốn khi các em chưa đến tuổi lập gia đình, chưa thể gánh vác trách nhiệm làm cha mẹ hoặc tình trạng nạo phá thai không ngừng tăng nhanh ở tuổi vị thành niên mà hậu quả của nó sau này có thể dẫn đến vô sinh đối với nữ giới.

Chính vì vậy, để hướng đến xây dựng gia đình có lối sống lành mạnh, ngay từ đầu phải đẩy mạnh công tác giáo dục về hôn nhân và gia đình với những nội dung và hình thức giáo dục phong phú.

Công tác giáo dục là một phần quan trọng giúp nhận thức của con người có cái nhìn đúng hơn về hôn nhân và gia đình, trong đó đặc biệt là đối tượng vị thành niên. Với nội dung giáo dục phong phú như: tình yêu, hôn nhân, gia đình, giới tính, dân số-kế hoạch hóa gia đình, về sức khỏe sinh sản, sức khỏe sinh sản vị thành niên, ...đó là những hành trang, những kiến thức để họ bước vào cuộc sống tự tin và lành mạnh hơn. Để những nội dung giáo dục đến mọi người dân, mọi gia đình, hình thức giáo dục phải phong phú: như tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua các buổi sinh hoạt hay qua các hoạt động vui chơi giải trí....Đặc biệt, phải đưa công tác giáo dục hôn nhân và gia đình vào trường học, phối hợp chặt chẽ giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Nhằm hướng cho các em có lối sống đúng đắn hơn, lành mạnh hơn.

## TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Xuất phát từ những tư tưởng gia đình của các nhà tiên bối, trong đó quan trọng là C. Mác và Ph. Ăngghen, vấn đề hôn nhân và gia đình đã trở thành mối quan tâm của các nhà nghiên cứu. Đặc biệt trong điều kiện cơ chế thị trường hiện nay, vấn đề gia đình cần có sự quan tâm của toàn đảng, toàn dân và mỗi cá nhân.

Hòa vào dòng chảy chung của thế giới, Việt Nam không ngừng đổi mới toàn diện và đạt được những thành tựu đáng kể, trong đó gia đình-tế bào của xã hội có sự chuyển biến theo hướng tích cực, tiến bộ cả về cơ cấu, chức năng, các mối quan hệ và vị thế của người phụ nữ được nâng lên. Tuy vậy, mặt trái của cơ chế thị trường mang lại không ít những thách thức đối với gia đình Việt như: bạo hành gia đình, ngoại tình, mại dâm, rượu chè, cờ bạc, li hôn ngày càng phổ biến, đặc biệt các tệ nạn xã hội thâm nhập vào các gia đình ngày càng tăng đang trở thành mối lo ngại cho toàn xã hội.

Chính vì vậy cần có những giải pháp thiết thực, giải quyết những khó khăn và thách thức đối với gia đình hiện nay, hướng đến xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng văn hóa gia đình vừa kết hợp văn hóa truyền thống và văn hóa gia đình hiện đại thích ứng với sự phát triển chung của xã hội trong thời kì hội nhập.

Để làm được điều đó, cần có sự quan tâm của Đảng và nhà nước, của chính quyền các cấp trong công tác giáo dục và hoạch định chính sách về gia đình, đồng thời phải có sự góp sức của mỗi cá nhân trong việc chung tay xây dựng gia đình văn hóa.

## KẾT LUẬN

Hôn nhân và gia đình là vấn đề được xã hội quan tâm. C. Mác và Ph.Ăngghen cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề này và những tư tưởng, quan điểm của hai ông được trình bày trong nhiều tác phẩm, nhưng quan trọng nhất là tác phẩm: Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước. Trong tác phẩm, Ph. Ăngghen đã trình bày một cách rõ ràng về nguồn gốc sự hình thành các hình thức gia đình, sự phát triển của gia đình từ khi con người đang ở giai đoạn thấp của sự phát triển xã hội, cho đến giai đoạn cao của sự phát triển; từ chế độ mẫu quyền đến chế độ phụ quyền. Mặt khác Ph.Ăngghen còn phê phán chế độ tư hữu với hôn nhân tính toán dưới chủ nghĩa tư bản để đi đến khẳng định phải làm một cuộc cách mạng xã hội, lật đổ chế độ tư hữu tư sản, xây dựng xã hội mới-xã hội cộng sản, bình đẳng, không còn áp bức, bất công. Khi những cơ sở cho sự tồn tại nhà nước không còn nữa thì đồng thời nhà nước cũng tiêu vong đó là một tất yếu của lịch sử. Trong xã hội tương lai, hôn nhân dựa trên tình yêu giữa đôi bên, khi không còn tình yêu nữa thì li hôn là hợp lí cho cả hai bên. Trong xã hội đó quyền bình đẳng của phụ nữ được đề cao, tạo điều kiện cho phụ nữ ngoài công việc nội trợ trong gia đình còn tham gia vào các hoạt động lao động sản xuất trong các công xưởng để nuôi sống gia đình. Với những dự đoán về một xã hội tương lai đã là một thiên tài trong thời đại của Ph. Ăngghen.

Trên những tư tưởng tiên bộ về hôn nhân và gia đình của C. Mác và Ăngghen, Đảng và nhà nước ta luôn quan tâm đến gia đình và công tác gia đình trong tiến trình hội nhập. Quan tâm đến gia đình là quan tâm đến sự phát triển bền vững của xã hội. Gia đình là tế bào của xã hội, gia đình và sự phát triển kinh tế xã hội có mối liên quan chặt chẽ với nhau, tác động qua lại nhau. Gia đình đã thay đổi phù hợp với điều kiện khách quan của sự phát triển xã hội để từ đó nhận thấy nhiều trách nhiệm xã hội mới đang được trao cho gia



đình, làm dày thêm gánh nặng vốn có của gia đình. Vẫn biết rằng gia đình là nơi mỗi thành viên được nuôi dưỡng về vật chất và tinh thần từ tấm bé, là chỗ dựa khi cuộc sống ở ngoài xã hội gặp khó khăn, ai đi đâu, dù xa hay gần cũng đều mong quay về nhà. Nhưng thời nay, trong nhiều hoàn cảnh gia đình không còn là tổ ấm nữa. Tiến trình công nghiệp hoá sẽ làm cho xã hội đổi thay hơn trong tương lai; nền văn hoá tiêu thụ, kinh tế thị trường, lối sống đô thị với sự đề cao tự do cá nhân ... làm cho gia đình đã có rất nhiều bước phát triển nhưng cũng khiến giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình đang có chiều hướng thoái hoá.

Trách nhiệm giáo dục gia đình càng là một thách đố lớn. Trách nhiệm đó thuộc về chính chúng ta, những con người trẻ tuổi đầy niềm tin, nhiệt huyết, là cá tương lai của dân tộc. Và cho dù gia đình có biến đổi ra sao đi nữa, chúng ta vẫn hy vọng gia đình sẽ mãi là chiếc nôi, là tổ ấm, nơi ấy thoả mãn nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần của mỗi con người.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Ngọc Anh (2005), “Quan niệm của Ph.Ăng-ghe-n về tình yêu hôn nhân và gia đình trong tác phẩm Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, *Tạp chí Triết học*, số 11, tr. 25-29.
- [2] Ph. Ăngghen (1995), *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học*, Toàn tập, tập 19, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Lê Trọng Ân (2004), *Tìm hiểu tác phẩm Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Ban tư tưởng Văn hóa Trung ương (2006), *Tài liệu học tập Nghị quyết Đại hội X của Đảng (Dùng cho cán bộ, đảng viên cơ sở)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Mai Huy Bích (2003), *Xã hội học gia đình*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Bộ Giáo dục và đào tạo (2004), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Bộ Giáo dục và đào tạo (1997), *Giáo dục sức khỏe phòng chống nhiễm HIV/AIDS*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Doãn Chính - Đinh Ngọc Thạch (2003), *Vấn đề triết học trong tác phẩm của C.Mác-Ph.Ăngghen-V.I. Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2001), *Xã hội học*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [10] Lê Văn Duy (2008), “Sự thay đổi về quy mô và cơ cấu hộ GD ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân Số và phát triển*, số 12, tr. 93.
- [11] Đại học quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Khoa Triết học (2007), *Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học*

*Mác Lênin*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.

- [12] Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [13] Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư (khóa VII) về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [14] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [17] Tổng Văn Đường (1995), *Giáo trình Dân số học*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- [18] Nguyễn Thế Giai (2002), *Luật hôn nhân và gia đình: Giải đáp 175 câu hỏi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [19] Lưu Song Hà (2011), “Nữ trí thức với gia đình và sự nghiệp”, *Tạp chí Cộng sản (Chuyên đề Cơ sở)*, số 56, tr. 30-33.
- [20] Nguyễn Thị Hà (2009), “Quá trình phát triển nhận thức của Đảng-Nhà nước về hôn nhân gia đình và xây dựng gia đình văn hóa”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 5, tr. 51-55.
- [21] Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2002), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
- [22] Khuất Thu Hồng (1996), *Gia đình truyền thống - một số tư liệu xã hội học*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [23] Trần Đình Hượu (1992), *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

- [24] Nguyễn Tấn Hùng - Lê Hữu Ái (2012), *Phân tích tư tưởng triết học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lenin qua các tác phẩm*, Nxb. Đà Nẵng.
- [25] Nguyễn Thị Lan Hương (2004), “Quan niệm của Ph.Ăngghen về gia đình và ý nghĩa của nó đối với việc nghiên cứu gia đình trong xã hội thông tin”, *Tạp chí Triết học*, số 11, tr. 22-27.
- [26] Vũ Ngọc Khánh (2007), *Văn hóa gia đình Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [27] Nguyễn Linh Khiếu (2001), *Gia đình và người phụ nữ trong biến đổi văn hoá xã hội nông thôn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [28] Nguyễn Linh Khiếu (2002), “Vấn đề gia đình Việt Nam và vai trò của người phụ nữ trong gia đình”, *Tạp chí Cộng Sản*, số 18, tr. 73-74.
- [29] Nguyễn Linh Khiếu (2003), *Nghiên cứu phụ nữ giới và gia đình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [30] Nguyễn Linh Khiếu (2006), “Giáo dục gia đình hướng tới xây dựng con người thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”, *Tạp chí Cộng Sản*, số 12, tr. 32-36.
- [31] Trần Thị Xuân Lan (2007), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng phụ nữ”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 5, tr. 20-23.
- [32] Lê Diệu Linh (2013), “Xu thế chuyển dịch và giải pháp ổn định gia đình Việt Nam hiện đại”, *Tạp chí Cộng Sản*, số 843.
- [33] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [34] Luật Bình đẳng giới (2013), Nxb. Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
- [35] C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, Tập 20, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [36] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [37] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [38] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [39] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 21, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [40] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Gia đình thần thánh hay sự phê phán có tính chất phê phán chống lại Brunô Bauơ và đồng bọn*, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [41] J.F.MacLennan (1876), *Nghiên cứu Lịch sử Cổ đại, Hôn nhân nguyên thủy*, tr.124.
- [42] Tuệ Minh (2013), “Gia đình Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước”, *Tạp chí Cộng Sản*, số 248.
- [43] Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (2008), *Bình đẳng giới ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [44] Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (2009), *Bạo lực gia đình đối với người phụ nữ ở Việt Nam: Thực trạng, diễn biến và nguyên nhân*, Nxb Hà Nội.
- [45] Lê Tôn Nghiêm (2000), *Lịch sử triết học Phương Tây*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [46] Nguyễn Xuân Phong (2011), *Giới thiệu một số tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về chính trị*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [47] Lê Thị Quý (2003), “Suy nghĩ về xây dựng chiến lược phát triển gia đình hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, số 30, tr. 27.

- [48] Lê Thị Quý (2009), *Xã hội học giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [49] Trần Văn Sơn (2001), *Những quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
- [50] Nguyễn Thị Mỹ Trang - Nguyễn Lê Tâm (2007), “Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải phóng phụ nữ”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 5, tr. 7-11.
- [51] Nguyễn Thanh Tâm (2001), *Li hôn, nghiên cứu trường hợp ở Hà Nội*, Nxb Khoa học Xã Hội, Hà Nội
- [52] Đỗ Thị Thạch (2011), “Về xây dựng gia đình văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng Đại hội XI của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản* (Chuyên đề cơ sở), số 56, tr. 7-10.
- [53] Đặng Quang Thành - Trần Thị Thuý - Hồ Bá Thâm (2000), *Tình yêu, hôn nhân và gia đình - những vấn đề hiện nay*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [54] Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 1999
- [55] Tổng điều tra và Dân số ở Việt Nam năm 2009
- [56] Trần Hữu Tông - Trương Thìn (1997), *Xây dựng gia đình văn hoá trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
- [57] Nguyễn Quốc Tuấn (1995), *Tìm hiểu các quy phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [58] Đặng Ánh Tuyết (2005), “Gia đình và vị thế người phụ nữ qua Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 11, tr. 15-25.
- [59] Lê Thi (1997), *Vai trò gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
- [60] Lê Thi (2009), *Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hôn nhân và gia đình giữa các thế hệ người Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- [61] Nguyễn Thị Thọ (2011), *Xây dựng đạo đức gia đình ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Sự thật, Hà Nội.
- [62] Nguyễn Thị Thuý (2007), “Gia đình Việt Nam và vai trò của người phụ nữ trong gia đình”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 4, tr. 37-41.
- [63] Trần Trọng Thụy (1990), *Tài liệu giáo dục đời sống gia đình*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [64] Trung tâm nghiên cứu Giới và Phát triển (2007), *Luật bình đẳng giới diễn giải*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
- [65] Trung tâm nghiên cứu Giới và Phát triển (2009), *Luật phòng, chống bạo lực gia đình diễn giải*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
- [66] Lê Ngọc Văn (1998), *Gia đình Việt Nam với chức năng xã hội hoá*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [67] Nguyễn Đình Xuân (1996), *Tâm lý học tình yêu gia đình*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

***Tài liệu trên các trang Web:***

- [68] <http://www.tapchicongsan.org.vn/> gia đình Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.
- [69] <http://www.longan.gov.vn/tintuc/Pages/201207/20120702093607.aspx>
- [70] <http://thuvienphapluat.vn/archive/Chi-thi/Chi-thi-49-CT-TW-xay-dung-gia-dinh-thoi-ky-cong-nghiep-hien-dai-hoa-vb130938t1.aspx>
- [71] <http://giadinh.net.vn/duong-loi-chinh-sach/chien-luoc-xay-dung-gia-dinh-viet-nam-giai-doan-2005-2010-50161.htm>
- [72] <http://gas.hoasen.edu.vn/vi/gas-page/diem-sach-su-tuong-dong-va-khac-biet-trong-quan-niem-ve-hon-nhan-gia-dinh-giua-cac-he-nguoi>
- [73] [http://www.marxists.org/vietnamese/marxengels/1880s/nguon\\_goc\\_cua\\_gia\\_dinh/phan\\_1.htm](http://www.marxists.org/vietnamese/marxengels/1880s/nguon_goc_cua_gia_dinh/phan_1.htm)

- [74] [http://tailieutonghop.com/free/nguon-goc-cua-gia-dinh-cua-che-do-tu-huu-cua-nha-nuoc-phan-1-a\\_f176-9825.html](http://tailieutonghop.com/free/nguon-goc-cua-gia-dinh-cua-che-do-tu-huu-cua-nha-nuoc-phan-1-a_f176-9825.html)
- [75] <http://baolamdong.vn/xahoi/201306/nhan-ngay-gia-dinh-viet-nam-28-6-gop-phan-xay-dung-gia-dinh-viet-nam-hien-dai-tien-bo-va-hanh-phuc-2251179/>
- [76] <http://luatminhkhue.vn/hon-nhan/phuong-huong-xay-dung-gia-dinh-viet-nam-hoa-thuan-%E2%80%93-binh-dang-%E2%80%93-hanh-phuc.aspx>
- [77] <http://ww.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=22228&print=true>
- [78] <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=6356&print=true>
- [79] <http://www.Phương hướng xây dựng gia đình Việt Nam hòa thuận-bình đẳng-hạnh phúc.>



